

VĂN-HÒA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

MỤC-LỤC TRÍCH-YẾU

- ★ Biểu nhất-lãm áp-dụng cho lịch-sử Việt-Nam BÙI-QUANG-TUNG
- ☆ Định-mệnh con người NGUYỄN-MẠNH-BẢO
- ★ Việt-Nam trên đường giải-phóng (tiếp theo) BAO-LA cư-sĩ
- ☆ Mây ĐOÀN-THÊM
- ★ Khảo-luận về Chính-phụ ngôm (tiếp theo và hết) PHẠM-VĂN-DIỀU
- ☆ Những ngày oanh-liệt của quân-cảng Hương-giang TÔN-THÁT-CẢNH
- ★ Cỏ-tiền Việt Hoa NGUYỄN TRIỆU
- ☆ Lạc lối trần-gian (Kịch thơ) ĐINH-HÙNG
- ★ Phong-tục người Chăm BỐ-THUẬN và NGUYỄN-KHÁC-NGŨ
- ☆ Tiền-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức HUNG-VIỆT
- ★ Giáo-dục tráng-niên THIÊN-PHƯỚC dịch
- ☆ Một thư-viện đẹp nhất thế-giới VÕ-LANG dịch

VÀ CÁC MỤC THƯỜNG-XUYỀN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

LOẠI MỚI - SỐ 53 THÁNG 8 NĂM 1960

GIÁ BẮN TOÀN-QUỐC } 1 số (tư-nhân) 12\$
 } 1 số (công-sở) 24\$

GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN
 Nghị-định số 332 Cab/Sg.
 ngày 5-5-1952

In 2000 cuốn số 52
 tại nhà in BÌNH-MINH
 149, Đ. Yên-Đỗ - Saigon

VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG

LOẠI MỚI - SỐ 53 THÁNG 8 NĂM 1960

MỤC-LỤC

I - VĂN-HÓA VIỆT-NAM

Số trang :

— Biểu nhất-lãm áp-dụng cho lịch-sử Việt-Nam.	BÙI-QUANG-TUNG	859
— Định-mệnh con người	NGUYỄN-MẠNH-BẢO	909
— Việt-Nam trên đường giải- phóng (tiếp theo)	BAO-LA cư-sĩ	914
— Mây	ĐOÀN-THÊM	936
— Khảo-luận về Chinh-phụ ngâm (tiếp theo và hết).	PHẠM VĂN ĐIỀU	939
— Những ngày oanh-liệt của quân-cảng Hương-giang.	TÔN-THẮT-CẢNH	956
— Cờ-tiền Việt-Hoa	NGUYỄN TRIỆU	962
— Tiền-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức	HUNG-VIỆT	971
— Tại sao người Chăm Bà-ni kiêng thịt heo và thịt nhông ?	BỐ-THUẬN và NGUYỄN-KHẮC-NGŨ	987

— Lạc lối trần-gian (tiếp theo)	ĐINH-HÙNG	992
— Thi-ca : Bến sông đêm ngồi câu	Á-NAM	999
— Đọc quyền « Đất Việt trời Nam ».	Á-NAM	1000
— Cảm-tưởng khi nằm bệnh-viện	THANH-SƠN	1000
— Vũ-trụ và nhân-sinh	NGUYỄN-THỌ-DỰC	1001
— My-Châu Trọng-Thủy (tiếp theo và hết)	Bà HỒNG-THIÊN	1002
— Quạt (thơ Việt và bản dịch Anh-văn)	VŨ-ĐỨC-TRINH	1004
— Đọc cuốn « Việt-Nam gấm vóc cảm đề »	HOÀI-QUANG	1006
— Mưa	TRIỀU-ẤN	1007

II — VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

— Các mục-tiêu và cách tổ-chức Giáo-dục tráng-niên	THIỆN-PHƯỚC dịch	1008
— Một thư-viện đẹp nhất thế-giới	VŨ-LANG dịch	1015
— Văn-hào Jack London (tiếp theo)	THANH-TÂM	1020

III — TIN-TỨC VĂN-HÓA

— Tin trong nước	1024
— Tin ngoài nước	1029

TRANH ẢNH TRONG SỔ NÀY

- Họa-phẩm xưa nhất về dân-tộc Đại-Việt :
Hiếu-ức-quốc (1078).
- Đèn thờ Võ Quốc-Công (Võ-Tánh) tại Gò-Công.



VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

LOẠI MỚI - SỐ 54 THÁNG 9 NĂM 1960

MỤC-LỤC

I - VĂN-HÓA VIỆT-NAM

	Số trang :		
— Văn-tế « Thập loại chúng-sinh » của Nguyễn-Du	1033	PHẠM-VĂN-DIÊU	
— Dương-Khuê	1048	DƯƠNG-THIỆU-CƯƠNG	
— Tao-đàn nhị-thập-bát tú.	1056	TÂN-VIỆT-ĐIỀU	
— Định-mệnh con người (tiếp theo).	1061	NGUYỄN-MẠNH-BẢO	
— Việt-Nam trên đường giải- phóng (tiếp theo và hết)	1068	BAO-LA cư-sĩ	
— Gió	1083	ĐOÀN-THÊM	
— Phù-Nam về phương-diện địa-lý	1086	NGUYỄN-KHẮC-NGŨ	
— Thử so sánh « Chinh-phụ ngâm » với « Đoàn-trường Tân-thanh ».	1093	NGUYỄN-KHOA	
— Người lạ Thất-Sơn : ông Hai Lãnh	1099	NGUYỄN-VĂN HẦU	
— Lạc-Vương hay Hùng-Vương (tiếp theo)	1104	PHẠM-HOÀN-MỸ	
— Thi-ca : Thu-tứ.	1109	ĐẠM-NGUYỄN	
— Nỗi vợ chồng Ngâu	1110	ĐÔNG-MINH	

— Qua Vũng Tàu	1112	PHẠM-XUÂN-ĐỘ
— Đứng trên cầu cảm-tác.	1112	Bà HỒNG-THIÊN
— Vũ-trụ và nhân-sinh (thơ họa)	1113	H. QUANG
— Vọng (Thơ Việt và bản dịch Anh-văn)	1114	VŨ-ĐỨC-TRINH
— Giai-nhân và Thi-nhân	1116	ĐÔNG-XUYÊN

II - VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

— Khương Công-phụ	1117	BŨU CẦM
— Hiền-triết Hy-Lạp (tiếp theo) : Démocrite và Socrate	1124	LÊ-CHÍ-THIỆP
— Thế nào là học-thuyết chủ-tử ? (tiếp theo)	1131	TRẦN-ĐÌNH-KHẢI
— Văn-hào Jack London (tiếp theo và hết)	1142	THANH-TÂM
— Các mối liên-quan giữa mục-tiêu và phương-pháp đối với xã-hội.	1151	THIỆN-PHƯỚC dịch
— Các loại xe bay	1159	VÕ-LANG dịch
— Kinh-đô thế-giới (tiếp theo và hết).	1166	PHẠM-VĂN-QUANG
— Ngành Đại-học Nhật-Bản (t. theo)	1172	ĐOÀN-VĂN-AN dịch
— Tìm hiểu văn-chương Anh-cát-Lợi (tiếp theo)	1185	L.M. TRẦN-PHÚC-VY

III - TIN-TỨC VĂN-HÓA

— Tin trong nước	1188
— Tin ngoài nước	1193

TRANH ẢNH TRONG SỐ NÀY

- Đồn Hai (ở Đà-Nẵng)
- Một trang sử về nước Champa.
- Trang đầu bộ « Đại-Việt sử-ký ngoại-ký
toàn-thư » (của Ngô-sĩ-Liên)
- Một trang của bộ « Khâm-Định Việt-sử Thông-giám cương-mục »

TIN BUỒN

Được tin Cụ **NGUYỄN-VĂN-TIỆP** linh-nghiêm ô. Nguyễn-văn-Đang, nguyên Đồng-Lý Văn-Phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, tạ-thế tại Hà-Nội ngày 27 tháng 6 nhuận âm-lịch (19-8-1960), hưởng thọ 88 tuổi.

Nha Văn-Hóa và Tòa-soạn Văn-Hóa-Nguyệt-San xin trân-trọng chia buồn cùng ô. Đàng với tang-quyển, và chân-thành cầu-chúc linh-hồn **NGUYỄN TIÊN-SINH** được phiêu-diêu miền Cực-lạc.

ĐÍNH-CHÍNH SAI LÂM VÀ THIÊU SÓT

Trong bài *Biểu Nhất Lâm áp-dụng cho Lịch-sử Việt-Nam* đã đăng trong số 53 tháng 8 năm 1960

Trang	Cột	Giờng	Chữ in sai	Xin đọc là
860		2	triều-dại	triều-dại
861		24	các vua Trung, Việt	các vua Trung-Việt
862		2	giữa thế kỷ-thứ	giữa thế-kỷ thứ...
863	1	4	Bảo-đại 大保	...保大
"	2	2	257-209 tr K.N. (kỷ nguyên)	257-209 tr C.N (công nguyên)
"	3	1	Đời Thục	Nhà Thục
"	"	3	Nguyễn-quang-Toán	阮光燾
"	5	6	còn thiếu 2 niên-hiệu	(thêm: Thiên phủ duệ võ (" : Thiên phủ khánh thọ
864	1	15	Thieu số (3)	thêm số (3) vào sau DiênThành
864	3	2	Mạc-phúc-Nguyên 英...	...莫...
"	4	7	1786-1780	1786-1788
"	4	14	1556-1575	1556-1573
"	4	15	Mạc-Hậu-Hợp	Mạc-mậu-Hợp
"	5	23	Sùng-Khanh	Sùng Khang
865	3	1	Nguyễn-vinh-San	Nguyễn...
866	1	7	Hưng-Khánh (2)	Hưng-Khánh
"	1	15	Kiên Trung	Kiên trung
"	2 4	12	258 sau C.N.	258 tr C.N.
"	3	6	陳帝頌	陳帝頌
"	3	11	Đời Hồng-Bàng	Họ Hồng Bàng
"	3	7	陳開定帝	陳開定帝
"	4	26	2559 tr.C.N. - 258 sau C.N.	2879 tr.C.N. - 258 tr C.N.
"	5	4	Sùng khanh	Sùng Khang
"	"	6	Đoan thái	Đoan thái
"	"	8	(in sai giờng)	Thiên-Hựu { cùng thuộc vào
"	"	10	(in sai giờng)	Chính-trị { Lê-anh-Tôn Lê-t-Dực - 1509-1516 - không có
"	"	11	Hưng-Khánh	không có
"	"	18	Đoan-thái	Đoan thái
"	"	25	(in sai giờng)	Nguyễn phong thuộc Trần- Thái-Tôn
867	3	21	Đời Hậu Lý 後	Nhà tiền Lý 前

Trang	Cột	Giờ	Chữ in sai	Xin đọc à:
867	5	1	Thiện thành	Thiệu thành
"	"	12	"	thêm : không có
868	3	5	Đời Ngô	Nhà Ngô
"	5	6,7,8	"	thêm : không có
869	1	6	太德	泰德
"	2,4	5	1778-1795	1778-1793
"	4	2	1562-1582	1562-1592
"	5	7	Biên thành	Diên thành
870	1	13	thiếu số thứ tự	thêm số (3) sau Thiên gia bảo hữu
"	1	16	-nt-	thêm số (1) sau Thiên Hựu
"	3	12	Lý nhân tôn	Lý-nhân-tôn
"	4	10	1557	1556-1573
"	5	1	Hoàng Dyu	Hoàng định
871	1	4	thiếu số thứ tự	thêm số (2) sau Thiên tư gia thủy
"	1	8	Thiên Ưng...	Thiên Ưng ..
"	2	10	1250-1273	1258-1273
"	5	20	Chính long bảo ứng	Chính long bảo ứng
872	5	1	Thiên cảm thánh vo	Thiên cảm thánh võ
873	5	2	Quảng bảo	Quang bảo
874	1	1	(110 tr.C.N. tới 930 s.C.N.)	(110 tr.C.N. tới 939 s.C.N.)
"	1	1	Đời nhà Hán (Tiên...)	Nhà tiền Hán hay Tây Hán
"	1	1	Võ đế	Võ đế
875	1	11	Đời hậu Hán hay...	Nhà hậu Hán...
"	3	3	Kiến chiêu	Kiến chiêu
"	3	18	Thiên phượng	Thiên phượng
877	4	11	Giả-mạnh-Kiên	Giả-mạnh-Kiên
"	"	15	được sử làm thứ-sử	được cử làm...
878	3	5	Thuộc nhà Hán □ 漢紀	... 蜀漢紀
879	1	2	Thiếu đế	Thiếu đế
"	4	4	Lữ Đại	Lữ Đại
"	"	10	nói giậy mà đánh	nói giậy và .
880	1	4	Vũ đế	Vũ đế
885	4	4	(448)	(488)
886	2	12	53...	535..
887	1	1	Giản văn đề	Giản...
891	3	3	Vinh thuận	Vinh thuận
897	3	5	Hoàng tổ	Hoàng tổ
"	6	11	Hoàng định	Hoàng định
900	2	12	Hiệu quận công	Hiệu...
"	6	7	còn thiếu 1 niên hiệu	thêm : Đức nguyên



BIỂU NHẤT LÂM

ÁP-DỤNG CHO LỊCH-SỬ VIỆT-NAM *

-Bùi-Quang-Tung-

Viễn-Đông Bác-Cổ Học-viện

LỜI NÓI ĐẦU

Những nhà học-giả, khảo cứu về lịch-sử văn-hóa Trung-Hoa, đều có sẵn sàng ở bên tay nhiều sách liệt kê niên-biểu các triều-đại Trung-Quốc, cùng các bảng đối chiếu những ngày tháng âm lịch ra dương lịch, hoặc dương lịch ra âm lịch. Nhưng những vị nào muốn khảo xét về lịch-sử Việt-Nam, thời không được hưởng những sự tiện lợi sẵn sàng ấy, vì lẽ rằng, cho tới ngày nay mới có rất ít tài-liệu khảo xét về văn-đề đó được in ra thành sách.

Cuốn đầu tiên có lẽ là cuốn «Lược biên Việt-Nam sử-ký lịch triều niên kỷ» của ông Georges Maspéro, in trong Thông-Báo (通報) số 5 (1894) trang 43-62.

* - Bản chánh của tác-phẩm này soạn bằng chữ Pháp và sẽ được đăng trong *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient* xuất-bản tại Paris. Vì muốn hiến cho các vị hiếu học Việt-Nam tài-liệu để khảo cứu về lịch-sử nước nhà, nên bạn Trần-Khai-Vân đã lãnh phần dịch và phiên âm ra Việt ngữ để phổ-thông trong các giới.

Cuốn sách mà được nhiều người biết đến nhất là « *Tableau chronologique des dynasties annamites* » (Biểu niên-đại các triều-đại Việt-Nam) do linh-mục L. Cadière soạn, và được in trong *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient* (học-báo của Viễn-Đông Bác-Cử Học-Viện), quyển số V, 1905, trang 77-145. Niên-biểu ấy hơi sơ-lược vì chỉ kê ra những triều-đại, xưng danh các vị quốc-vương, kèm theo những niên-hiệu, miếu hiệu, những tên húy hay thụy-hiệu, cùng là cho ta biết thêm những khoảng thời gian trị vì của mỗi triều hoặc mỗi vua đối chiếu ra năm dương-lịch. Tuy rằng hai cuốn kê trên có giản-dị đôi chút, nhưng chúng cũng đã giúp đỡ một cách rất hiệu-quả những nhà học-sử Việt-Nam trong gần 50 năm trời nay.

Cuốn thứ ba đáng kể tới, là tác-phẩm của ông Nguyễn-bá-Trác (阮伯卓), nhan đề là «*Hoàng-Việt Giáp-tý niên-biểu 皇越甲子年表*» gồm có hai quyển, hoàn toàn viết bằng chữ nho, đề cho các bậc nho-giả sử dụng. Sách này do Học-Bộ ở Huế ấn hành năm 1926 và không được phổ biến sâu rộng mấy.

Cuốn thứ tư, nhan đề «*Concordance des calendriers lunaire et solaire avec une liste chronologique des Rois d'Annam*» (Biểu đối chiếu lịch tây và lịch ta cùng với niên-biểu các vua nước Việt) do hai ông G. Cordier và Lê-đức-Hoạt biên tập, và in ra năm 1935, bằng hai thứ tiếng Pháp và Việt. Sách này được truyền bá sâu rộng hơn cuốn kê trên.

Đề bỏ tức bốn cuốn sách căn-bản đó, chúng tôi cảm thấy cần phải xuất-bản «*biểu Niên-Hiệu*» của các vị quốc-vương Việt-Nam. Thật vậy, ai ai cũng rõ «*Niên-hiệu*» là rất quan trọng đối với những dân-tộc chịu ảnh hưởng nền văn-hóa Trung-Hoa: mỗi một vị vua lên ngôi là một kỳ-nguyên mới đáng ghi nhớ. Ngày lên ngôi dùng làm căn-bản để ghi chép tất cả các sự việc đã xảy ra trong triều-đại đó. Cách sử dụng các «*Niên-hiệu*» đã phát khởi từ đời nhà Hán và còn tồn tại cho tới nay. (1)

(1) Tính-chất quan trọng và cách sử dụng Niên-hiệu đã được miêu-tả biên chép rõ ràng trong lời nói đầu của cuốn tài-liệu rất có giá-trị của linh-mục Mathias Chang, nhan-đề là «*Synchronismes chinois—chronologie complète et concordance avec l'ère chrétienne de toutes les dates concernant l'histoire de l'Extrême-Orient*» (2.357 av. J. C. - 1904 ap. J. C.) Shanghai - Imp. de la Mission Catholique 1905, trang 1 đến XIV.

Người Việt, thụ hưởng nền văn-hóa Trung-Quốc, nên cũng tiếp dùng phương-pháp ghi chép lịch-sử đó, nhưng muộn hơn nhiều. Niên-hiệu đầu tiên được dùng ở Việt-Nam là Thiên-Đức 天德 (544-549) của ông Lý-Bôn 李贲. Khi ông này mất, con ông là Lý-Quang-Phục (李光復) lên nối ngôi nhưng không đặt niên-hiệu; cháu Lý-Bôn là Lý Phật-Tử 李佛子, trị vì từ 571 tới 602, cũng không dùng niên-hiệu. Mãi tới năm 970 thì ông Đinh-bộ-Lĩnh 丁部領 (biệt danh Đinh-tiên-Hoàng 丁先皇), sau khi đã phế bỏ niên-hiệu Trung-Hoa, mới đặt định ra thể thức áp dụng niên-hiệu ở Việt-Nam. Triều-đại của ông được đặt dưới niên-hiệu «*Thái-Bình*» (970-981); và cũng từ năm ấy trở đi, các nhà vua ai ai cũng chọn niên-hiệu và dùng cho triều-đại mình.

Lịch-sử Việt-Nam chẳng phải khởi thủy từ đời Tiền Lý, và lại càng không phải từ đời nhà Đinh; nguồn gốc của nó còn trở ngược lên xa hơn nữa. Vì lẽ ấy mà chúng tôi cũng liệt kê cả những triều-đại trước tuy rằng các vua của triều-đại ấy chưa có niên-hiệu. Các niên-hiệu được phiên âm ra quốc-ngữ và được sắp đặt thứ tự theo tự-mẫu (a, b, c...)-. Ngoài ra, muốn tránh những sự lầm-lẫn, chúng tôi tuy cũng ghi vào cột đầu danh-hiệu của các vị vua chúa không niên-hiệu ấy, theo tên họ mà đã được lịch-sử phổ biến, nhưng dưới cái danh-hiệu ấy, chúng tôi cho gạch một gạch để phân biệt danh hiệu ấy ra cho khỏi lẫn với niên-hiệu (thí-dụ như Hùng-vương), và ở cột thứ ba, dành riêng cho những «*miếu-hiệu*», chúng tôi cho ghi tên triều-hiệu tương đối và cũng gạch dưới để phân biệt (thí-dụ Đời Hồng-Bàng). Cái biệt-lệ này được đặc biệt áp-dụng cho các vị vua chúa đời Hùng-Vương, An-dương-Vương và các vua Trung, Việt thuộc đời nhà Triệu.

Ngoài ra, các quốc-vương thường hay thay đổi niên-hiệu trong thời-gian trị-vì của mình; vì thế nếu cần, chúng tôi sẽ chú thêm sau mỗi Niên-hiệu một con số thứ-tự để nêu rõ ra cái niên-hiệu ấy là niên-hiệu thứ mấy trong đời vua đang nói đến.

Nước Việt-Nam đã trải qua một thời-kỳ dài bị Trung-Hoa đô-hộ, chúng tôi lập thêm một biểu nữa (biểu thứ 2) chỉ rõ, theo thứ tự thời-gian những triều-đại vua chúa Trung-Hoa đã cai trị xứ ta.

Trong thời kỳ cận đại, nước Việt-Nam còn trải qua một thời-gian Nam-Bắc phân-tranh, vào khoảng giữa thế kỷ-thứ XVI cho tới cuối thế-kỷ thứ XVIII. Và thời-kỳ ấy có đặc-tính là sự xuất-hiện của hai phiên-chúa, chúa Trịnh ngoài Bắc, chúa Nguyễn trong Nam, cả hai họ đều tuyên bố tôn phủ nhà Lê, giòng vua chính thống, nhưng thực ra thì mỗi họ thống trị một nửa giang-sơn đất Việt, lấy sông Gianh phân chia địa-giới. Đối với thời-đại lịch-sử riêng biệt ấy, chúng tôi thấy cần phải làm một liệt-biểu cho các phiên-chúa họ Trịnh (bảng số 3) và một biểu cho các phiên-chúa họ Nguyễn (bảng số 4) để nêu rõ sự kế-truyền của hai họ ấy.

Sau hết, đề các độc-giả được dễ dàng trong việc đối chiếu âm lịch ra dương lịch, chúng tôi cho in kèm theo một bản đối chiếu đơn giản, kê khai những năm âm lịch và dương lịch tương đối kể từ năm 939, là năm mà nước Việt Nam đã thu hồi được chủ-quyền đối với Trung-Quốc, cho tới năm 2.010 (bảng thứ 5).

Ngoài những cuốn sách căn-bản kê trên, chúng tôi còn tham-khảo thêm những tài-liệu Việt-nam sau đây để tạo thành những biểu niên-hiệu này :

- 1.— Khâm-định Việt-Sử thông-giám cương mục 欽定越史通鑑綱目
- 2.— Đại-Việt Sử-ký toàn-thơ 大越史記全書
- 3.— Đại-Nam thập lục tiền biên 大南寔錄前編
- 4.— Lịch Triều hiến chương loại chí 歷朝憲章類誌
- 5.— Việt-Nam sử-lược của Trần-trọng-Kim.

Và chúng tôi dựa theo cuốn «Synchronisme chinois» (Niên-đại Trung Hoa) của linh-mục Mathias Chang đề tính những năm dương lịch đối chiếu với âm lịch-trước kỷ-nguyên; còn những năm sau kỷ-nguyên thì được dựa theo cuốn «A sino-western calendar for two thousand years 1-2000 A. D.» (Lịch Trung-tây đối chiếu từ năm 1 tới năm 2000) do ông Tiết-Trọng-Tam và Âu-Dương-Di hợp biên (薛仲三, 歐陽頤合編).

BIỂU I — CÁC « NIÊN-HIỆU » CỦA CÁC VỊ QUỐC-VƯƠNG VIỆT-NAM
(xếp theo thứ tự tự-mẫu)

Niên-hiệu 年號	Thời-kỳ được áp-dụng 時- kỳ 得- 用- 之- 時- 代	Miêu-hiệu 廟號 (1)	Thời-kỳ trị vì 時- 代	Các Niên-hiệu khác 各- 年- 號
An Dương Vương 安陽王	257-209 tr. K.N. 1076-1085	Đời Thục 蜀 氏	257-208 tr. K.N. 1072-1127	Không có
Anh Vũ Chiêu Thắng (ae) 英武昭勝		Lý-Nhân-Tôn 李仁宗		Thái-Ninh Quảng-Hựu Hội Phong Long Phú Hội Tường Đại Khánh
Bảo-Đại 大保	1925-1945	Nguyễn Vinh Thủy (H) 阮永瑞	1925-1945	Không có
Bảo-Hưng (ae) 寶興	1793-1801	Nguyễn Quang Toàn (H) 阮光宗	1792-1802	Cánh-Thịnh
Bảo Phù (ae) 寶符	1273-1278	Trần Thánh Tông 陳聖宗	1258-1278	Thiệu Long
Bảo Thái (ae) 寶泰	1720-1728	Lêedy Tông 黎裕宗	1705-1729	Vinh-Thịnh
Càn Phù Hữu Đạo (ae) 乾符有道	1039-1042	Lý Thái Tông 李太宗	1028-1054	Thiên Thành Thông Thủy Minh Đạo Thiên cảm Thánh Võ Sùng Hưng Đại Bảo

(1) Một số vua chúa, nhất là những vị bị truất-phế, không có miếu-hiệu. Gặp những trường hợp ấy, chúng tôi ghi vào cột ba tên riêng (hủy danh 諱名) của các vị ấy để thay thế vào miếu-hiệu và muốn đề khởi làm lần chúng tôi chủ thêm chữ (H) sau những tên cá-nhân ấy.
(2) Những danh hiệu có gạch ở dưới, xin xem lời giải trong « lời nói đầu ».

Cánh-Hưng 景興 Cánh-Lịch (2) 景歷	1740-1786 1548-1554	Lê Hiền Tôn 黎顯宗 Mạc Phúc Nguyên (H) 莫福源	1740-1786 1546-1561	không có Vinh Định Quang Bảo Đào Hưng không có Ứng Thiên
Cánh-Thinh (1) 景盛 Cánh-Thông 景統 Cánh-Thuy (2) 景瑞	1793-1862 1498-1504 1008-1009	Nguyễn Quang Toàn 阮光燾 Lê Hiền Tôn 黎憲宗 Lê Long Đình 黎龍庭 hoặc Lê Nga Triều 黎朝 » Lê Khai Minh Vương 黎開明王 Lê Huyền Tôn 黎玄宗 Lê Mãn Đế 黎愍帝	1792-1802 1497-1504 1005-1009	không có không có
Cánh-Tri 景治 Chiêu-Thông 昭統	1663-1671 1787-1793 (1793 là năm ông ta chết tại Bắc-Kinh)	Lê H. Tôn 黎熙宗 Lý Anh Tôn 李英宗	1662-1671 1786-1780 (1788 là năm ông chết trở sang Bắc - Kinh)	không có không có
Chinh-Hòa (2) 正和 Chinh-Long Bảo-Ứng (3) 政龍寶應	1680-1705 1163-1174	Lê Anh Tôn 黎英宗	1675-1705 1138-1175	Vinh-Trị Thiệu Minh Đại Định Thiên Cảm Chi Bảo Thiên Hộ Hồng Phúc Long Thụy Thái Bình Long Chương Thiên Tự Bảo Tượng
Chinh-Tri (2) 正治 Chương-Thánh Gia-Khánh (2) 彰聖嘉慶	1558-1572 1059-1066	Lý Thánh Tôn 李聖宗	1556-1575 1054-1072	Thiên Hưng Bảo Tượng
Diên Ninh (2) 延寧 Diên Thành 延成	1454-1459 1578-1585	Lê Nhân Tôn 黎仁莫 Mạc Hậu Hợp (H) 莫洽	1442-1459 1562-1592	Thái Hòa Thuần Phúc Sùng Khanh Đoan Thái Hưng Trị Hồng Ninh

Duy Tân 維新 Đức (1) 德 Đương Hòa (3) 陽和	1907-1916 1672-1674 1635-1643	Nguyễn Vinh San (H) 阮永珊 Lê Gia Tôn 黎嘉神 Lê Thần Tôn 黎神	1907-1916 1671-1675 1619-1643	không có Đức Nguyên Vinh Tô Đức Long Thiệu Bình không có Thiệu Minh Chinh Long Bảo Ứng Thiên Cảm Chi Bảo Khai Thái Thiệu Phong không có Thuần Phúc Sùng Khang Diễn Thành Hưng Trị Hồng Ninh không có Vinh Tô Đương Hòa Đương Đức không có Quang Hưng không có không có Thận Đức Thái Ninh Anh Võ Chiêu Thắng Quảng Hộ Long Phú
Đại Bảo (2) 大寶 Đại Chính 大政 Đại Định (2) 大定	1440-1442 1530-1540 1140-1163	Lê Thái Tôn 黎太英 Mạc Đăng Doanh (H) 莫登瀛 Lý Anh Tôn 李英宗	1433-1442 1530-1540 1138-1175	Đức Nguyên Vinh Tô Đức Long Thiệu Bình không có Thiệu Minh Chinh Long Bảo Ứng Thiên Cảm Chi Bảo Khai Thái Thiệu Phong không có Thuần Phúc Sùng Khang Diễn Thành Hưng Trị Hồng Ninh không có Vinh Tô Đương Hòa Đương Đức không có Quang Hưng không có không có Thận Đức Thái Ninh Anh Võ Chiêu Thắng Quảng Hộ Long Phú
Đại Khánh (1) 大慶 Đại Trị (2) 大治 Đoan Khánh 端 Đoan Thái (4) 端泰	1314-1324 1358-1369 1505-1509 1586-1588	Trần Minh Tôn 陳明宗 Trần Du Tôn 陳裕穆 Lê Uy Mục 黎威茂 Mạc Mậu Hợp (H) 莫洽	1314-1329 1314-1369 1504-1509 1562-1592	Đức Nguyên Vinh Tô Đức Long Thiệu Bình không có Thiệu Minh Chinh Long Bảo Ứng Thiên Cảm Chi Bảo Khai Thái Thiệu Phong không có Thuần Phúc Sùng Khang Diễn Thành Hưng Trị Hồng Ninh không có Vinh Tô Đương Hòa Đương Đức không có Quang Hưng không có không có Thận Đức Thái Ninh Anh Võ Chiêu Thắng Quảng Hộ Long Phú
Đồng Khánh 同慶 Đức Long (2) 德隆	1885-1889 1629-1635	Nguyễn Cảnh Tôn 阮景宗 Lê Thần Tôn 黎神 (Thời kỳ thứ nhất)	1885-1889 1619-1643	Đức Nguyên Vinh Tô Đức Long Thiệu Bình không có Thiệu Minh Chinh Long Bảo Ứng Thiên Cảm Chi Bảo Khai Thái Thiệu Phong không có Thuần Phúc Sùng Khang Diễn Thành Hưng Trị Hồng Ninh không có Vinh Tô Đương Hòa Đương Đức không có Quang Hưng không có không có Thận Đức Thái Ninh Anh Võ Chiêu Thắng Quảng Hộ Long Phú
Đức Nguyên (2) 德元 Gia Long 嘉隆 Gia Thái (1) 嘉泰 Hàm Nghi 咸宜 Hiệp Hòa 協和 Hoàng Định (2) 弘定 Hội Phong (3) 會豐	1674-1675 1802-1819 1573-1578 1885 1883 1600-1619 1092-1101	Lê Gia Tôn 黎世宗 Nguyễn thế Tô 阮世宗 Lê Thế Tôn 黎世宗 Nguyễn Ứng Lịch (H) 阮應祚 Nguyễn Hồng Dật (H) 阮洪佚 Lê Kinh Tôn 黎敬宗 Lý Nhân Tôn 李仁宗	1671-1675 1802-1819 1573-1599 1885 1883 1599-1619 1072-1127	Đức Nguyên Vinh Tô Đức Long Thiệu Bình không có Thiệu Minh Chinh Long Bảo Ứng Thiên Cảm Chi Bảo Khai Thái Thiệu Phong không có Thuần Phúc Sùng Khang Diễn Thành Hưng Trị Hồng Ninh không có Vinh Tô Đương Hòa Đương Đức không có Quang Hưng không có không có Thận Đức Thái Ninh Anh Võ Chiêu Thắng Quảng Hộ Long Phú

Hội Tường Đại Khánh (6) 1110-1120
會 祥 大 慶
Hồng Đức (2) 洪 德 寧
Hồng Ninh (6) 洪 寧

Hồng Phúc (3) 洪 福 慶
Hồng Thuận 洪 順
Hưng Khánh (2) 興 慶
Hưng Long 興 隆
Hưng Thông (2) 興 統
Hưng Trị (5) 興 治

Hàng Vương 韓 王

Kiên Gia 建 嘉
Kiên Phúc 建 福
Kiên Tân 建 新
Kiên Trung (1) 建 中

Kinh Dương Vương 金 陽 王

Lý Nhân Tôn 李 仁 宗
Lê Thánh Tôn 黎 聖 宗
Mạc Mậu Hợp (H) 莫 茂 洽

Lê Anh Tôn 黎 英 宗
Lê Tương Dực 黎 襄 帝
Trần Đề Quý 陳 帝 或 帝
Trần Gián Định 陳 簡 定 帝
Trần Anh Tôn 陳 英 宗
Lê Đại Hành 黎 大 行
Mạc Mậu Hợp (H) 莫 茂 洽

Đời Hồng Bàng 鴻 龐 氏

Lý Huệ Tôn 李 惠 宗
Nguyễn Giản Tôn 阮 簡 宗
hoặc Ung Đăng 阮 登 帝
Trần Thiệu Đế 陳 少 帝
Trần Thái Tôn 陳 太 宗
Hồng Bàng thì 鴻 龐 氏

2879 tr.C.N.
258 sau C.N.

1211-1224
1883-1884
1398-1400
1225-1232

Khai Đại (2) 開 大 德
Khai Hưng 開 祐
Khai Thái (2) 開 泰
Khai Định 啟 定
Khánh Đức (1) 慶 德

Long Chương Thiên Tự 龍 章 天 嗣 (3)

Long Đức 龍 德
Long Khánh 隆 慶
Long Phù (5) 龍 符

Long Thụy Thái Bình (1) 龍 瑞 太 平

Lý Phật Tử 李 佛 子

như trên 1460-1497
1562-1592

1556-1573
1509-1516
1407-1409
1293-1314
980-1005
1562-1592

2879 tr.C.N.
258 sau C.N.

1210-1224
1883-1884
1398-1400
1225-1258
2559 tr.C.N.
258 sau C.N.

— như trên —

Quang Thuận
Thuần Phúc
Sùng Khanh
Diễn Thành
Đoạn Thái
Hưng Trị

Thiên Hựu
Chinh Trị
không có
Hưng Khánh
không có
Tiên Phúc
Ứng Thiên
Thuần Phúc
Sùng Khang
Diễn Thành
Đoạn Thái
Hồng Ninh

không có

không có
không có

Thiên Ứng Chính
Bình,
Nguyễn Phong

1400-1407
1329-1341
1314-1329
1916-1926

1649-1662

1054-1072

1732-1735
1372-1377
1072-1127

1054-1072

571-602

Hồ Hán Thương (H) 胡 漢 宗
Trần Hiền Tôn 陳 憲 宗
Trần-Minh Tôn 陳 明 宗
Nguyễn Hoàng Tôn 阮 暉 宗
hoặc Bửu Đào 寶 壽 宗
Lê Thánh Tôn 黎 聖 宗

Lý Thánh Tôn 李 聖 宗

Lê Thuần Tôn 黎 純 宗
Trần Duệ Tôn 陳 睿 宗
Lý Nhân Tôn 李 仁 宗

Lý Thánh Tôn 李 聖 宗

Đời Hậu Lý 後 李 氏

1403-1407
1329-1341
1324-1329
1916-1926
1649-1653

1066-1068

1732-1735
1372-1377
1101-1110

1054-1059

Thiên Thành
không có
Đại Khánh
không có
Thịnh Đức
Vinh Thọ
Vạn Khánh
Long Thụy Thái Bình
Chương Thánh Gia
Khánh
Thiên Huống Bảo
Tượng

Thần Võ
không có
không có
Thái Ninh
Anh Võ Chiêu Thắng
Quảng Hựu
Hội Phong
Hội Tường Đại
Khánh
Thiên Phù Duệ Võ
Thiên Phù Khánh
Thọ

Chương Thánh Gia
Khánh
Long Chương Thiên
Tự
Thiên Huống Bảo
Thần Võ [Tượng

Minh Đạo (4) 明道

Minh Đức 明德
Minh Mạng 明命
Nguyễn Hòa 元和
Nguyễn Phong (3) 元豐

Ngô Nam Tấn 吳南晉
Ngô Thiên Sách 吳天策
Ngô Vương 吳王

Phúc Thái 福泰
Quang Bảo (3) 光寶

Quang-Hưng (2) 光興
Quang Thái 光泰
Quang Thiệu 光紹
Quang Thuận (1) 光順
Quang Trung 光中
Quang Hòa 光和中
Quảng Hòa 廣和
Quảng Hựu (3) 廣祐

11042-1044

1527-1529
1820-1840
1533-1548
1251-1258

Lý Thái Tôn 李太宗

Mạc Đăng Dung (H) 莫登程
Nguyễn Thánh Tô 阮聖祖
Lê Trang Tôn 黎莊宗
Trần Thái Tôn 陳太宗

Đời Ngô 吳氏

—nt—
—nt—

Lê Chân Tôn 黎真宗
Mạc Phúc Nguyên (H) 莫福源

Lê Thế Tôn 黎世宗
Trần Thuận Tôn 陳順宗
Lê Chiêu Tôn 黎昭宗
Lê Thánh Tôn 黎聖宗
Nguyễn Huệ (H) 阮惠
Mạc Phúc Hải (H) 莫福海
Lý Nhân Tôn 李仁宗

11028-1054

1527-1529
1820-1840
1533-1548
1225-1258

Thiên Thành

Thống Thủy
Cần Phù Hữu Đạo
Thiên Cảm Thánh Võ
Sùng Hưng Đại Bảo
không có
không có
không có
Kiến Trung
Thiên Ưng Chính Bình

951-965
951-954
939-944
1643-1649
1546-1561

không có
Vinh Định
Cảnh Lịch
Gia Thái
không có
không có
Hồng Đức
không có
không có
Thái Ninh
Anh Võ Chiêu Thắng
Hội Phong
Long Phù
Hội Tường Đại Khánh
Thiên Phù Duệ Võ
Thiên Phù Khánh Thọ

Sùng Hưng Đại Bảo (6)
崇興大寶

Sùng Khang (2) 崇康

Tự Đức 嗣德
Thái Bình 平德
Thái Đức 太德
Thái Hòa (1) 太和
Thái Ninh (1) 太寧

11049-1054

1566-1578

1848-1883
970-979
1778-1795
1443-1454
1072-1076

Lý Thái Tôn 李太宗

Mạc Mậu Hợp (H) 莫茂洽

Nguyễn Dực Tôn 阮洪
hoặc Hồng Nhậm (H) 洪任
Đình Tiên Hoàng 丁先岳
Nguyễn Nhạc (H) 阮宗
Lê Nhân Tôn 黎仁宗
Lý Nhân Tôn 李仁宗

11028-1054

1562-1582

1848-1883
968-979
1778-1795
1442-1459
1072-1127

Thiên Thành

Thống Thủy
Cần Phù Hữu Đạo
Minh Đạo
Thiên cảm Thánh Võ
Thuần Phúc
Biên Thành
Đoan Thái
Hưng Trị
Hồng Ninh
không có

không có
không có
Diên Ninh
Anh Võ Chiêu Thắng
Quảng Hựu
Hội Phong
Long Phù

Hội Tường Đại Khánh
Thiên Phù Duệ Võ
Thiên Phù Khánh Thọ

1504
1889-1907
1400

Lê Túc Tôn 黎肅宗
Nguyễn Bửu Lân (H) 阮李聖
Hồ Quý Ly (H) 胡李
hoặc Lê Quý Ly (H) 李
Lý Thánh Tôn 李

1504
1889-1907
1400
1069-1072

Thái Trinh 貞
Thành Thái 成泰
Thánh Nguyên 聖元
Thần Võ (5) 神武

Long Thụy Thái Bình
Chương Thánh Gia
Khánh
Long Chương Thiên Tự
Thiên Hương Bảo Tượng

Thần Đức (1) 慎德 Thiên Cảm Chí Bảo (4) 天感至寶	1600 1174-1175	Lê Kinh Tôn 黎敬宗 Lý Anh Tôn 李英宗	1599-1619 1138-1175	Hoàng Đụ Thiệu Minh Đại Định Chinh Long Bảo Ứng Thiên Thành Thông Thủy Càn Phù Hữu Đạo Minh Đạo Sùng Hưng Đại Bảo Long Thủy Thái Bình Chương Thánh Gia Khánh Long Chương Thiên Thần Võ Thiên Thuận
Thiên Cảm Thánh Võ (5) 天感聖武	1044-1049	Lý Thái Tôn 李太宗	1028-1054	
Thiên Huông Bảo Tượng (4) 天龍寶象	1068-1069	Lý Thánh Tôn 李聖宗	1054-1072	
Thiên Chương Bảo Tự (2) 天彰寶嗣	1133-1138	Lý Thần Tôn 李神宗	1127-1138	
Thiên Chương Hữu Đạo 天彰有道	1224-1225	Lý Chiêu Hoàng 李昭皇	1224-1225	
Thiên Đức 天德	544-548	Lý Nam Việt 李南越 hoặc Lý Bôn (H) 李 Lý Cao Tôn 李高宗	544-548 1175-1210	không có không có
Thiên Gia Bảo Hựu 天嘉寶祐	1202-1205	Lý Nghi Dân (H) 黎 Lý Anh Tôn 黎英宗	1459-1460 1557	Trình Phủ Thiên Tư Gia Thủy Trị Bình Long Ứng không có Chinh Trị Hồng Phúc Thái Ninh Anh Võ Chiêu Thăng Quảng Hựu Hội Phong Long Phủ Hội Tường Đại Khánh Thiên Phủ Khánh Thọ
Thiên Hưng 天興 Thiên Hựu 天祐	1459-1460 1557	Lý Nhân Tôn 李仁宗	1072-1127	
Thiên Phù Duyệt Võ (7) 天符睿武	1120-1127			

Thiên Phù Khánh Thọ (8) 天符慶壽	1127	Lê Đại Hành 黎大行	1072-1127	— như trên — Hưng Thông Ứng Thiên Trình Phủ Thiên Gia Bảo Hựu Trị Bình Long Ứng Thông Thủy Càn Phù Hữu Đạo Minh Đạo Thiên Cảm Thánh Võ Sùng Hưng Đại Bảo Thiên Chương Bảo Tự Kiến Trung Nguyễn Phong Trùng Hưng Đại Bảo không có Bảo Phủ Đại Định Chinh Long Bảo Ứng Thiên Cảm chí Bảo
Thiên Phúc (1) 天福	980-989	Lý Cao Tôn 李高宗	980-1005 1175-1210	
Thiên Tư Gia Thủy 天嘉嘉祐	1186-1202	Lý Thái Tôn 李太宗	1028-1054	
Thiên Thành 天成	1028-1034	Lý Thần Tôn 李神宗	1127-1138 1225-1258	
Thiên Thuận (1) 天順	1128-1133	Lý Nhân Tôn 李仁宗	1279-1293	
Thiên Ưng Chính Bình (2) 天應政平	1232-1251	Trần Thái Tôn 陳太宗	1433-1442	
Thiệu Bảo 紹寶	1279-1285	Trần Nhân Tôn 陳仁宗	1370-1372	
Thiệu Bình (1) 紹平	1434-1440	Trần Thái Tôn 陳太宗	1258-1278	
Thiệu Khánh 紹慶	1370-1372	Trần Nghệ Tôn 陳聖宗	1138-1175	
Thiệu Long (1) 紹隆	1250-1273	Lý Anh Tôn 李英宗		
Thiệu Minh (1) 紹明	1138-1140			
Thiệu Phong (1) 紹豐	1341-1358	Trần Dụ Tôn 陳裕宗	1341-1369	
Thiệu Thành (1) 紹成	1401-1403	Hồ Hán Hương (H) 胡漢祖	1400-1407	
Thiệu Trị 紹治	1841-1847	Nguyễn Hiền Tô 阮神宗	1841-1847	
Thịnh Đức (2) 盛德	1653-1658	Lê Thần Tôn 黎 (thời-kỳ thứ hai)	1649-1662	
Thông Thủy (2) 通瑞	1034-1039	Lý Thái Tôn 李太宗	1028-1054	

Thiên Cảm Thánh Võ
Sùng Hưng Đại Bảo
không có

Sùng Khang
Diễn Thành
Đoan Thái

Hưng Trị
Hồng Ninh
không có
không có

Trình Phủ
Thiên Tư Gia Thủy
Thiên Gia Bảo Hựu
Thiên Tư Gia Thủy
Thiên Gia Bảo Hựu
Trị Bình Long Ứng
Thiếu Bảo
không có

Thiên Phúc
Hưng Thông
không có
Cảnh Thủy

Khánh Đức
Thịnh Đức
Vinh Thọ

Thông Nguyên 統元

Thuần Phúc (1) 淳福

Thuận Bình 順平
Thuận Thiên 順天
Thuận Thiên 順天
Trị Bình Long Ứng (4)
治平龍應

Trình Phủ (1) 貞符

Trùng Hưng 重興
Trùng Quang 重光

Ứng Thiên (3) 應天

Ứng Thiên 應天
Ứng Thiên (1) 應天

Vạn Khánh (4) 萬慶

1522-1527

1562-1566

1549-1556

1010-1028

1428-1433

1205-1210

1175-1186

1285-1293

1409-1413

994-1005

1005

1005-1008

1662

1522-1527

1562-1592

1548-1556

1009-1028

1428-1433

1175-1210

1175-1210

1278-1293

1409-1413

980-1005

1005

1005-1009

1649-1662

Lê Hoàng Đệ 皇弟
hoặc Cung Vương 恭王
Mạc Mậu Hợp (H) 莫茂洽

Lê Trung Tôn 中宗
Lý Thái Tô 太祖
Lê Thái Tô 太祖
Lý Cao Tôn 高宗

Lý Cao Tôn 高宗

Trần Nhân Tôn 仁宗
Trần Qui Khoách (H) 陳季擴
hoặc Hành 陳
Lê Đại Hành 黎大行

Lê Trung Tôn 中宗
hoặc Lê Long Đĩnh 龍景
hoặc Lê Khai Minh Vương 朝
黎開明王
Lê Nhân Tông 神宗
(thời kỳ thứ hai)

1522-1527

1562-1566

1549-1556

1010-1028

1428-1433

1205-1210

1175-1186

1285-1293

1409-1413

994-1005

1005

1005-1008

1662

Vinh Định (1) 永定

Vinh Hựu 永佑

Vinh Khánh 慶

Vinh Tô (1) 永祥

Vinh Thịnh (1) 永盛

Vinh Thọ (3) 永壽

Vinh Trị (1) 永治

Xương Phù 昌符

1547

1735-1740

1729-1732

1619-1629

1705-1720

1658-1662

1676-1680

1377-1388

Mạc Phúc Nguyên (H) 莫福源

Lê Ý Tôn 懿宗

Lê Duy Phường (H) 黎雄

Lê Thần Tôn 神宗
(thời kỳ thứ nhất)

Lê Dụ Tôn 裕宗

Lê Thần Tôn 神宗
(thời kỳ thứ hai)

Lê Hi Tôn 熙宗
Trần Phê Đê 陳廢帝

Cảnh Lịch
Quảng Bảo
không có
không có

Đức Long
Dương Hòa
Bảo Thái

Khánh Đức
Thịnh Đức
Vạn Khánh
Chính Hòa
không có

1546-1561

1735-1740

1729-1732

1619-1643

1705-1729

1649-1662

1675-1705

1377-1388



BIỂU II.— THỜI KỲ THUỘC TRUNG-QUỐC (110 tr. C.N. tới 980 s. C.N.)

Niên-hiệu của các vua Trung-Hoa	Năm đặt niên-hiệu	Niên-hiệu của các vua Trung-Hoa	Những việc quan trọng
---------------------------------	-------------------	---------------------------------	-----------------------

I.— BỜI NHÀ HÁN (Tiền Hán hay Tây Hán)

Niên-hiệu của các vua Trung-Hoa	Năm đặt niên-hiệu	Niên-hiệu của các vua Trung-Hoa	Những việc quan trọng
Võ đế Vũ Đế	Tr. C.N. 140	元鼎 116 tới 110	Kiên nguyên Nguyên đình (từ 116 tới 110) Nguyên phong
	111	初漢	Thái sơ
	110	始和	Thiên hán
	104	元鳳	Thái Thủy
	100	平始	Chính hòa
Chiêu đế Chiêu Đế	96	元鳳	Hậu nguyên
	92	平始	Thủy nguyên
	88	元鳳	Nguyên bình
	86	平始	Nguyên bình
	80	元鳳	Bản thủy
	74	平始	Địa tiết
	73	元鳳	Nguyên khang
	69	平始	Thần trực
	65	元鳳	Ngũ phượng
	61	平始	Cam lộ
	57	元鳳	Hoàng long
	53	平始	
	49	元鳳	

Năm Giao-Chi bị xâm chiếm. Đặt ra bộ Giao-Chi gồm có 9 quận (110 tr. C. N.) Thạch Đái (石戴) được cử làm Thứ-sứ 刺史 Giao-chi.

Nguyên đế Vô Đế	48	Sơ nguyên
	43	Vinh quang
	38	Kiên chiêu
	33	Cánh ninh
	32	Kiên thủy
	28	Hà bình
	24	Dương sóc
	20	Hồng gia
	16	Vinh thủy
	12	Nguyên đĩnh
	8	Tuy hòa
	6	Kiên bình
	2	Nguyên thọ

CÔNG NGUYÊN

Bình đế Bình Đế	1	Nguyên thủy
Nhữ tử Anh Đế	6	Cư nhiếp
	8	Sơ thủy
Nguy tân Đế	9	Thủy kiên quốc
Vương mãng Đế	14	Thiên phượng
	20	Địa vương
	23	Cánh thủy

BỜI HẬU HÁN hay ĐÔNG HÁN 後漢紀 或 東漢

Quang vũ đế Quang Vũ Đế	25	Kiên vũ
-------------------------	----	---------

— Thái thú Giao-chi là Đặng Nhượng (鄧讓) phải sứ bộ sang công nhà Hán (29 sau C.N.)
— Nhâm Diên (任延) được cử làm thái thú Cửu-chân (25-26 sau C.N.)

Minh đế 明帝
Chương đế 章帝

Hòa đế 和帝

Thương đế 瑒帝
An đế 安帝

Thuận đế 順帝

中永建元 元章永
元平初 和和元
元延永 元永建 元永陽 永
元延永 元永建 元永陽 永

56
58
76
84
87
89

105
106
107
114
120
121
122
126
132
136

Trung nguyên
Vĩnh bình
Kiên sơ
Nguyên hòa
Chương hòa
Vĩnh nguyên

Nguyên hưng
Diễn bình
Vĩnh sơ
Nguyên sơ
Vĩnh ninh
Kiên quang
Diễn quang
Vĩnh kiên
Dương gia
Vĩnh hòa

- Tô Định (戴定) được cử làm thái thú Giao-chí (24 sau C.N.)
- Hai bà Trưng (徵) khởi nghĩa (40 sau C.N.)
- Mã Viện (馬援) lãnh chức Phục ba tướng quân (伏波將軍) (41 sau C.N.)
- Mã Viện thắng Hai bà Trưng; Hai bà tử trận. Mã Viện tiến quân đến Cửu-chân (42-43).

- Đặt ra chức Tượng Lâm tướng binh trưởng sứ (象林將兵長吏) (41 sau C.N.)

- Chu-xương (周敏) làm thứ sử Giao-chí (136).

- Dân man-di ở Khu-liên (區憐), Nhật nam (日南) và Tượng-lâm (象林) nổi dậy làm phản (137)

- Cử Trương-Kiều (張喬) làm Thứ-sử Giao-chí và Trúc-Lương (祝良) làm Thái-thủ Cửu-chân (138)

142
144

Xung đế 冲帝
Chất đế 質帝
Hoàn đế 桓帝

Linh đế 靈帝

Thiệu đế 少帝
Hiên đế 獻帝
hay
Mãn đế 愍帝

漢建 安康 安

永本建和 元永永延
永建康光
永寧平和
永寧平和
永建康光

中

光昭永中 初
壽寧漢平
平

145
146
147
150
151
153
155
158

167
168
172
178

Vĩnh gia
Bản sơ
Kiên hòa
Hòa bình
Nguyên gia
Vĩnh hưng
Vĩnh thọ
Diễn hi

Vĩnh Khang
Kiên ninh
Hi bình
Quang hòa

Trung-bình

- Dân ở Nhật-Nam làm phản. Thứ sử Giao-chí là Hạ-Phương (夏方) dẹp yên (144).

- Vua nhà Hán lại cử Hạ-Phương làm thứ-sử Giao-chí (160).

- Dân ở Giao-chí (交趾), Hợp-phồ (合浦) và Ô-hử (烏菴) nổi dậy làm loạn. Chu-Tuần (朱儁) được cử làm thứ-sử (181).

- Quân-đội ở Giao-chí làm phản. Vua nhà Hán cử Giả-Mạnh-Kiến (賈孟堅) làm thứ-sử. Kiến dẹp yên bọn phiến loạn (184).

- Lý-Tiền (李進), tổ là người Việt, được cử làm thứ-sử quận Giao-chí, và Sĩ-Nhiếp (士夔) làm thái-thủ bộ Giao-chí (187).

194 Hưng bình
196 Kiên an

— Trương-Tân (張津) được làm Thứ-sứ Giao-chi (207).

— Nhà Hán đổi Giao-chi thành Giao-châu (交洲) (203).

— Nhà Hán cử Sĩ Nhiếp làm Tuy Nam Trung Lang Tướng Tổng Đốc tất quân lãnh Giao-chi Thái thú (交南中郎將總督七郡領交趾太守)

220 延原 Diên khang

THỜI ĐẠI TAM QUỐC 三國時代

A.— Thuộc nhà Hán 漢紀

Chiêu liệt đế 昭烈帝
Hậu chúa 後主

221 Chương võ
223 建興
238 延熙
258 景耀
263 興炎

B.— Nhà Ngô 魏紀

Văn đế 文帝
Minh đế 明帝

220 Hoàng sơ
227 太和
233 Thanh long
237 景初
240 正始

Phê đế 廢帝
Phượng đế 廢帝
Phượng đế 廢帝
Phượng đế 廢帝

249 嘉平
254 正元
256 甘露
260 景元
264 咸熙

Gia bình
Chính nguyên
Cam lộ
Cảnh nguyên
Hàm hi

C.— Nhà Ngô 吳紀

Đại đế 大帝

222 黃武
229 黃龍
232 嘉木
238 赤烏

251 太神
252 鳳

252 建興
254 五鳳
256 太平

258 永寧
Phê đế 廢帝
Hội kê vương 會稽王
Cảnh đế 景帝

— Sĩ Nhiếp mất. Con là Sĩ Huy (士徽) tự xưng là Thái-thứ Giao-Chi. Vua nhà Ngô cử Lữ Đại (呂岱) làm thái-thứ. Lữ Đại tiến sang Giao-châu và bắt Sĩ-Huy giết đi.

— Bà Triệu-Áu (趙姬) khởi binh ở Cửu Chân. Thứ sử Giao-chi là Lục Dận (陸胤) dẹp yên (248).

— Dân quận Giao-chi, do Lữ Hưng (呂興) cầm đầu, nổi giậy mà đánh giết viên thái-thứ Tôn-Tur (孫資). Xong rồi, họ xin làm chư hầu bên nhà Bắc Ngụy (263)

Mạt đế末帝
Qui mệnh hầu
歸命侯

264	元興	Nguyễn hưng	— Vua Ngô lấy Nam hải (南海), Thương Ngô (荊符), và Uất-Lâm (荊林) làm Quảng Châu (廣州), đặt châu trị ở Phiên-ngung (番禺) ở vùng Quảng-đông bây giờ). Bốn quận Giao-chi, Cửu-chân, Nhật-nam, và Hợp-phò thì hợp thành quận Giao-châu, lấy Long-biên (龍編) ở gần vùng Hà-nội bây giờ) làm châu-trị (264).
265	甘露	Cam lộ	— Nhà Tần cử Mã Dung (馬融) sang làm Thái-thủ Giao-chi. Nhưng người này chết sớm, và Dương-Tác (楊覆) được cử sang thay thế (265).
266 269	寶鼎 建衛	Bảo đỉnh Kiến hành	— Nhà Ngô sai Đào Hoảng (陶瑒) sang chiếm lại Giao-châu của Tần, và thòan giữ xứ ấy tới năm 280, là năm mà nhà Tần tiêu diệt nhà Ngô và tái lập lại nền thống nhất ở Trung-Hoa (269-280).
272 275 276 267	鳳天 冊置 天紀	Phượng hoàng Thiên sách Thiên tỷ Thiên kỳ	

NHÀ TÂY TẮN 西晉紀

Vũ đế武帝

265	泰始	Thái thủy
275	咸寧	Hàm ninh
280	泰康	Thái khang

— Đào Hoảng đầu hàng nhà Tần và vẫn giữ chức cũ. Giao-Châu từ đây thuộc nhà Tần (280)

Huệ đế惠帝

290	泰熙	Thái hi
290	永熙	Vinh hi
291	(元平康	Vinh bình Nguyễn khang
300	永康	Vinh khang
301	永安	Vinh aninh
302	(永興	Thái an
304	(永安	Vinh hưng
	(建武	Vinh an
	(安	Kiên vũ
	元熙	Vinh an
306	光熙	Quang hi
307	永嘉	Vinh gia
313		Kiên hưng

Hoài đế懷帝
Mẫn đế愍帝

NHÀ ĐÔNG TẮN 東晉紀

Nguyên đế元帝

317	建武	Kiên vũ
318	太熙	Vinh hưng
322	咸寧	Thái ninh
323	成和	Hàm hòa
326	咸康	Hàm khang
335	建元	Kiên nguyên
343	永和	Vinh hòa
345		

Minh đế明帝
Thành đế成帝
Khang đế康帝
Mục đế穆帝

— Thứ-sử Giao-châu là Nguyễn Phu (阮敷) cả phá nước Lâm-Áp và chiếm hơn 50 đôn lỵ (253).

Ai đề哀帝
357
362
363

Đề dịch帝英
Hải tây công đế (西公)
Giản văn đế (簡文帝)
Hiệu võ đế (孝武帝)
An đề安帝
366
371
373
376
397

Thăng bình
Long hòa
Hưng ninh
Thái hòa
Hàm an
Ninh Khang
Thái nguyên
Long an

— Vua Lâm-Âp là Phạm hủ-Đạt (范胡達) đem quân sang đánh phá Cửu Chân. Thử-sứ Giao Châu là Đỗ Viên (杜瑗) đánh lui được bọn Đạt (399).

402
403
405

Nguyên hưng
Long an
Đại hanh
Nguyên hưng
Nghĩa hi

— Dân Lâm-Âp lại sang quấy nhiễu ở Cửu Chân. Đỗ tuệ-Đô (杜慈度) đem binh đuổi đánh và cả thắng (413).

Cung đề恭帝
419

Nguyên hi

— Dân Lâm-Âp lại sang cướp phá, nhưng bị đánh lui (415).

— Đỗ-tuệ-Độ tiên quân sang chinh phạt Lâm-Âp và tàn phá nước ấy; vua Lâm-Âp xin đầu hàng.

— 882 —

THỜI KỲ NAM BẮC TRIỀU (189 NĂM) 南北朝
A.— Nhà Tống (giòng họ Lưu) (59 năm) 劉宗紀

Vũ đế武帝
Thiếu đế少帝
Dinh dương vương
營陽王

420
423

Thái sơ
Vinh sơ
Cảnh bình

Văn đế文帝

424

Nguyên gia

— Thử-sứ Giao-châu, Đỗ Hoàng Văn (杜弘文) mất. Nhà Tống cử Vương Huy (王徽) thay thế (427).

— Dân Lâm-Âp lại sang cướp phá Cửu-chân. Thử-sứ Giao-châu là Nguyễn-Dị (阮彌) không dẹp nổi bọn chúng (431).

— Vua Lâm-Âp là Phạm Dương Mai (范陽邁) sai sứ sang công nhà Tống và xin lãnh đất Giao-châu để cai trị; nhưng vua Tống từ chối không cho (433).

— Vua Tống ra lệnh cho thử-sứ Giao-châu là Đản hòa Chi (檀和之) đem binh sang đánh Lâm-Âp. Lâm-Âp bị đại bại và bị tàn phá tan-tành (446).

Hiếu vũ đế孝武帝
Phê đế廢帝
Minh đế明帝

454
457
465
465
472
473

Hiếu kiên
Đại minh
Vinh quang
Cảnh hòa
Thái thủy
Thái dự
Nguyên huy

Thương ngô vương
舒王
Chùa Dục đế (昱)
Thuận đề (順帝)

477

Thăng minh

— 883 —

B. — Nhà Bắc Ngụy (149 năm) 北魏 紀

(Giống họ Thác Bạt) 拓跋氏

Đạo vô đề 道武帝	386	Đảng quốc
	396	Hoàng thủy
	398	Thiên hưng
	404	Thiên tử
	409	Vĩnh hưng
	414	Thần Thủy
	416	Thái thường
	424	Thủy quang
	428	Thần gia
	432	Diên hòa
	435	Thái diên
	440	Thái bình
		Chấn quân
		Chính bình
		Thừa bình
	452	Hưng an
	452	Hưng quang
	454	Thái an
	455	Hòa bình
	460	Thiên an
	466	Hoàng hưng
	467	Diên hưng
	471	Thừa minh
	476	Thái hòa
	477	Cảnh minh
	500	Chính thủy
	504	

Đạo vô đề 道武帝

Minh nguyên đế 明元帝

Thái vô đề 太武帝

Nam an vương 南安王
Văn thành đế 文成帝

Hiền văn đế 獻文帝
Hiệu văn đế 孝文帝

Tuyên vũ đế 宣武帝

Hiệu minh đế 孝明帝	508	Vĩnh bình
	512	Diên xương
	516	Hỉ bình
	517	Thần qui
	519	Chính quang
	515	Hiệu xương
	528	Vũ thái
		Kiến nghĩa
	528	Vĩnh an
	529	Cảnh hưng
	530	Kiên minh
	531	Phó thái
	531	Trung hưng
	532	Thái xương
	532	Vĩnh hưng
	532	Vĩnh hi

Hiệu minh đế 孝明帝

Lâm thao vương 臨洮王

Hiệu trang đế 孝莊帝

Đông hải vương 東海王
Tiết mãn đế 齊安帝
An định vương 安定王
Hiệu vô đề 孝武帝

C. — Nhà Tề (23 năm) 齊 紀

Cao đế 高帝

Vô đề 武帝

479 建元 齊元

483 永明 齊明

— Vua Tề cử Lý-thúc-Hiến (李叔獻) làm thứ-sử Giao-châu (479).

— Vua Tề cử Phòng-pháp-Thừa (房法乘) làm thứ-sử Giao-châu (448).

— Đãng-chi (瑩之) thay thế Phòng-
Pháp-thừa (490).

Uất lâm vương 欽林王	494	隆昌 Long vương
Hải lăng vương 海陵王	494	延興 Diên hưng
Minh đế 明帝	494 498 499	建武 泰元 永泰 元
Đông hôn hầu 東昏侯	501	中興 Trung hưng
Hòa đế 和帝		

D. — Nhà Lương (55 năm) 梁 紀

Vũ đế 武帝	502	天監 Thiên giám
	520	普通 Phổ thông
	527 529 531	大通 Đại thông 中大 Trung đại thông 大同等 Đại đồng
		— Lý-Khải (李凱) trước được nhà Tề cử làm thứ-sứ Giao-châu, chiếm cứ lấy Giao-châu và kháng cự với nhà Lương. Sau ông bị thua và bị giết. Nhà Lương cử Lý-Tắc (李夔) sang thay-thê (505)
		— Nhà Lương đổi đất Cửu-chân cũ ra làm quận Ái-châu (梁州) (523).
		— Lý-bôn (李贲) khởi nghĩa và chiếm thành Long-biên (541).

— Người Lâm-áp sang xâm-chiếm Cửu-chân nhưng bị Phạm-Tu (范修), tướng của Lý-bôn, đánh đuổi (543).

— Lý-bôn tự xưng là Nam-Việt-Đề (南越帝), đặt niên hiệu là Thiên-đức (天德), và quốc hiệu là Vạn-xuân (萬春) (544).

— Vua nhà Lương sai Trần-bá-Tiền (陳霸先) đem quân sang đánh Lý-bôn. Lý-bôn thua, rút quân lên đóng ở Khuất-liêu (屈僚) thuộc Hưng-hóa (545-546).

— Lý-bôn chết (548).

— Triệu-quang-Phục (趙光復) tự xưng làm vua, và lấy tên hiệu là Triệu-việt-vương (549).

— Triệu-việt-vương đánh phá quân nhà Lương do Dương-Sàn (楊孱) chỉ huy và chiếm đóng thành Long-biên (550). Trong khi Lý Bôn ẩn náu trong vùng rừng núi ở Hưng-Hóa, anh ruột của ông là Lý-thiên-Bảo (李憐子) và em họ là Lý-Phật-Tử (李佛子) cũng bị quân Tàu đàn áp, nên phải rút quân trước vào Cửu-chân (Thanh-Hóa) rồi sau sang biên thủy, Ai-lao. Lý-thiên-Bảo tự xưng vua, hiệu là Đào-lang-Vương (桃郎王).

— Lý-thiên-Bảo chết. Lý-Phật-Tử lên nói ngôi (555).

546 中大同 Trung đại đồng

557 太清 Thái thanh

550 大寶 Đại bảo

Giàn văn đề 蘭文帝

551 天正 Thiên chính

552 承聖 Thừa thánh

555 天成 Thiên thảnh

Dự chương vương
豫章王

Nguyên đế
元帝

Trình dương hầu
貞陽侯

Kinh đế 敬帝

555
556

紹泰 平
太

Thiệu thái
Thái bình

E. — Nhà Tây Ngụy (22 năm) 西魏紀

Văn đế 文帝 欽
Đề khâm đế 欽
Cung đế 恭帝

535
552
554

大統 大
không có
không có

Nhà Đông Ngụy (16 năm) 東魏紀

Hiệu tinh đế 孝靜帝

534
538
539
543

天 平
元 象
興 和
武 定
武 定

Thiên bình
Nguyên tương
Hưng hòa
Vũ định

Nhà Bắc Tề (39 năm) 北齊紀

Văn tuyên đế 文宣帝
Phê đế 廢帝
Hiệu chiêu đế 孝昭帝
Vũ thành đế 武成帝

550
560
560
561
562
565
570
576
576

天 乾
元 明
建 建
高 清
齊 統
平 化
化 昌
龍 德
德 昌
承 光

Thiên bảo
Càn minh
Hoàng kiến
Thái ninh
Hà thanh
Thiên thông
Vũ bình
Long hòa
Đức xương
Thừa quang

An đức vương 安德王
Âu chủ 幼主

577

Nhà Bắc Chu (32 năm) 北周紀

Hiệu mãn đế 孝文帝
Minh đế 明帝

557
557

không có
không có

Võ đế 武帝

561

Vô thành

Tuyên đế 宣帝

566

Đạo định

Tĩnh đế 靜帝

572

Thiên hòa

Tuyên đế 宣帝

578

Kiên đức

Tĩnh đế 靜帝

579

Tuyên chính

Tĩnh đế 靜帝

580

Đại thành

Tĩnh đế 靜帝

581

Đại tướng

F. — Nhà Trần (32 năm) 陳紀

Võ đế 武帝

557

Vĩnh định

Văn đế 文帝

560

Thiên gia

Lâm hải 臨海

566

Thiên gia

Tuyên đế 宣帝

567

Quang đại

Tuyên đế 宣帝

569

Đại kiến

Hậu chúa 後主

583

Chỉ đức

587

Trinh minh

— Triệu Việt Vương và Lý Phật Tử, vì tranh giành quyền hạn nên đánh nhau; nhưng sau mấy trận không có kết quả, họ chia đất ra để cai trị (550.)

— Triệu Việt Vương bị Lý Phật Tử đánh thua. Triệu Việt Vương thất vọng nhảy xuống sông Đại-nha (một nhánh sông Hồng-Hà ở vùng Nam-dịnh) mà tự vẫn. Lý Phật Tử bèn xưng vua, lấy đề-hiệu Lý Hậu Đề (李後帝) và đóng đô ở Phong-Châu (丰州) (571).

Nhà Tùy (29 năm) 隋紀

Văn đế Văn đế

589
601

開仁
皇壽
仁壽

— Vua nhà Tùy sai Lư Phương (劉方) mang quân sang đánh Giao-châu. Lý Phật Tử từ thua trận, xin đầu hàng và bị đẩy sang Trung-Quốc (602).

Dương đế Dương đế

605
617
618

大業
義寧
皇泰
泰寧

— Lư Phương đem quân sang đánh Lâm Ấp và được đại thắng (605).

Cung đế Hữu Đế
Cung đế Đông Đế

Nhà Đường (289 năm) 唐紀

Cao tổ Cao tổ

618

武德

— Khâu Hòa (邱和) được nhà Tùy cử làm thái-thủ Giao-chi, xin hàng phục nhà Đường, và được phong làm Giao-châu đại tống quân (621).

Thái tôn Thái tôn
Cao tôn Cao tôn

627
650
656
661
664
668
668
670
674
676
679

貞觀
永徽
龍朔
麟德
乾封
龍德
咸亨
上元
儀鳳
調露

Trình quan
Vinh huy
Hiện khánh
Long sóc
Lân đức
Càn phong
Tống chương
Hàm banh
Thương nguyên
Nghị phượng
Điều lộ

— Giao-châu trở thành « An nam đô hộ phủ » (安南都護府) gồm có 12 châu (679).

Trung tôn Trung tôn
Đức tôn Đức tôn
Vũ hậu Vũ hậu

680
681
682
683
684
684
684

永徽
開元
弘治
嗣文
嗣光

Vinh long
Khải điều
Vinh thuận
Hoàng đạo
Tự thánh
Văn minh
Quang trạch

— Hoàng hậu Võ (Võ hậu) cướp ngôi của nhà vua, chính thông, và trị vì trong 20 năm liên.

685
689
689
690

垂拱
永徽
義天

Thùy cung
Vinh xương
Tải sơ
Thiên thụ

— Võ hậu bỏ tên triều-hiệu của nhà Đường và dùng triều hiệu Chu thay vào (kể từ năm 690 trở đi).

692
694
695
696
697
698
700
701
705

如意
長壽
延載
證聖
天册
萬壽
神功
聖歷
久視
大足
長安

Như ý
Trường thọ
Diên tải
Chứng thánh
Thiên sách vạn tuế
Vạn tuế thông thiên
Thần công
Thánh lịch
Cửu thị
Đại túc
Trường an
Thần long

— Vua Trung tôn lấy lại được ngai vàng trong tay Vũ hậu. (705)

Duyệt Tôn	睿宗	707 710	Cảnh long 龍景 Cảnh văn 景文
Huyền Tôn	玄宗	712 713	Thái cực 和極 Diên hòa 元開 Khai nguyên 元開
Túc Tôn	肅宗	742 756	Thiên bảo 天寶 Chỉ đức 至德
Đại tôn	代宗	758 760 762 763 765 766	Càn nguyên 乾元 Thượng nguyên 上元 Bảo ứng 寶應 Quảng đức 廣德 Vĩnh thái 永泰 Đại lịch 大曆
Đức tôn	德宗	780 784 785	Kiến trung 建中 Hưng nguyên 興元 Trinh nguyên 貞元

- Mai thúc Loan (梅叔鸞) nói lên chống cự với quân nhà Đường, chiếm lấy Hoan châu (驪州) (Nghệ-an), và tự xưng làm vua hiệu là Mai-hắc-Đề. Nhà Đường phái Dương-tư-Húc (楊思勳) sang chinh phạt; Mai-hắc-Đề thua chạy (722), được ít lâu thì chết.
- An nam đô hộ phủ đổi thành Trần Nam đô hộ phủ (757). (鎮南都護府)
- Những giặc bé ở phía nam, từ các đảo Côn-lôn (崑崙) và Chà-bà (周婆) vào cướp phá đất Giao-châu. Bọn chúng bị ông Kinh lược sứ là Trương-bá-Nghi (張伯儀) đánh lui (767).
- Trần nam đô hộ phủ lại được gọi là An-nam đô hộ phủ như cũ (768).

- Phùng-Hưng (馮興) nói lên, đem quân chiếm đóng Phụng-châu, nhưng

được ít lâu thì mất. Bàn ở đây không nói rằng là Bồ-cái-đại-vương. Con ông ta là Phùng-An (馮安) xin hàng phục Đô hộ Triệu Xương (趙昌) (791).

Thuận tôn	順宗	805 806	Vinh trịnh 貞寧 Nguyên hòa 元和
Hiền tôn	憲宗		
Mục tôn	穆宗	821	Trương khánh 長慶
Kính tôn	敬宗	825	Bảo lịch 寶曆
Văn tôn	文宗	827	Vĩnh thành 永成
Võ tôn	武宗	836 841	Vĩnh thành 開成 Hội xương 會昌
Tuyên tôn	宣宗	847	Thái trung 太和
Ý tôn	懿宗	860	Hàm thông 咸通

- Thứ-sứ Hoan-châu là Dương-Thanh (楊清) vốn gốc người bản xứ, nổi lên chiếm lấy châu trị, cùng đem Đô-hộ là Lý-trọng-Cổ (李象古) ra xử trảm. Quê-trọng-Vũ (桂仲武) được cử sang làm đô hộ; người này đánh bắt được Dương-Thanh và đem giết đi (819).

- Dân Nam-chiều sang cướp phá, bị quan kinh-lược sứ là Bùi-nguyên-Dụ (裴元裕) đẩy lui (845).
- Dân Giao châu nổi giậy và tiên đánh châu-trị. Kinh lược sứ là Vương-Thức (王式) dẹp tan ngay (858).
- Quân Nam-chiều sang đánh và chiếm mất phủ thành. Kinh lược sứ là Lý-Hộ (李鄂) bỏ chạy (860).
- Quân Nam-chiều lại sang đánh phá. Kinh lược sứ là Thái Tập (泰集) đẩy lui (862).

- Quán Nam-chiều sang đánh phủ thành. Thái-Tập cùng quan tùy tùng là Nguyên-duy-Đức (元維德) đều bỏ mạng (863).
- Cao-biên (高驍) được cử sang làm Kinh-lược-sứ (864). Ông này đánh được quân Nam-chiều ở Phong-châu (865).
- Cao-biên chiếm được La-thành (羅城) và khôi phục cả đất Giao-châu. Quán Nam-chiều rút lui. Cao-biên được thăng chức làm Tiết-độ-sứ (節度使) Tĩnh-Hải (靜海). Tĩnh-Hải là tên mới do vua nhà Đường đặt cho An-nam đô-hộ-phủ. Cao-biên đáp lại thành Đại-la (hay là La-thành) (866).

Hy tôn	僖宗	874	Càn phủ
		880	符明
		881	廣和
		885	中光
		888	龍德
		889	紀龍
		890	順大
		892	福寧
		894	乾化
		898	光復
		901	天祐
		904	天祐
		905	天祐

Chiêu tuyên đế
昭宣帝
(Ai tôn) 哀宗

- Khúc-thừa-Dụ (曲承裕) tự xưng làm Tiết-độ-sứ. Vua cuối cùng của nhà Đường cũng đánh công nhận ông và thuận phong chức đó cho ông (906).

ĐỜI NGŨ QUÍ 五代時
A.- Nhà Hậu LƯƠNG 後梁紀

Thái tổ	太祖	907	閻平
Mặt đế (Quần vương)	末帝 均王	911 915	乾化 貞明
		921	龍德

- Khúc-thừa-Dụ mất; con là Hạo 額 lên nối tiếp quyền chức (907).
- Khúc-thừa-Hạo sai con là Thừa-Mỹ (承美) sang sứ bên Nam-Hán (南漢) để kết hữu với nước này (917).
- Nhà Hậu-Lương tấn phong chức Tiết độ sứ cho Thừa-Mỹ (919).

B.- Nhà Hậu ĐƯỜNG 後唐紀

Trang tôn	莊宗	923	同光
Minh tôn	明宗	926 930	天成 長興
Mẫn đế Phê đế (Lộ vương)	閔帝 閔帝 落王	934 934	應順 清泰

- Thừa-Mỹ bị quân Nam-Hán đánh thua và bắt giải đi cầm tù. Tướng của Hạo là Dương-diên-Nghệ (楊延藝) nổi lên chống cự với quân Nam-Hán (923).
- Dương-diên-Nghệ đại thắng quân Nam-Hán và tự xưng làm Tiết-độ sứ (931).

C. - Nhà Hậu TÁN 後晉紀

Cao tổ	高祖	936	天福 Thiên phúc	— Dương-diên-Nghệ bị viên tụy tướng là Kiều-công-Tiền (魏公美) ám sát và cướp lấy quyền (937). — Kiều-công-Tiền bị Ngô-Quyền (吳權) giết. Ngô-Quyền đánh bại quân Nam-Hán (phải sang giúp Công-Tiến) trên sông Bạch-Đằng (938). — Ngô-Quyền tự xưng làm vua, và đóng đô ở Cổ-Loa (古螺) (937).
Tế vương	齊王	943	開運 Khai vận	

D. - Nhà Hậu HÁN 後漢紀

— Ngô-vương-Quyển từ trần (944).

Cao tổ	高祖	936	天福 Thiên phúc
Ân đế	隱帝	948	乾祐 Cán hữu

E. - Nhà Hậu CHU 後周紀

Thái tổ	太祖	951	廣順 Quang thuận
Thế tôn	世宗	954	顯德 Hiện đức
Cung đế	恭帝	960	顯德 Hiện đức

oOo

BIỂU III - CHÙA TRỊNH 鄭主

Họ và tên riêng	Chức tước do vua Lê ban cho	Miêu hiệu	Thụy hiệu	Thời gian chấp chánh	So với nhà Lê thì tương đối với những Niên-hiệu như sau :
— Trịnh Kiểm 鄭檢	Dực quận công 郡公 Lương quốc công 國公	Thê tổ 世祖	Minh Khang Đại Vương 明康大王	1545-1569	Nguyễn Hòa Thuận bình Thiên hựu Chính trị Chính trị
— Trịnh Côi 鄭睢	Tuần đức hầu 侯 Bình an vương 平安王	không có	không có	1569-1570	Chính trị Hồng phúc Gia thái Quang hưng Thận đức Hoàng định Vinh tộ
— Trịnh Tùng 鄭松 (hay Tông)	Bình an vương 平安王	Thành tổ 成祖	Triết vương 哲王	1570-1623	Chính trị Hồng phúc Gia thái Quang hưng Thận đức Hoàng định Vinh tộ
— Trịnh Tráng 鄭樞	Thanh đô vương 清都王	Văn tổ 文祖	Nghi vương 毅王	1623-1657	Vinh tộ Đức long Dương hòa Phúc thái Khánh đức Thịnh đức
— Trịnh Tạc 鄭㮮	Tây định vương 西定王 Tây vương 西王	Hoàng tổ 弘祖	Dương vương 陽王	1657-1682	Thịnh đức Vinh thọ Cánh trị Dương đức

Đức nguyên Vĩnh trị Chính hòa	1682-1709	Khang vương 康王	Chiêu tổ昭祖	Định quốc vương 定國王	— Trịnh Căn 鄭根
Chính hòa Vĩnh thịnh Vĩnh thịnh Bảo thái Vĩnh khánh	1709-1729	Nhân vương 仁王	Hi tổ 僖祖	An đô vương 安都王	— Trịnh Cương 鄭綱
Long đức Vĩnh hựu	1729-1740	Thuận vương 順王	Dụ tổ 裕祖	Uy nam vương 威南王 An nam thượng vương 安南上王 Toàn vương 全王	— Trịnh Giang 鄭江
Vĩnh hựu Cảnh hưng Cảnh hưng	1740-1767 1762-1782	An vương 恩王 Thịnh vương 武王	Nghị tổ 毅祖 Thánh tổ 聖祖	Minh đô vương 明都王 Tĩnh đô vương 靖都王 Điện đô vương 奠都王	— Trịnh Đình 鄭程 (hay Doanh) — Trịnh Sâm 鄭森
-nt- -nt- -nt-	1782 1782-1785 1786-1787	không có -nt- -nt-	không có -nt- -nt-	Đoan Nam vương 端南王 Công Quốc Công 琮國公 An đô vương 晏都王	— Trịnh Cán 鄭楛 — Trịnh Khải 鄭楷 — Trịnh Bồng 鄭捷
Chiêu thông					

oOo

BIỂU IV — CHÚA NGUYỄN 阮主

Họ và tên riêng	Chức tước	Thụy hiệu	Thời gian chấp chánh	So với nhà Lê và Tây-Sơn thì tương đối với những Niên-hiệu như sau :
Nguyễn Kim 阮淦	An tĩnh hầu 安靖候 Chiếu huân tĩnh công 昭勳靖公	Triệu tổ 靖祖	sinh năm 1468 chết năm 1545	Quang thuận 弘寧 Cảnh thông 景通 Thái trịnh 泰正 Đoan khánh 端慶 Hồng thuận 弘順 Quang thiệu 光紹 Thông nguyên 通元 Nguyễn hòa 元化
Nguyễn Hoàng 阮黃	Chúa Tiên 僊主 Đoan quận công 端郡公	Thái tổ 嘉裕太	1558-1613	Chính trị 正治 Hồng phúc 弘福 Gia thái 嘉泰 Quang hưng 光興 Thận đức 慎德 Hoàng định 黃定 Hoàng định 黃定 Vĩnh tổ 永祖 Đức long 德隆 Dương hòa 陽和
Nguyễn phúc Nguyên 阮福源	Chúa Sãi 仕主 Thụy quận công 瑞郡公	Hi tôn 孝文 昭宗	1613-1635	Đức long 德隆 Dương hòa 陽和
Nguyễn phúc Lan 阮福瀾	Chúa Thượng 上主 Nhân quận công 仁郡公 Công thượng vương 公上王	Thần tôn 神宗 hoàng đế 皇帝	1635-1648	Phúc thái 福泰

**IRREGULAR
PAGINATION**

Nguyễn phúc Tấn
阮 福 澣

Chúa Hiến 賢 主
Dũng quận công 勇 郡 公

Thái tôn hiệu triết hoàng đế 太 宗 孝 哲 帝
1648-1687

Phúc thái
Khánh đức
Thịnh đức
Vinh thọ
Vạn khánh
Cảnh trị
Dương đức
Vinh trị
Chính hòa

Nguyễn phúc Trần
阮 福 濬

Chúa Ngải 義 主
Hoàng quốc công 弘 國 公
Chúa Minh 明 主
Tộ quốc công 祚 國 公
Chúa Ninh 寧 主

1687-1691

Nguyễn phúc Chu
阮 福 洲

Chúa Ninh 寧 主

1691-1725

Chính hòa
Vinh thịnh
Bảo thái
Bảo thái
Vĩnh khánh
Long đức
Vinh hựu
Vinh hựu
Cảnh hưng

Nguyễn phúc Trú
阮 福 樹

Chúa Ninh 寧 主

1725-1738

Nguyễn phúc Khoát
阮 福 濶

Định quốc công 鼎 國 公
Võ vương 武 王
Hiếu quận công 曉 郡 公

1738-1765

Nguyễn phúc Thuán
阮 福 澣
Nguyễn phúc Ánh
阮 福 映

Định vương 定 王
Huệ vương 惠 王

1765-1777

1778-1802

Cảnh hưng
Thái đức
Quang trung
Cảnh thịnh
Bảo hưng

(1) Khi làm biểu này, chúng tôi tham khảo cuốn sách của ông Tôn-Thất-Hán, Nhật-chính, nhan đề "Tiên Nguyễn tổ tiên gốc phò, 豫源操要譜, toàn bính chữ Nho. Tiền biên, đã được dịch ra tiếng Pháp và đăng trong Bulletin des Amis du Vieux Huế, 1930, tr. 293-328.



ĐINH-MỆNH CON NGƯỜI

- Nguyễn-mạnh-Bào -

Trong thời-dại Nguyên-tử mà cái Văn-minh cơ-giới đang đưa nhân-loại lên một trình-độ tuyệt-luân quá sức tưởng-tượng của con Người mà ai ai cũng phải chiều về, bằng một cách hốt-hoảng như tình như mê, không ngờ cái quan-năng cái tinh-thần của loài người lại có thể đưa Nhân-loại lên một trình-độ thật là phi-phạm hầu như cướp quyền Tạo-hóa. Do đó cái sức kiêu-căng của con Người đã tự đưa đến chỗ can-qua đồ-thần, nay chiến-tranh nóng, mai chiến-tranh lạnh, làm cho cái tinh-thần con Người bị dao-động bất trắc cho ngày mai không biết đi đến đâu, từ Đông sang Tây, từ Âu qua Á, sự sống của con Người như trứng để đầu đũa, lúc nào cũng nơm-nớp sợ một trái bom bay Nguyên-tử đến lúc nào không biết ?

Cái chủ-lực của con Người cũng do đó mà chiều về cái lý-thuyết Duy-vật vì thấy cái cân cân nhiều vàng, nhiều súng hay đạn nẩy là Bá-chủ Thiên-hạ, là cái quyền-năng đè-ép những nước nhược-tiểu hậu tiến.

Với cái đà Văn-minh cơ-giới mỗi ngày một tiến một cách mạnh-mẽ như thế và khoa-học càng thúc đẩy đi đến cái lý-tưởng Duy-vật như vậy, làm cho ngoại-giới càng giàu thịnh phú-cường bao nhiêu thì cái nội tâm càng ngày càng khô-héo cằn-cỗi. Trong khi các nước Dân-chủ cũng đều tiến-triển mạnh về cái lý Duy-vật mà lại muốn thúc đẩy chống Cộng-sản bằng những dụng-cụ thô-sơ, lạc-hậu từ 2, 3000 năm nay không một mảy may thay đổi, lý-thuyết quá sâu rộng hình như mơ-hồ, huyền-ảo, chủ-nghĩa thì ngoắc-ngoài, người hành Đạo thì nửa sống nửa chết, khư khư giữ lấy lẽ-lối cũ-kỹ không phổ-biến được cho sâu rộng, chỉ biết có những thứ dụng-cụ nghèo-nàn, lỗi thời, han-rỉ, thì hỏi rằng làm

1199-1739 1259-1799 1319-1859 1379-1919 1439-1979	1200-1740 1260-1800 1320-1860 1380-1920 1440-1980	1201-1741 1261-1801 1321-1861 1381-1921 1441-1981	1202-1742 1262-1802 1322-1862 1382-1922 1442-1982	1203-1743 1263-1803 1323-1863 1383-1923 1443-1983	1204-1744 1264-1804 1324-1864 1384-1924 1444-1984	1205-1745 1265-1805 1325-1865 1385-1925 1445-1985	1206-1746 1266-1806 1326-1866 1386-1926 1446-1986	1207-1747 1267-1807 1327-1867 1387-1927 1447-1987	1208-1748 1268-1808 1328-1868 1388-1928 1448-1988
己巳 Kỷ Tỵ	庚午 Canh Ngọ	辛未 Tân Vị	壬申 Nhâm Thân	癸酉 Quý Dậu	甲戌 Giáp Tuất	乙亥 Ất Hợi	丙子 Bính Tý	丁丑 Đinh Sửu	戊寅 Mậu Dần
969-1509 1029-1569 1089-1629 1149-1689 1209-1749 1269-1809 1329-1869 1389-1929 1449-1989	970-1510 1030-1570 1090-1630 1150-1690 1210-1750 1270-1810 1330-1870 1390-1930 1450-1990	971-1511 1031-1571 1091-1631 1151-1691 1211-1751 1271-1811 1331-1871 1391-1931 1451-1991	972-1512 1032-1572 1092-1632 1152-1692 1212-1752 1272-1812 1332-1872 1392-1932 1452-1992	973-1513 1033-1573 1093-1633 1153-1693 1213-1753 1273-1813 1333-1873 1393-1933 1453-1993	974-1514 1034-1574 1094-1634 1154-1694 1214-1754 1274-1814 1334-1874 1394-1934 1454-1994	975-1515 1035-1575 1095-1635 1155-1695 1215-1755 1275-1815 1335-1875 1395-1935 1455-1995	976-1516 1036-1576 1096-1636 1156-1696 1216-1756 1276-1816 1336-1876 1396-1936 1456-1996	977-1517 1037-1577 1097-1637 1157-1697 1217-1757 1277-1817 1337-1877 1397-1937 1457-1997	978-1518 1038-1578 1098-1638 1158-1698 1218-1758 1278-1818 1338-1878 1398-1938 1458-1998
己卯 Kỷ Mão	庚辰 Canh Thìn	辛巳 Tân Tỵ	壬午 Nhâm Ngọ	癸未 Quý Vị	甲申 Giáp Thân	乙酉 Ất Dậu	丙戌 Bính Tuất	丁亥 Đinh Hợi	戊子 Mậu Tý
979-1519 1039-1579 1099-1639 1159-1699 1219-1759 1279-1819 1339-1879 1399-1939 1459-1999	980-1520 1040-1580 1100-1640 1160-1700 1220-1760 1280-1820 1340-1880 1400-1940 1460-2000	981-1521 1041-1581 1101-1641 1161-1701 1221-1761 1281-1821 1341-1881 1401-1941 1461-2001	982-1522 1042-1582 1102-1642 1162-1702 1222-1762 1282-1822 1342-1882 1402-1942 1462-2002	983-1523 1043-1583 1103-1643 1163-1703 1223-1763 1283-1823 1343-1883 1403-1943 1463-2003	984-1524 1044-1584 1104-1644 1164-1704 1224-1764 1284-1824 1344-1884 1404-1944 1464-2004	985-1525 1045-1585 1105-1645 1165-1705 1225-1765 1285-1825 1345-1885 1405-1945 1465-2005	986-1526 1046-1586 1106-1646 1166-1706 1226-1766 1286-1826 1346-1886 1406-1946 1466-2006	987-1527 1047-1587 1107-1647 1167-1707 1227-1767 1287-1827 1347-1887 1407-1947 1467-2007	988-1528 1048-1588 1108-1648 1168-1708 1228-1768 1288-1828 1348-1888 1408-1948 1468-2008
己丑 Kỷ Sửu	庚寅 Canh Dần	辛卯 Tân Mão	壬辰 Nhâm Thìn	癸巳 Quý Tỵ	甲午 Giáp Ngọ	乙未 Ất Vị	丙申 Bính Thân	丁酉 Đinh Dậu	戊戌 Mậu Tuất
989-1529 1049-1589 1109-1649 1169-1709 1229-1769 1289-1829 1349-1889 1409-1949 1469-2009	990-1530 1050-1590 1110-1650 1170-1710 1230-1770 1290-1830 1350-1890 1410-1950 1470-2010	991-1531 1051-1591 1111-1651 1171-1711 1231-1771 1291-1831 1351-1891 1411-1951 1471-	992-1532 1052-1592 1112-1652 1172-1712 1232-1772 1292-1832 1352-1892 1412-1952 1472-	993-1533 1053-1593 1113-1653 1173-1713 1233-1773 1293-1833 1353-1893 1413-1953 1473-	994-1534 1054-1594 1114-1654 1174-1714 1234-1774 1294-1834 1354-1894 1414-1954 1474-	995-1535 1055-1595 1115-1655 1175-1715 1235-1775 1295-1835 1355-1895 1415-1955 1475-	996-1536 1056-1596 1116-1656 1176-1716 1236-1776 1296-1836 1356-1896 1416-1956 1476-	997-1537 1057-1597 1117-1657 1177-1717 1237-1777 1297-1837 1357-1897 1417-1957 1477-	998-1538 1058-1598 1118-1658 1178-1718 1238-1778 1298-1838 1358-1898 1418-1958 1478-

sao ta có thể đưa nhân-loại được đến chỗ an-nhàn hạnh-phúc theo một lý-tưởng Đại-dồng cho Vạn-thế được.

Nhân dịp tôi nêu lên đây một đề-tài quá rộng-rãi chỉ có thể hiểu bằng tâm-linh, ví đúng như lời tôi nói trên đây, chúng ta không đủ chữ mà giải và đủ dụng-cụ tối tân để giải-phẫu một vấn-đề mà ta đã cho là nan giải từ khi có loài người.

Nếu ta cứ theo khoa-học hiện tại mà tiến lên mãi ta lắm lúc tự thấy rằng : Cái quan-năng của con người như mắt nhìn một cái cây thẳng đim một nửa vào chậu nước thì ta thấy cây cong, hai con đường bình hành song song chạy dài lại gặp nhau ở một đầu, hay những cái động ba về thanh âm của một ca-si có thể làm bẽ được những ly tách chung quanh, hay một đồ vật nặng nghìn cân rơi xuống trong một bầu không gian không có khí trời, cũng như một sợi lông hồng. Thế là thế nào ? Khoa-học đã lấy những sự hậu-nghiệm giải cho ta thấy rằng : Đó là những sai biệt về quan-năng của Người mà lập ra luật này thuyết khác.

Một khi mình đã không tin được những quan-năng của mình thì những đạo luật xưa nay lập trên những hậu-nghiệm chưa chắc có thể tồn tại vĩnh-cửu được.



Cho nên thâm nhập Vấn-đề : « *Định-Mệnh con người* » là cả một vấn-đề phức-tạp từ xưa tới nay bao nhiêu nhà hiền-triết đã khổ tâm nghiên-cứu mà chưa cho ta một giải-thuyết vững-vàng.

Gần đây có nhà Bác-học Le Comte du Nouy được giải thưởng Nobel viết quyển « *Định-Mệnh Con Người* » (The Human Destiny) tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần, nhưng tôi không đồng ý với cái lý-thuyết của ông về « *Téléfinalisme* » (Viễn đích-luận) vì rằng : Cái chung-kết của sự-vật trên đời này không phải là cái Đích ấy nó chỉ do cái khởi-thủy của sự-vật ấy hưng lên rồi lại tàn đi cứ xoay tròn như thế mãi mãi không thôi. Nhưng cái thuyết « *Viễn-đích luận* » ấy chỉ có thể tới được bằng sự hiểu biết cái luật « *Nhân Quả* » của Đạo Phật mà Đức Thích-Ca đã nêu lên cho Đệ-tử từ hơn 2500 năm hầu đề đi đến chỗ Đại-quang-minh, theo Đạo Phật-giáo thì gọi là Chân-như, theo Lão-giáo thì gọi là Đạo, theo Khổng-giáo thì gọi là Thái-cực hay Thiên-lý, và theo Gia-Tô-giáo thì gọi là Thiên-Đàng, mỗi một Tôn-giáo tuy danh-từ khác nhau nhưng chung quy chỉ về một mối, thiết tưởng cũng chẳng có gì mới lạ Ông nói rằng : *Con người với khối óc hiện tại không*

phải tượng-trung cái chung-kết của sự tiến-hóa, nhưng chỉ là thời-kỳ ở giữa cái quá-khứ bị đè nặng bằng những kỷ niệm về thú-tính, và cái vị-lai có nhiều sự hứa-hẹn tốt đẹp hơn. Đó là « *Định-Mệnh Con Người* ». (*)

Ồ ! Nếu Định-Mệnh con Người nó chỉ dễ dàng thế thôi thì nghìn đời nó vẫn phải buộc vào cái bánh xe không-lờ cứ xoay đời đời kiếp kiếp không bao giờ thoát khỏi được lên trên cõi bề-dầu trăm cay nghìn đắng này sao ?

Nếu các bạn cùng tôi ta ngồi yên định một lát mà nghĩ, thứ nhất những bạn đã quá 50 tuổi, tức là « *Ngũ thập tri Thiên-Mệnh* » nghĩa là 50 tuổi mới biết Thiên-Mệnh theo đức Khổng-Tử, vì trong 50 năm trời lăn-lộn nào là Hi, Nộ, Ai, Lạc, Họa, Phúc, thăng trầm phú-phàng vùi dập ta hay nâng bốc ta, ta cảm thấy lắm lúc ta muốn tránh đi cũng không được, lắm lúc muốn đuổi mà nắm lấy cũng không xong.

Như thế là thế nào ? Nếu cứ lấy sức người mà động-tác làm theo sở-nghuyện của mình mà được thành công thì chúng ta đã sống được trong cõi Thiên-Tiên không có người nghèo-hèn, ngu-dốt như ngày nay. Phu-Tử đã nói : Cái ghét của Thiên-hạ là Nghèo và Hèn, cái thích của Thiên-hạ là Giàu và Sang.

Cho nên muốn giải luận một vấn-đề phức-tạp về Định-Mệnh ta phải nhận định trước hết : « *Con người là vật linh nhất trong vạn vật, Tinh-thần tâm-hồn của ta biểu-dương cái khi Thái-hòa kết tụ của Âm-Dương hấp thụ cái Tú-khi tinh thiêng của Trời-đất* » Nếu ta phân tách Con Người ra thì có hai thể :

1. — Thể Hữu-hình : Thân-xác

2. — Thể Vô-hình : Linh-hồn

1. *Thể Hữu-hình* tức là thân-xác ta hợp Ngũ-hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ tạo nên di dưỡng nuôi nấng bằng các chất : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ ở trong rau cỏ, thịt cá vân vân, mà người ta thường dùng hàng ngày để nuôi thân-xác.

(*) « *Man, with his present brain, does not represent the end of evolution, but only an intermediary stage between the past heavily weighed down with memories of the beast and the future rich in higher promise — Such is Human Destiny* ». Page 157 Edition The New.

American
Library

Thân-xác ta sinh bởi cái tinh-khí cũng thuộc về thể-chất ấy, sinh sống lớn lên cũng bằng ngũ-hành, cho nên lúc chết đi nó bị tan rữa ra mỗi chất lại trở về nguyên-thể của nó, cái thì tan vào đất, cái thì ở đất để nuôi cây cối, thành rau cỏ lại để đi nuôi người và vật.

Đó là sự biến-chuyển của Ngũ-hành trong Tạo-hóa. Phạm sự-vật trong Trời Đất có hợp ất có tan, có sinh ất có tử, có thủy có chung, đó là cái luật dĩ nhiên của Tạo-hóa.

Cho nên thân-xác hợp bằng Ngũ-hành ất phải tan rã mà về với nguyên-thể của nó, cũng như phần vô hình trong người ta sau khi chết đi cái tinh-thần, cái linh-hồn ất trở lại với có tinh-thần độc-nhất của Trời-đất.

2.— *Thể Vô-hình* : Người ta hơn muôn vật nhờ ở Trí-tuệ biết suy nghĩ, phán-đoán, phân-biệt được điều phải lẽ trái, việc lành sự ác vân vân. Cái trí-tuệ của con Người tức là cái lợi-khí để tự giữ mình chống chọi với muôn sức mạnh của Trời-đất và muôn loài.

Ông Pascal nói : « *Người là cây sậy biết nghĩ* ». Thật thế, cái thân-xác ta rất mỏng manh, ròn rã, một con trùng nhỏ, một sức mạnh của thú dữ cũng có thể giết được ta, cấu xé ta, nhưng nhờ có trí-tuệ con Người đã vượt lên trên những sự tai nguy ấy mà sống ở trên hàng chủ-tể muôn loài Đức Khổng-Tử nói : « *Người ta bầm sinh ra có khí, có hồn, khí hồn phách hội lại gọi là Sinh* ». (Khổng-Tử Gia-ngữ. Thiên Ai-Công vấn-chính thứ 17).

Hóa cho nên cảm thông được sự kết-hợp đó ta thấy rõ ở trong người ta ngoài cái thân-xác hữu hình lại còn có một cái gì thiêng-liêng vô hình tồn tại ở trong, tức là người ta ở đời có Tính có Mệnh, có Sống có Chết.

Lỗ Ai-Công hỏi Đức Phu-Tử rằng :

— « *Tính Mệnh của Người là nghĩa làm sao ?* »

Đức Phu-Tử trả lời rằng :

« *Chia một phần ở trong Đạo của Trời ra gọi là Mệnh, hình rõ ra cái lý Một gọi là Tính, biến hóa Âm Dương mà thành ra có Tượng, có Hình thì gọi là Sinh, hóa đến cùng số hết gọi là Chết. Cho nên Mệnh là cái bắt đầu của Tính, Tử là cái cuối cùng của Sinh, có thủy có chung vậy* ».

Trong sách Y-học bí truyền của Tắt-Sinh-Bạch có đoạn Chu-Tu nói rằng : « *Vô-cực là Thái-cực, Thái-cực động sinh Dương, Tĩnh sinh Âm, cái gốc sinh ra con người ta vẫn là bởi ở cái Âm Dương của Trời Đất* ».

Lại nói rằng :

« *Trời lấy Âm Dương Ngũ-hành hóa sinh muôn vật, lấy khí để làm thành hình mà cái lý bầm sinh ra. Như vậy cái tính của Thiên-mệnh có thể là cái gốc của sự sinh ra người vậy* ». Lúc Âm-Dương chưa giao hợp nhau, lúc mới đầu có cái tư-tướng của hai giống đực cái nghĩa là cái lý Thái-cực trong óc loài người theo Thiên-lý Dương cứng Âm mềm. Nhân cái lý đó cái hồn phách của con Người sau này mới có do ở cha mẹ tạo nên căn-bản hay là cái nguyên-thần của con Người. Nhân có hai cái khí âm dương thanh trọc, lên xuống ấy mới có sự giao với nhau, ôm bọc lấy nhau, hợp nhau rồi biến hóa mà dần dần lớn lên.

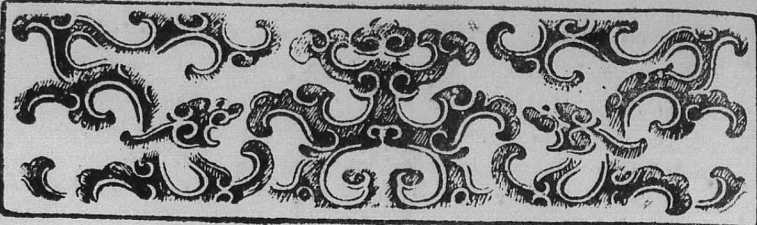
Ai mà không biết nhờ cái tinh-khí của cha hòa hợp với khí-huyết của mẹ mới thành ra thai-nghén. Ta chỉ biết cái thai nghén nhờ cái lẽ đó mà sinh ra ta, không biết sự sinh đẻ còn nhờ ở cái khí Âm Dương tụ hợp do ở cái lý Thái-cực mà ra vậy. Cái lý đó là cái *Lương năng* của hai khí âm-dương mà ta gọi là Quý-Thần. Quý là cái *Phách* của con Người linh thiêng, tức là cái *Tinh-Tinh* của tâm con Người. Thần là cái *Hồn* linh-thiên của con người tức là cái *Lương-Tri* ngộ tính của con người. Theo các bậc Hiền-triết Âu-tây cũng nói : « *Il existe en nous un ange et une bête* » nghĩa là « *Trong chúng ta có một vị Thần-linh và một con Quỷ-xỉ* ».

Cho nên theo đạo Nho cho là : Cái lý Thái-cực ở trong người là cái « *Linh thiêng* » của Hồn Phách, tuy nó không rời khỏi hai khí Âm Dương, mà Quỷ Thần ở cái lý trước khi Quỷ Thần đến để thành hình, thì cái khí vẫn không rời cái hình, nên cái khí là cái gốc của Hình vậy.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-MẠNH-BẢO





VIỆT-NAM
TRÊN ĐƯỜNG GIẢI - PHÓNG

(Tiếp theo V.H.N.S. số 52)

BAO-LA cur-si
hiển-khảo

VIỆT-NAM QUANG-PHỤC-HỘI

Tháng 5-1912, dưới nhiệt-hứng của Cách-mạng Trung-Quốc thành công, các nhà cách-mạng Việt-Nam họp đại hội-ng nghị tại Quảng-Đông để tuyên-bố lập nền Cộng-Hòa tương lai của Việt-Nam và thành phần Chính-phủ lâm thời.

Cuộc thảo-luận hết sức gay-go. Phái quân-chủ toàn thê là người Nam-Việt, có ông Nguyễn Thần-Hiến lãnh-tự (tháng 5, 1915 ông bị bắt ở Hồng-Kông, kêu án xử-tử và bị hành-quyết ngày 24 tháng 1 năm 1916), nhất định không thay đổi lập trường. Không khí buổi thảo-luận quá sôi nổi, ngôn-ngữ lâm khi kém lễ độ; ông Hoàng-Trọng-Mậu trong lúc tranh biện kịch liệt với Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề, ông hươi cây gậy nơi tay làm dộng ngài, nên có người buộc ông phạm tội « khi quân ». Trước cái viễn ảnh tan vỡ, cụ Phan-Bội-Châu hết sức khuyên can, kêu gọi tình đoàn-kết, sau cùng một giải-pháp dung hòa được chấp nhận là cử Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề giữ chức « Tổng Đại-Biêu » hay nói một cách khác là « Tổng Thống ».

* Bài này viết với những tài-liệu của Văn-Khố chưa hề đăng tải bao giờ.

Các ông sau này được cử :

- Bộ-Trưởng Ngoại-Giao : Cụ Phan-Bội-Châu
— Tư-Pháp : Ô. Tấn-Thuật
— Tài-Chánh : Ô. Nguyễn-Thần-Hiến
— Chiến-vụ : Ô. Hoàng Trọng-Mậu
— Nội-vụ : Ô. Nguyễn-Cầm-Giang tức Hải-Thần
Cố-vấn : Ô. Đặng-Hữu-Bảng

Chính-phủ lâm thời này có nhiệm-vụ thực hiện giải-phóng dân-tộc, có quyền sử dụng các phương-tiện của Việt-Nam Quang Phục Hội mà qui chế, hệ thống điều hành, chương trình hoạt động, đều mô phỏng theo tổ chức Quốc-Dân-Đảng.

Để lập nền tài-chánh, hội có phát hành 3 loại chi-tệ tín-phiếu gồm có giấy 50, 10 và 5đ.

Loại 1 — Trang mặt : trình văn viết bằng quốc ngữ, góc tả mang số bạc; góc hữu, phía trên có hình vẽ 2 lá cờ đặt trên 3 chùy súng, một cái trống nhỏ, và cái kèn.

Trang trái : trình văn viết bằng Hán-tự.

Thuật khắc khá tinh-xảo, 2 phía tín-phiếu có màu sắc lợt và khác nhau.

Tín-phiếu in tại Hồng-Kông, cuối năm 1912, nhờ sự giúp-dỡ của ông Hou Cheou Lin, Thư-ký tại Toà Lãnh-sự Đức, là một thân giao của Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề.

Tín-phiếu lưu-hành tại Nam-Việt trong 2 năm 1912 và 1913, nhờ công-tác của các ông Gilbert Chiếu, Trương-duy-Toàn v.v... một số Hoa-kiều đảng viên của hội và chính tay Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề, khi ngài đã trốn sang Nam-Việt để vận-động nhất là trong giới các nhà giàu ở thôn quê hăng-hái đóng góp.

Số tiền lưu-hành rất quan-trọng, nên các công việc tổ-chức phá rối trị an được phát-triển mạnh.

Cũng nhờ có số tiền này mà khi ngài bị bắt tại Hồng-Kông mới có thể trả 2.000\$ thế thân tại ngoại và thanh-toán mọi thứ chi-phí.

Cuối tháng 7, ngài và ba bạn đồng-chí lên đường sang Đức và toàn Âu-Châu để quan-sát, rồi trở về lối Bắc-Kinh bằng xe lửa xuyên Tây-Bá-Lợi-Á.

Loại II. — Là thứ tín-phiếu quân dụng, theo một kiểu mẫu của Quốc-Dân-Đảng, in tại Quảng-Đông, năm 1912, do cụ Phan-bội-Châu trông nom.

Số tín-phiếu in ra đều đem ký tại một hiệu thuốc gần cửa Bắc thành Quảng-Đông cho đến khi nhà thuốc này bị đóng cửa thì lại chuyển về Trường Học Hoa-Đức vào trung tuần năm 1913 sau một cuộc tẩy thanh của nhà cầm quyền Pháp.

Loại tín-phiếu này được một hiệp-hội hỗ trợ của người Trung-hoa chiết khấu bằng 50% của định giá.

Hiệp-Hội này cũng thành lập cùng năm 1912 và trong nhiều trường hợp đã giúp cho Chính-phủ lâm thời Việt-Nam những ngân-khoản to tát.

Về hình-thức loại tín-phiếu này giống loại I.

Trang mặt : có hình vẽ màu đỏ và lam, đăng ký viết bằng Hán-tự. Tê giá kẻ bằng Hán-tự ; phía dưới là niên hiệu phát hành 1912.

Từ trên xuống dưới : hàng chữ đầu là « *Việt-Nam Phục-Hưng Quốc-Quân* », hàng chữ thứ nhì là « *Quân-Đội nhu-cửu tín phiếu* ».

Bên hữu có câu « *Sẽ hoàn lại nguyên giá sau 2 năm khi cách-mạng thành công — Những người giả mạo sẽ bị nghiêm-trị* ». Bên tả là câu « *Tín-phiếu này phải được lưu dụng với mệnh-giá đã định — Cấm ai làm ngăn trở sự lưu hành* ».

Trang trái : hình vẽ bầu dục, sắc lục và nâu, trên có hai chữ « *Sào-Nam* » (biệt-hiệu của cụ Phan-Bội-Châu) với hàng chữ tự « *Đã khản và cho phép phát hành* » dưới có con dấu khắc 2 chữ « *Trọng Mậu* » (tên ông Bộ-Trưởng Chiến-vụ) và niên-hiệu phát hành 1912.

Loại tín-phiếu này lưu hành không có kết-quả vì bị loại I làm mất giá-trị (loại này do Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề chủ trương).

Loại III. — Tín-phiếu này lưu hành tại Nam-Việt vào khoảng năm 1916, giá 50\$.

Trang mặt : niên-hiệu 1913, mang chữ ký của Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề. Góc tả phía dưới là hình vẽ của một ngôi lăng tẩm. Các góc khác đều có số 50\$.

Trang trái : có hình bầu dục, trong vẽ hai người khiêng một cái kiệu và nhiều người khác cùng đi qua trên cái cầu nhỏ một vầy.

CHIẾN-DỊCH KHỦNG-BỐ TRONG NĂM 1913

Chiến-dịch này đã được nghiên-cứu rất kỹ lưỡng và sự phân công rất thận trọng, quyết định từ tháng 7 năm 1912.

Đại cương chia làm hai ngành : ngoại-giao, hải-ngoại phú thác cho ông Nguyễn-Thần-Hiến tự Quế-Sơn, đặt trung tâm hoạt động tại Hàng-Châu, thủ phủ của tỉnh Triết-Giang, thường là chốn dụng võ của các nhà cách-mạng quốc-tế.

Về quốc-nội thì cho phát động một phong-trào khủng bố phá hoại để đi đến cướp chính quyền.

Sau khi cách-mạng Trung-Quốc thành công, nhà Mãn-Thanh bị truất phế, nên cộng-hòa được thành lập dưới sự lãnh-đạo của ông Tôn-Dật-Tiên và Quốc-Dân-Đảng.

Nhưng không bao lâu thì Viên-Thế-Khải lại lợi dụng thời cơ dập dờ cơ-sở cộng-hòa, định tái lập nền quân-chủ để làm đế-chủ Trung-Hoa.

Dân chúng Trung-Hoa và các nhà cách-mạng vì đó lại phải lâm vào một cuộc cách-mạng thứ hai khiến cho phong trào giải-phóng Việt-Nam cũng bị ảnh hưởng mất nhiều cơ-hội thuận tiện.

Trái lại, tại Việt-Nam thì cao trào cách-mạng, ngày càng sôi nổi, lòng căm thù người Pháp đã đến cực độ, mà những biến-cố sau đây là những điềm đánh dấu các giai-đoạn quan hệ nhất :

CUỘC ÂM-MƯU NỔI LOẠN TẠI SÀI-GÒN — CHỢ-LỚN (THÁNG 3 NĂM 1913)

Có một số đồng bào Bình-Thận đã rất bí mật xúc tiến với Kỳ Ngoại-Hầu, để thành lập tại Nam-Việt và tại Cao-Miên một hội kín. Sự hoạt động của chi hội Nam-Việt đã được ủy cho một chàng thiếu-niên tên là Phan-Phát-Sanh, mới 17 tuổi, con của một viên lính Cảnh-sát tại Chợ-lớn. Nhờ được tuổi trẻ, Pháp không để ý, nên cậu bé đã len-lỏi khắp nơi để cô động và xúc tiến các việc bố trí trong khắp châu thành Sài-gòn và Chợ-lớn. Kế đó liên-tiếp có những biến-cố xảy ra như sau :

Ngày 24 tháng 3, Pháp tìm thấy nhiều quả bom đặt tại các địa-diềm quan hệ trong vùng Sài-gòn, hay gần các công-thự như Phủ Toàn-Quyền, Thủ Thống-Đốc, Pháp Viện, trại lính Ó-Ma v.v....

Đêm đến có nhiều truyền đơn bỏ vào phong bì rải ở nhiều nơi. Các truyền đơn này báo tin sẽ phục-hưng ngôi hoàng-đế « Phan Xích Long », dưới mỗi truyền đơn có hình nhiều lá cờ, lá thì vẽ rồng, lá thì có hình mặt trời màu bạc trên nền thẫm giống như huy-hiệu của quân cách-mạng Trung-Hoa nổi dậy chống nhà Thanh, và nhiều biểu-hiệu khác cũng có tánh cách lạ-lùng và bí-mật.

Trong vườn biệt-thự của viên Tổng-Đốc danh dự Đỗ-Hữu-Phượng tìm thấy một lá cờ cách-mạng và một sắc chỉ phong chức Thủ-hiến Nam-Việt.

Ngày 28, có một cuộc biểu-tình như sau :

Sáng sớm hôm ấy thấy có nhiều nhóm người ở từ các làng dọc theo sông Vàm Cỏ Tây bơi thuyền kéo về hướng Chợ-lớn. Họ đều mặc y phục trắng, không may cổ, đầu chít khăn trắng, không vẽ trang. Có độ một trăm người tụ họp ngang cạnh Tòa-bố thì bị bắt, nhưng họ không chống cự lại, còn những người đứng xa thì tự ý giải-tán.

Cuộc điều-tra sau này cho biết rằng: các nhóm dân-chúng tập trung hôm ấy có mục-đích họp thành đám biểu-tình, và những quả bom tìm thấy ở Sài-gòn, định sẽ đem quăng để gây thiệt hại. Nhưng đến phút cuối cùng cậu Sanh bị bắt ở Phan-Thiết, nên mọi việc đều đổ vỡ.

Trong số non trăm người bị bắt nói trên thì 7 người đã vượt ngục, còn ngót trăm người bị đưa ra tòa án Đại-hình ngày 13 tháng 11 năm 1913. Tòa họp 14 phiên, kêu 34 án, cậu Phan-Phát-Sanh bị khờ sai chung thân đày đi Guyane, nhưng tàu này đi gần được nửa đường thì trận Thế-Chiến thứ 1 bùng nổ, tàu được lệnh trở lui. Nhờ vậy cậu khỏi phải lưu đày tại một nơi có tiếng là địa-ngục của các địa-ngục lao tù.

HÀNH-TRÌNH CỦA KỶ NGOẠI-HẦU CƯỜNG-ĐỀ VỀ NAM-VIỆT

Theo các tin tức chuyển qua Hồng-Kông và những người sang yết-kiến ngài đều chứng tỏ là tinh-thần cách-mạng của đồng-bào đã trưởng thành và cần phải hành-động gấp, nên ngài quyết định hồi hương cho gần chiến-địa để đi điều khiển.

Ngày ngài đáp tàu không được rõ, nhưng có thể ước đoán vào khoảng giữa tháng 1 và tháng 6 năm 1913, căn cứ nơi các bức thư ngài gửi cho các ông Hou Cheou Liu, thư-ký Lãnh-Sự-Quán Đức tại Hồng-Kông, Sie Ing Pie, thư

ký Chánh-Phủ Cách-mạng Quảng-Đông và ông Trần-Từ-Giác, một người bạn Trung-Hoa, đề tin cho các ông này biết ngài sẽ vắng mặt đi Âu-Châu (có nghĩa lóng là Việt-Nam) và trong thời-kỳ này cụ Phan-Bội-Châu sẽ thay mặt ngài xử lý các công việc.

Ngoài các thư này, người ta còn tìm thấy một quyển sổ tay có ghi những số tiền và phí tổn xê dịch.

Hồi đó, Kỳ Ngoại-Hầu chưa qua Sài-gòn ngay mà còn dừng chân ít lâu tại Tân-Gia-Ba để nghe ngóng tin tức. Ngày 21 tháng 3, ngài có triệu tập các đồng-chí để báo tin cho biết. Rồi có lẽ vào trung tuần tháng 4, ngài mới về Sài-gòn và lưu lại hai tháng. Đến tháng 6, mới rời Sài-gòn vào sau khi âm mưu của Phan-Phát-Sanh thất bại.

Thời gian ở Sài-gòn, ngài lưu trú tại nhà Ông Gilbert Chiếu, hay Khách-sạn Lục-Tinh, do một « me tây » giải nghệ làm quản-ly. Ngài dùng một giấy thuê thân giả mang tên một nông-dân thường, do ông Đặng-Bình-Thành cấp.

Ngài dùng thuyền đi hiệu dụ đồng-bào các tỉnh Vĩnh-Long, Cần-Thơ và Châu-Đốc.

NÉM BOM Ở BẮC-VIỆT — 2 VỤ MƯU-SÁT Ở THÁI-BÌNH VÀ KHÁCH-SẠN HÀ-NỘI

Ngày 12 tháng 4, 1913 cuộc cách-mạng bạo động bắt đầu trước hết hạ sát viên Tuần-phủ Thái-Bình, trên một đại-lộ giữa thành phố Thái-Bình vào lúc 11 giờ 30. Nạn-nhơn bị cách-mạng kết-án phản-bội quyền lợi dân-tộc và làm tay sai đắc lực cho thực-dân Pháp.

Ngày 26 tháng 4, tại khách sạn Hà-nội, lúc 7 giờ 30 tối, quăng một trái bom làm chết 2 thiếu-tá Quân-đội Pháp : Montgrand và Chapuis cùng một người Việt-Nam, và gây trọng thương cho 12 lính Pháp và Việt.

2 vụ ám-sát này có tánh cách táo bạo và chứng-minh rõ ràng mục-tiêu chính-trị của nó Chính phủ Bảo-Hộ nghĩ không thể giữ những thủ tục tư-pháp thời bình, nên ngày 7 tháng 5, 1913, bèn cho ra nghị-định lập Ủy-Ban Đại-Hình để điều tra và xét xử các án chính-trị.

Thành phần gồm có :

Ô.Ô. Bourcier Saint Chaffray

Chủ-tịch

Logerot Thị-Trưởng Hà-nội

Hội-viên

Abor Biện-lý —

Guerrier Đại-Ủy —

Legay Lục-sự —

Phụ tỳ với việc thành-lập cơ quan tư-pháp này, hai tòa án Thái-Bình và Hà-nội mở cuộc điều-tra, bắt hơn 120 tình nghi tống-giam vào lao Hỏa-Lò, nhưng thủ-phạm thì không có một lời khai nào có giá-trị để khai thác.

Song song với tư-pháp, về mặt hành-chánh, ngoài biên-thùy thì viên Khâm-sứ Bắc-kỳ cho áp-dụng các biện-pháp kiểm xét rất nghiêm ngặt, ở Lạng-Sơn chặn bắt được một nhóm cách-mạng định vượt biên-giới, xét thấy có mang theo nhiều tài-liệu viết bằng ước-ngữ có vẻ khả nghi nên đều bị bắt. Trong số ấy có một người đứng ra nhìn nhận chính ông ta là thủ-phạm hai vụ bạo động vừa rồi!

Trong lúc này thì ở Thái-Bình cũng có ông Nguyễn-Khắc-Cần cũng vô ngục tự xưng là thủ-phạm! Có lẽ các ông đã định trước cố ý đánh lạc hướng cuộc điều tra, cho các thủ phạm-chánh có thì giờ trốn thoát, hoặc các ông muốn gây ra nghi-vấn để gây khó khăn cho các tòa án sau này?

Sau bao tuần lễ điều-tra, mới tìm ra thủ-phạm chánh trong số các người tình nghi bị bắt tức là ông Phan-văn-Trang hay là Chang. Đồng thời cơ-quan công-an Mật-thám tại các nơi cũng hăng hái vượt mực do các quan đầu tỉnh cầm đầu như viên Tổng-Đốc Hà-Đông, Tuần-Vũ Thái-Bình và Lạng-Sơn v.v. Nhất là Tổng-Đốc Hà-Đông rất hăng-diện về việc đem nạp hai quả bom xét thấy ở gần Hà-nội và 1 quả ở La-Khê, gần Bắc-Ninh. Rồi thì những người lưu giữ các vũ-khí đó đều bị bắt giam tra tấn, đến nỗi phải cung khai nhiều điều quan trọng khiến người Pháp hiểu cách bủa lưới cùng nơi, lùng bắt những nhà cách-mạng hiện còn lẩn trốn.

Thực hiện công việc này không phải dung dị đơn thuần một sớm một chiều mà thành công được, vì đối thủ của Pháp là những tay cách-mạng thành thực lão-luyện, có những thủ-đoạn ghê-gớm, những mẹo khéo tài tình để tránh lưới và những hành động rất vô đoán để thoát hiểm họa. Tức như vụ ông Đinh-Kinh-Luân tự Tiến-Nhi, xứ-ủy Ủy-Ban Trung-Uơng Cách-mạng Bắc-kỳ, một lãnh-tụ ưu-tú có công lao, bị Pháp theo dò, đến lúc ông sắp sa vào cạm lưới thì các đồng-chí đã hạ thủ ngay để khỏi bại-lệ những điều bí-mật do ông đảm-nhiệm bấy lâu.

Muốn bủa lưới rộng tới ngoại-quốc, Pháp vận động ngoại-giao yêu cầu Chính-phủ Hoàng-Gia Anh ở Hồng-Kông bắt giùm các nhà cách-mạng Việt-

Nam đưa về Hà-nội. Như thế số nạn-nhân phần nhiều vô tội bị tống giam lên đến 254 người, nhưng sau nhiều tuần lễ điều tra thì 170 được trả tự do, còn lại 84 người chờ ngày ra tòa lãnh án.

Các bị cáo, hầu hết là văn-thân, sĩ-phu mà Pháp đã gấn cho hai chữ «bất mãn», vì lẽ thì không đổ đạt, tương lai không triển vọng, nên theo cách-mạng để mong thay đổi chế-độ dặng có cơ hội cải thiện đời sống cá-nhơn.

Những mối hiềm lăm như thế (vì trong số văn-thân cách-mạng có nhiều vị đã đổ đạt hiên hách, nhưng từ chối không chịu ra làm quan) là nguyên do cho biết bao nhiêu quá thất lăm lỗi đáng tiếc đào sâu cái hố chia rẽ hai dân-tộc Việt-Pháp non một thế-kỷ, đem lại biết bao nhiêu tàn phá tạt thương!

Trong hạng mà Pháp cho là «bất-mãn» làm việc «liều mạng», có những phần tử anh tuấn chịu khuê ly gia-đình, xứ-sở nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ-quốc, trốn ra hải-ngoại để ném đủ mùi tàn khốc, tìm phương tiện vào học các trường võ-bị mong thành cán-bộ tương lai cho quân đội giải-phóng nước nhà. Có những người tài ba như ông Đặng-Hữu-Bảng không bao lâu thăng đến chức thiếu-tá phụ-trách huấn luyện viên trong đạo quân của tướng Lục-Á-Sâm.

Các bị can khai thêm rằng: lực lượng cách-mạng có chừng 6 000 người toàn là chí-nguyện quân, đóng ở Trung-quốc, dưới quyền chỉ huy của sĩ-quan Việt-Nam, cựu sinh-viên các trường Võ-bị Nhật và Hoa. Việt-Nam sẽ có Trung-Quốc không phò tác-chiến và sự ủng-hộ của Hoa-kỳ nữa! Tên của Hoa-kỳ đã được nhắc đến từ ngày ấy vì như một cuộc du-hành sang Mỹ với ông Tôn-Dật-Tiên, ông Nguyễn-Thần-Hiến của ta có đi theo và khi trở về tỏ vẻ lạc-quan tuyên-bố Hoa-kỳ sẽ viện-trợ Việt-Nam để giành độc-lập và trừng tu xứ-sở.

Kế hoạch của cách-mạng là gây khủng-bố trong nước bằng ám-sát một số các quan vào hạng coi nặng miếng đĩnh chung hơn tình non nước, những người bị xem như Việt-gian để uy hiếp giới quan-trường và những người có cảm tình với Pháp, thủ-tiêu các công-chức Pháp để gây hoang-mang, lo sợ cho người Âu.

Trong nước, lãnh-thổ được chia ra làm nhiều khu chiến, do một lãnh-tụ chỉ huy, như khu Nam-Định Thái-Bình, Ninh-Bình có ông Vũ-Ngọc-Thụy, tự Hàn-Linh, tự Hàn-Thụy; khu Bắc-Ninh, Phúc-Yên, Bắc-Giang, Hưng-Yên, có ông Trọng-Chương, tự Hai-Thạc.

Các khu-chiến do một Ủy-Viên điều động và tiếp-tế nhân-lực,

tài-chánh, vũ-khí Hai ông Am-Vệ và Tiến-Nhi đã kế tiếp nhau giữ trách-nhiệm này.

Ở hải-ngoại thì có sự giúp đỡ của các giới trong tân chính-phủ Cộng-hòa Trung-quốc, các sinh-viên ta được nhập học trường võ-bị khỏi trả phí tổn. Ở Quảng-Đông và Quảng-Tây có nhiều người Tàu chí-nguyện đầu quân giúp ta, họ chịu nhận phân công-tác nguy-hiêm. Viên Tổng-Đốc Quảng-Đông cho thiên chuyên Thiếu-Tá Đặng-Hữu-Bảng trong quân-đội Trung-Quốc về vùng biên-cảnh Long-Châu để tùy cơ ứng-biến. Một ủy-ban người Trung-Hoa có cảm-tình được thành-lập giúp tài-chính cho ông Nguyễn-Cầm-Giang mang một quả bom về Hà-nội định ám-sát Toàn-Quyền Đông-Dương nhưng bom không nổ, việc bắt thành. Hành-vi táo-bạo này bắt nguồn ở một bữa dạ yến hội các nhà cách-mạng Quảng-Đông, trong khi chén thù chén tạc quá vui có lời xúc-phạm đến lòng tự-ái các nhà cách-mạng Việt-Nam. Các ông ấy bảo rằng: « Kế-hoạch của cách mạng ta có tánh cách viển vông, xa thực-tế, những người chủ-trương ra nó cũng chưa đủ can-đảm thực-hiện ! ». Lời nói khiêu-khích làm ông Nguyễn-Cầm-Giang nổi giận, tình-nguyện mang bom về Việt-Nam ám-sát viên Toàn-Quyền để chứng-minh người Việt-Nam có khả-năng và kế-hoạch của họ không ảo-tưởng !

Tháng 2 năm 1913, phong-trào chọn được một số người, trong đó có ông Phan-Văn-Tráng để phụ vào các vụ ám-sát: viên tuần-vũ Thái-Bình, tổng-đốc Hà-Đông (nhưng viên này thoát chết), 2 Thiếu-tá Chapuis và Montgrand ở khách sạn Hànội.

Ngày 7 tháng 5, ông Phan-Văn-Tráng và 2 người bạn đi công-tác bằng xe lửa bị lính xét hỏi, thấy tình nghi nên bị bắt.

Ủy-Ban Đại-Hình Hà-nội phải mất mấy tháng làm việc liên tục mới xét xử xong vụ án quan-trọng này mà quan tòa phải trả lời 504 câu hỏi, nêu ra ít điềm pháp-lý về thủ-tục và thẩm quyền, nhưng tòa lấy oai quyền thông qua.

Tòa tuyên 7 án tử-hình: các Ông Nguyễn-Khắc-Cần, Phan-văn-Tráng, Phan-Đệ-Quý, Vũ-ngọc-Thụy, Phạm-Hoảng-Quế, Phạm-Hoảng-Triết và Phạm-văn-Tiết.

Ngoài ra, còn nhiều án cấm-cố, khổ sai hữu hạn, lưu đày, và 6 án tử hình khuyết tịch Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề, cụ Phan-Bội-Châu, ông Nguyễn-Quỳnh-Chi tự Hai Thạc (con thứ hai của Cụ Tấn-Thuật), Phan-Bá-Trạc và ông Nguyễn-văn-Thụy tự Thái Khê (?), ông bị bắt ở Thượng-Hải ngày 3 tháng 1 năm

1917, bỏ xuống tàu « L'Harmand Behic » giải về Hà-nội, khi đi đàng ông tuyệt thực để quyền sinh.

Thật là anh hùng ning thọ tử bất ning thọ nhục !

CÁC ÂM-MƯU NỘI DẠY TRONG THỜI-KỲ THẾ-CHIẾN I

Đứng trên cương-vị chính-trị và kinh-tế, cuộc thế chiến I (1914-1918) cũng như các chiến-tranh quá khứ và vị lai, đã chia thế-giới ra làm hai phe đối-lập tranh hùng: một bên là các quốc-gia Trung-Âu (Đức, Áo, Hung, Bảo), một bên là các nước đồng-minh (Pháp, Anh, Nga, Mỹ, Ý, Nhật v.v...)

Sự tham-gia chiến-tranh của Nhật bên phe Đồng-Minh có ảnh-hưởng lớn cho phong-trào giải-phóng Việt-Nam, đó là nguyên do làm cho số đông các thân-sĩ ở Nam-Việt, mặc dù rất tha-thiết với nền độc-lập của quốc-gia, nhưng trong giai-đoạn hiện tại các ông quyết-định lâm-thời « hư chiến » để Pháp tành tay chống mối hăm-dọa chung cho toàn-thê nhân-loại là chủ-nghĩa đế-quốc của Đức. Cùng trong tinh-thần ấy, Ông Nguyễn-Bá-Trạc, một đảng-viên có uy-tín của Quang-Phục-Hội ra đầu thú tại Sadec tháng 11-1914 để minh xác một chính-sách mới.

Sự thật thì ở Hải-ngoại, tình-hình nội-bộ phong-trào giải-phóng lâm vào một hoàn-cảnh lũng-cung chia rẽ: Cụ Phan-Bội-Châu và Ông Mai-Lao-Ban thì bị cầm chân tại Quảng-Đông; còn Ngoại-Hầu Cường-Đề sau khi đi du-lịch qua các nước Âu-Châu thì về nằm tại Bắc-Kinh, ngoài Cụ Nguyễn-Thần-Hiến ra, các đồng chí khác buộc tội ngài đã lãng phí công-quy của hội, lại qui cho ngài trách-nhiệm khinh-suất trong việc tổ-chức các cuộc khởi-nghĩa năm 1913 để đến nỗi thất-bại thảm-thương, họ cho ngài bắt-lực rồi phủ nhận công-khai quyền lãnh-đạo tối cao của ngài.

Ở Thái-Lan, nhóm cách-mạng còn cố giữ được một ít sinh-lực nhưng bị tài-chánh kiệt quệ phải thức thú.

Còn một đàng khác, mặc dầu chính-sách chung đã được hoạch-định, nhưng ý-chí quyết-chiến vẫn còn bồng-bọt trong một số anh-hùng cá-nhân, dễ gây ra những cuộc đấm máu vô ích, vì lẻ loi, thiếu hệ-thống, thật rất phương hại cho đại cuộc:

CUỘC NỘI DẠY CỦA CÁC BỘ-LẠC MÁN Ở YÊN-BÁY, THÁNG 10-1914

Vào khoảng thượng tuần tháng 10-1914, viên Thống-Sứ Bắc-Kỳ được mật-báo có sự biến-động ngầm ngấm tại các bộ-lạc Mán, trên các miền Cao-

nguyên dọc hai bờ sông Hồng-Hà. Ông liền tin cho thuộc quan có trách-nhiệm, là Công-Sứ Yên-Báy, nhưng viên này phúc bẩm « tình hình chính-trị của tỉnh ông vẫn yên, nơi đồng rừng cũng như ở Trung-châu, chủ-quyền của Pháp không bị đe dọa ». Nhưng cách đó 3 ngày, thì nhận được tin của Vệ-Ủy Kiềm-Lâm Bắc-Hà là viên sĩ-quan chỉ-huy đệ-tam Quân-chính Quân-khu phúc-báo là có nhiều người khả-nghi có vũ-trang ở địa-phương và một số tù Cao-nguyên Pakha (tỉnh Lao-kay) tập họp ở nhiều nơi.

Ngày 19, những nhóm này tụ họp lại một địa-điểm trên thiết-lộ nằm trong lưu-vực thượng-lưu Hồng-Hà, giữa hai tỉnh Yên-báy và Lao-kay.

Ngày 20, đồn lính khố-đỏ ở Lục-An-Châu, lực-lượng 1 đại-đội, bị lối 200 người Mán tấn-công bằng súng hỏa mai, với chiến-thuật « biên người ». Trước vũ-khí thô sơ và chiến-thuật sơ cấp như thế, trong đồn chỉ bắn lại rai ra ít loạt liêu-thanh, họ chết hơn 30 người, còn bao nhiêu bỏ chạy vào rừng tâu thoát.

Cùng một ngày nói trên, cũng có đụng độ gần Trại Hút, trên hữu ngạn sông Hồng-Hà, lực lượng Mán có lối 200 người cũng bị thiệt hại nặng nề.

Đêm 20 rạng ngày 21, có nhiều tiểu-đội Mán đến bắn vào vùng ngoại ô đô thị Yên-Báy.

Sáng 21, nhà ga Bắc-Hà bị tập-kích, làm viên Giám-binh Schleret bị thương nhẹ, 1 lính khố xanh trúng đạn tử thương.

Thái-độ nổi dậy của các bộ-lạc Mán làm cho nhà cầm quyền Pháp rất bất ngờ, và người Mán cũng tinh cơ ác mọng rủ nhau trở về với những ngôi nhà hẻo lánh, nấp lơ lửng trên các sườn núi cao vòi vọi mà không một người nào ở « miền chợ » dám bén mảng đến. Rồi họ lần hồi ra đầu thú, trừ một bộ-lạc dưới quyền chỉ huy của viên quan Mán Triệu-Qúy-Kim vẫn tiếp tục chiến đấu gây hấn.

Ngày 26 tháng 11, viên Đại-Ủy Bochot mở cuộc tảo-thanh đại qui-mô đem quân đến tận sào-huyệt của viên quan Mán vây bắt, tịch thu được một ít đạn dược, tài-liệu ảo-thuật nên mới biết rằng bọn thầy phù-thủy đã xúi-giục dân Mán nổi lên.

Mặc dầu cuộc tảo-thanh này không có tính cách nguy hiểm như những vụ ở Yên-Thế, nhưng bên Pháp có một Trung-sĩ tên Pasquier và một hạ-sĩ người Việt bị Mán phục kích bắn chết.

Ngày 27 tháng 11, viên sĩ-quan đệ tam Quân-chính Quân-khu Hà-Giang bắt được một người Mán tên là Trương-Nhị-Keo, tự xưng là Phó-Vương các bộ lạc Mán và một Pháp-sư có tà-thuật thường hay xúi-giục dân Mán nổi loạn.

Sau khi viên này bị bắt thì tình hình yên ổn trở lại xứ Mán Mặc dầu thế nhà cầm quyền Pháp cũng ra một nghị-dịnh thiết quân-luật trên toàn các lãnh-thổ dọc theo biên-giới Việt-Trung, và lập một tòa-án quân-sự để xét xử vào ngày 13 tháng 3, 1915 rồi kêu nhiều án tử-hình trong số 46 can-phạm.

Sau bản tuyên án quá nghiêm-khắc này thì có một luồng dư-luận trong chính-giới Pháp không đồng ý kiến về chính-sách của Bảo-Hộ. Họ chủ trương rằng « thổ-dân Mán hiền lành chất phác, sống trong hoàn cảnh gần như dã-man, làm gì có ý thức chính-trị, nếu có một vài cử chỉ bạo-động thì tự trung cũng chẳng phượng hại gì thật sự đến nền an-ninh công cộng, họ đã bị người ta lợi dụng tình cảnh, đáng thương hại hơn là dùng không đúng chỗ những biện-pháp quá nghiêm-khắc.

« Người Mán là một tập-đoàn nhân-chúng nhỏ bé nghèo nàn, đói khổ quanh năm. Sống rải-rác phía tây Bắc-Việt, giáp giới tỉnh Vân-Nam, chia ra làm nhiều tộc họ, nhà làm trong các thung lũng hẻo lánh hay trên các đồi núi cao tận mây xanh, chẳng thuận tiện chút nào cho sự xê-dịch từ nhà này qua nhà khác, trên sườn núi có gần 90 tà độ 1 hoặc những hố sâu vực thẳm trùng điệp, cách trở nhau còn quá trăm ngàn dặm, thêm vào đó cái xu-hướng qua giao, càng làm cho họ thêm xa với đồng-chúng và rất khó tiếp-xúc ánh sáng văn-minh.

« Tinh-thần biệt-lập, ham chuộng tự do cá-nhân, và vị-trí địa-dur đã tạo cho họ những yếu-tố chính-trị thuận-tiện, nên các nhà cầm quyền qua các thời-dại, đều cho họ một chế-độ rộng-rãi, cho họ nhìn nhận một cách tự nguyện sự lệ-thuộc quan Tri-Châu Việt-Nam, nhưng trong thực-tế, họ chỉ thừa hành những chỉ-thị do người lãnh-đạo của họ ban ra. Những người lãnh-đạo này lại thụ thác quyền hành ở tay các thầy phù-thủy vô cùng thế-lực và gian-giảo.

« Người Mán còn mê-tín thờ kính ngẫu tượng, bái vật như người tiền-sử. Sống trong những điều-kiện như thế thì trách nào họ khỏi bị lợi-dụng để đưa đến chỗ chết thảm thương như họ đã nếm qua.

« Mỗi người Mán đều có tin tưởng rằng đời họ bị sự chi-phối của một vị thần-linh, họ có thể trở nên phú quý sung-túc hay nghèo khổ triền-miên tùy theo họ biết làm đẹp lòng hoặc phật ý vị thần-linh ấy, qua sự trung-gian của các tên

phù thủy. Vì thế mà bọn lưu-manh này mới xúi-giục những tâm hồn ngây thơ khờ dại, trí thức không vượt qua khỏi những tác-động nhu-cầu thể-chất để dám mài gương, đúc súng, mang cò ra trận, đem thân làm bia cho súng đạn kè cũng không lấy chi làm lạ vậy.

• Họ đã được các tên phù thủy nhồi sọ đi chinh phục « trời-đất », phát cho họ những lá bùa hộ mạng nói là có phép che đạn, giữ cho thân họ không bao giờ bị thương tích sứt mẻ, thế là họ rủ nhau kết đoàn 5 lữ 7, từ trên các đồi núi cao chót vót đi xuống đồng bằng theo mệnh lệnh của thần-linh chỉ bảo.

« Họ đi, đi mãi trên các đường rừng núi đến lúc nào đâu va phải mũi súng của nhà cầm quyền, cản trở họ, thì họ ngạc-nhiên phản đối, nên bị hạ sát hàng chục nhân mạng.

« Cuộc âm-mưu nổi-loạn, chung qui chỉ có thể mà được thời-to khoáng đại, được quan-hệ-hóa một cách sống-sượng để làm phương-tiện chánh-trị. Cái tâm địa « giận cá chém thớt » của một số người đã bị ám-ảnh, cho rằng địch thủ cách-mạng Việt-Nam có phép « vô sở bất định », đầu não kém sáng suốt để trắc lượng thời-cuộc đã làm một việc vô nhân đạo, bị đi gây ảnh-hưởng xấu cho các bộ-lạc khác như Thái, Mèo, Lô-Lô, v.v... »

Trên đây là lời bình-phâm chủ-quan của một số người Pháp sai thực tế, vì chính những người khởi-nghĩa Việt-Nam đã giựt giây các thầy phù-thủy « tiến bộ » để gây một tình hình bất an ở miền rừng núi đặng áp-đảo tinh thần người Pháp mà các kỷ-niệm du-kích có sức mạnh làm cho họ thất đảm kinh-hồn !

CUỘC ÂM-MƯU ĐẢO-CHÁNH « HÀ-NỘI - VÂN-NAM » (tháng 10-1914)

Thượng tuần tháng 9-1914, đại-diện của Bộ Ngoại-Giao Chính-Phủ Vân-Nam đánh điện cho biết sự hiện-diện ở Vân-Nam của Ông Đỗ-Chân-Thiết, một nhà cách-mạng đang vận-động tuyên-truyền trong nhân-viên Sở Hòa-xa Vân-Nam, và viên Giám-Đốc cơ-quan này cũng xác-nhận rằng một số người thuộc lieu của ông cũng bị ảnh-hưởng.

Song song với sự-kiện này, Phủ Thông-Sứ Bắc-Kỳ cũng có thâu thập được nhiều tin tức phù hợp với các nhận-xét nói trên.

Ông Đỗ-Chân-Thiết tuyên-truyền âm-mưu đảo chánh và trong trường hợp cách-mạng phát động thì sẽ có những quân cách-mạng ở ngoại-quốc vượt giới về tiếp tay, do cụ Phan-Bội-Châu chỉ-huy.

Ông định ám-sát bằng bom các chính-khách Pháp và Việt trong một ngày nhất định nào đó, đề khởi công một lúc.

Ông bị bắt và cuộc điều-tra tiến hành rất mau, nên các đảng-viên đều bị bỏ lưới bắt trọn.

Ngày 23 tháng 10, trong một ngôi chùa gần Hà-nội, 8 người chuyên-môn bị bắt với một số dụng-cụ để chế bom và chất nổ.

Cùng trong một ngày này có 12 người thành-phần là văn-thân và viên-chức hạ cấp của sở hòa-xa ở Vân-Nam vượt giới về đến Lao-Kay, Yên-Báy và Hải-Dương thì bị bắt. Họ khai là đảng viên phong-trào giải-phóng Việt-Nam về Việt-Nam liên-lạc để phát-động đảo chánh.

Tất cả các can phạm đều bị đưa ra Tòa-án Quân-sự Yên-Báy xét xử, tòa kêu 18 án tử-hình, trong số có 4 án khuyết tịch. Các tội-nhân đều bị hành quyết ngày 2 tháng 12.

VỤ BẰNG-CẤP SẮC-PHONG Ở HÀ-NỘI (tháng 12-1914)

Vào lối hạ tuần tháng 11-1914, Phủ Thông-Sứ Bắc-Kỳ được mật báo có một hội kín chống chánh-phủ Pháp thành-lập tại Hà-nội. Hội này có điều tân-ký là công khai bán các văn-bằng và sắc-phong đủ các cấp bậc.

Sở mật-thám liền mở cuộc điều-tra, bắt được một số văn-bằng sắc phong, rồi ngày 4 tháng 12, cho soát các nhà số 13 phố Hàng-Bông thợ nhuộm, 33 Đại-lộ Henri Rivière và 51 phố Borgnis des Bordes, bắt được nhiều tài-liệu quan-trọng trong ấy có những bản tuyên-ngôn viết bằng mực hóa học kêu gọi dân-tộc đoàn-kết giải-phóng quốc-gia, những bản-đồ các vị-trí quân-sự nội thành Hà-nội và một danh sách 100 đảng-viên.

Các người này, cư-trú rải-rác trong các tỉnh Trung-châu, hay tại Hà-nội, hoặc nhân-viên giúp việc các cơ-quan quân-chính : có hai lính khố-đỏ, 1 lính kỵ-binh, 1 khán-hộ quân-y, 1 Trung-đội-trưởng Tể-mục-vụ Khố-xanh, đều bị bắt cùng người chủ mưu là ông Lương-Minh-Hiền, lao-công nhà ông Bonjour, công-sứ trí-sĩ.

Hội kín này có một ngân-quỹ khá, nhờ sự bán văn-bằng sắc phong, để chi-tiêu về việc tuyên-truyền, trụ-sở đặt tại nhà của một người « boy » trong nhà của một công-dân Pháp.

Hội này kết-nạp những phần tử cách-mạng trong giới công-nhân giúp Pháp.

Ông Lương-Minh-Hiền nhân một dịp theo chủ sang Vân-Nam đã được thụ ủy và khi về Hà-nội đem các chỉ-thị ra thực hiện, nhưng vì ông có tính quá khinh suất, thiếu dè dặt thận trọng, nên mật-thám khám phá được một cách dễ dàng, bắt trọn bộ đưa ra tòa-án quân-sự xét xử. Kết cục có 33 người bị kết án, trong số có 7 án tử-hình, 2 án lưu đày, 11 án khổ-sai chung thân, 9 án khổ-sai và giam cầm hữu hạn.

VỤ AM-MƯU NỔI DẬY Ở PHÚ-THỌ (tháng 1-1915)

Đêm 6 rạng ngày 7 tháng 1-1915, mọi vật đang chìm đắm trong giấc điệp, ngoài trời tối như mực, sương sa lác đác, gió Bắc thổi lạnh như cắt thì thình lình tiếng mõ ở các vọng gác đồn lính khổ-xanh Phú-Thọ nổi nhiều hồi báo động, xé tan không khí yên tĩnh của đêm khuya. Rồi lửa hồng của các cây đuốc nổi lên đỏ cả bầu trời : đồn Phú-Thọ bị 150 nghĩa-quân Việt-Nam tấn công bằng súng trường, rựa, dao, gậy tầm vông, họ đã trèo qua khỏi lớp thành ngoài, định chiếm lấy pháo đài trung-ương và nhà ở của viên trưởng-đồn, Giám-Binh Lambert.

Lính khổ-xanh trong đồn chống cự lại quyết-liệt và nhờ Hỏa-lực mạnh bội phần, nên họ đẩy lui rất dễ dàng, gây thiệt hại nặng nề cho nghĩa-binh, còn trong đồn chỉ có 1 lính tử trận, 3 người bị thương nhẹ kể cả vợ viên Giám-binh Lambert.

Cuộc tấn công chớp nhoáng cũng kết-thúc một cách cấp tốc. Sáng ra không ai ngờ đêm vừa qua đã có đổ máu dữ-dội tại Phú-Thọ ; công việc điều-tra truy tìm thủ-phạm cũng bắt đầu mau lẹ : một số người tình-nghi bị bắt câu lưu, trong số có ông Tổng Chế được coi như chính phạm. Ông bị tóm trong lúc ông giả vờ có thiện chí đem nạp xác chết của người làm công ở nhà ông, tên là Hoàng-Văn-Khoa mà ông khai nó đã đứng ra lãnh đạo vụ bạo-động vừa rồi. Nhưng sau này người ta biết rằng sau khi anh này bị thương, đã bị ông Tổng Chế đâm thêm cho thật chết để thủ-tiêu một nhân-chứng nguy hiểm.

Ông Tổng-Chế là người rất lợi hại mà Pháp rất sợ, một chiến-sĩ kiên gan đã hai lần bị xô khám (năm 1909 và 1912 về hoạt-động chính trị và bạo-động có võ trang). Để cứu các bạn, ông định gây một luồng dư luận sai lầm để Pháp tưởng rằng vụ đánh đồn Phú-Thọ chỉ là một « xuân động địa-phương ».

Ông khai rằng ông hành động theo mệnh-lệnh của lãnh-tụ tên là Nguyễn-văn-Dậu ở làng Sơn-Đông, tỉnh Sơn-Tây. Ông Dậu là người có nhiều thành-tích tự xưng là « thần Tân-Viên phục sinh », có ý định phát động một phong-trào khởi-nghĩa nhất thống các tỉnh Sơn-Tây, Phú-Thọ, Hòa-Bình, Bắc-Ninh, Vĩnh-Yên và Hà-Đông, và lúc Ông bị bắt là chính ông đang sửa soạn đánh lấy Huyện Quốc-Oai, tỉnh Sơn-Tây. Ông khai có liên lạc với Ông Lý-văn-Quyển, là một thầy phù thủy trứ danh, có phép « dâng vên giá võ », biến cỏ ra người với tài điều-khiển cả thiên-lôi ! nên chỉ dân-chúng đều kính nể gọi là « Thầy Giời ». Chính ông Quyển đã đặt cho ông Dậu cái tên « Thần Tân-Viên phục sinh » và 3 năm về trước định đánh lấy Hà-nội, nhưng việc không thành, ông Quyển bị bắt, nên chỉ vụ tấn công đồn Phú-Thọ chỉ có mục đích khiêm nhường là giải thoát cho ông Quyển thoát chốn lao tù, chứ ngoài ra không biết gì đến chính-trị cao cả, v.v..

Nhưng sự thực lại khác hẳn, vì Tòa-án Quân-sự Yên-Báy có thẩm quyền xác nhận sự liên-lạc giữa Phú-Thọ và phong-trào giải-phóng Việt-Nam ở hải-ngoại. Tòa án tuyên bố như sau :

« Không nên xem vụ bạo-động vừa rồi ở Phú-Thọ là một hành động đơn thuần, chỉ có mục-tiêu cướp của giết người, hay một việc làm tàn-bạo cô lập, không mạch lạc, không hệ-thống của một bọn lưu-manh đạo tặc bị hơi đồng xúi-giục, nhưng nó là một tác động của một tổ-chức quốc-gia thống nhất bao gồm vùng Vĩnh-Yên, Phúc-Yên, Thái-Nguyên, Sơn-Tây, Hưng-Yên, Hòa-Bình, Hà-Đông.

« Bàn tay giật dây và đầu não chỉ-huy chính là đảng chính-trị của tên cách mạng Phan-Bội-Châu, hiện lánh thân ở Trung-Quốc với sự khuông phò tá ngụy của Đức-Quốc. Hắn đã điều khiển vụ « bom của Đổ-chân-Thiết », vụ « bằng cấp sắc phong » của Lương-Minh-Hiền. Còn trong vụ nổi loạn của các bộ-lạc Mán thì chúng ta đã thấy viên Lãnh-sự Đức ở Vân-Nam đã bỏ tiền ra mãi thu các nhà cầm quyền thế nào rồi !

« Một bị can tên Khuất-văn-Đức, tự Tổng-Chế đã khai thặng bày âm-lịch vừa qua, hẳn có xuống Hà-nội ăn cơm tối với tên Nguyễn-văn-Dậu, tự xưng là « Thần Tàn-Viên phục sinh », với một người Việt và một người Trung-Hoa khác trong một khách-sạn ở Phố Hàng Buồm. Hôm ấy câu chuyện được đem ra thảo-luận giữa 4 người là vấn-đề cách-mạng và kết-nạp chí-nguyện quân. Người Việt nói trên là Lý-văn-Thảo, Hoàng-Đế tương-lai của Việt-Nam !

« Một bị can khác tên Nguyễn-văn-Nguyên tự Đỗ-Xuân khai rằng khi xuống Hà-nội cùng đi với Nguyễn-văn-Dậu có gặp một nhân-vật mà Dậu giới-thiệu đó là Lý-văn-Thảo, quốc-vương vị lai.

« Nguyễn-văn-Thảo đến Hà-nội với mục đích khuyến bảo các đảng viên nhen án binh chờ đợi, đừng gây hấn trước tháng 6-1915 để phù hợp với viện-binh do Phan-Bội-Châu và hẳn điều khiển sẽ từ Trung-Hoa kéo về miền sơn cước Hòa-Bình v.v...

Trong lúc án binh chờ đợi thì chúng đã tuyên-truyền phiến-loạn, kết nạp hân-binh, nghĩa quyên, bán văn-bằng sắc phong lấy tiền mua nguyên-liệu chế tạo hơn 7, 8 trăm quả bom tại một làng Bia (?) trong tỉnh Hà-Đông.

«Trừ một hai cá-nhân, các bị can đều không có may mắn thành ý, biết lỗi ăn năn, chúng xây dựng việc bào chữa trên sự phủ nhận toàn thể sự-kiện rõ ràng, nhưng Tòa-án có tai đề nghe, mắt đề thấy, và trí-não đề phán xét một cách công minh.»

Đề phụ-họa với lý-thuyết này, Tòa xử ngày 28 tháng 4-1915, kêu 28 án tử-hình, 10 án khổ-sai chung thân, 2 cấm cố chung thân, 4 khổ sai hữu hạn.

VỤ PHÚ-THỌ THỨ HAI

Mặc dầu Tòa-án Quân-sự Yên-Báy vừa tỏ thái-độ vô cùng nghiêm-khắc, tinh thần muốn độc-lập của dân-tộc ta không phải vì thế mà giảm sút, bằng có là vài tuần sau đó Pháp nhận được cáo-giác cho biết có nhiều người đi tuyên-truyền rất hăng-hái để kết-nạp đảng-viên vào một hội kín tên là « Đông-Bào » để theo mục-dịch kháng Pháp.

Theo lời cung khai của các người bị bắt, xác nhận một lần nữa, âm mưu tiếp tay khuấy rối trị an của người Đức cho cách-mạng Việt-Nam một cách hữu hiệu như ở Vân-Nam họ đã giao cho cách-mạng Việt-Nam 27 súng trường

VĂN-HÓA — SỐ 53

Mauser với 3.500 viên đạn và một số vũ-khí khác để chuyển cho hai tỉnh Nam-Định và Thái-Bình.

Một đảng-viên của hội kín « Đông-Bào » thú nhận còn nhiều hội khác đang hoạt động ráo riết, họ chẳng hề nao núng trước áp-lực gì !

Vụ này cũng do Tòa-án Quân-sự Yên-Báy xét xử, tuyên 6 án tử-hình, 5 án lưu đày và nhiều án khổ-sai hữu hạn

NHỮNG VỤ NỔI DẬY Ở VIỆT-NAM (THÁNG 1 VÀ 2, 1916)

Khoảng đầu năm 1916, ở Nam-Việt có một luồng không khí bất an báo trước biến-cố quan trọng sắp xảy ra. Biết thế nên Pháp bắt đầu thanh trừng, bắt bớ, lục soát nhà cửa, nhất là ở các địa điểm như Mỹ-Tho, Dương-Điện, Thới-Sơn, bắt được một quả bom tối tân và nhiều tài-liệu minh xác sự hiện hữu hoạt-động của hai đoàn-thể cách-mạng có tên là « Nghĩa Hòa » và « Phan Pháp phục Nam ».

Ở Trà-Vinh có vài vụ lộn-xộn không quan hệ lắm, mục đích phá công-tác của Ủy-ban tuyên mộ lính tình nguyện sang đánh giặc bên Pháp.

Ở Biên-Hòa cũng thế, một toán dân làm ngăn trở công việc tuyển binh, ính được phái đến giữ trật tự xô-xát với những người bất mãn nên có ít người bị thương.

Ngày 25 tháng 1, lúc 5 giờ chiều, phạm-nhân ở Lao-xá nổi dậy, có 17 tên vượt ngục, cướp súng của lính gác rồi bắn lộn với viên Công-sứ núp sau cửa sổ Tòa-Sứ dùng súng bắn chim bắn trả. Tối đến, có lối 50 người, lúc 23 giờ kéo đến chợ Tân-Uyên, cướp và giết chết một thường dân.

Ở Bến-Tre, đêm 2 tháng 2, một toán lối 200 người vũ trang bằng vũ-khí thô-sơ, như gậy tầm vông, rựa, dao, mác, họp thành đoàn biểu-tình, kéo nhau đi sau một lá cờ đỏ có viết 2 chữ hán tự « Nghĩa Hòa », rồi đánh phá 20 ngôi nhà tại Mỏ Cây.

Ở Thủ-Đầu-Một ngày 6 tháng 2, có nhiều toán người nom rất hăng hái, mình xăm đầy hình, lưu động cướp phá dọc theo ranh-giới của hai tỉnh Biên-Hòa và Thủ-Đầu-Một.

Ở Bà-Rịa có nhiều đám tập họp ở thôn quê, dân chúng đến sợ bỏ chạy trốn vào rừng. Ngày 12 tháng 2, có lối 100 người từ Cửa-Lập kéo về phía tỉnh lỵ, nhưng khi gặp quân tuần tiễu thì bỏ chạy.

VĂN-HÓA — SỐ 53

Ở Gia-Định có tin nghĩa-binh đang tổ-chức bạo-động vào dịp Tết sắp đến.

Ngày 7 tháng 2, Công-Sứ Gia-Định cho bắt một số người về tội tuyên truyền mộ nghĩa-binh và bài Phấp.

Ở Tân-An ngày 7 tháng 2, viên Công-Sứ đánh điện về trung-ương phúc-trình sắp có loạn ở tỉnh ông và hiện có nhiều người đi tuyên-truyền chống Chính-phủ Pháp.

Ngày 14, viên Công-Sứ này cũng điện về Sài-gòn trình rằng tình-lý của ông sắp bị tấn công và phải yêu cầu viện-binh.

Ở Chợ-Lớn ngày 12 tháng 2, viên Cảnh-sát-trưởng trình lên Hội-đồng Thành-phố rằng do tin tức của vợ viên Cai Tổng Phúc-Diêu-Hạ từ đồng quê tản cư lên cho biết, có một nhân-vật tên Diêu, cựu Xã-trưởng làng Đa-Phước đang tổ-chức một cuộc đại tấn công Sài-gòn.

Ngày 13, viên Đại-Lý Cần-giục điện lên cho Công-Sứ Chợ-Lớn biết tình hình bất an và có thể có một cuộc nổi loạn sắp bùng nổ.

Mặc dầu các tin tức báo động đưa về Sài-gòn có vẻ rất phù-hợp, người Pháp vẫn hoài nghi vì không có thể nghĩ cách-mạng Việt-Nam dám làm một việc như thế: một cuộc tấn công vào Sài-gòn là một việc đại quy-mô, phải có những phương tiện thích ứng mà nghĩa-quân Việt-Nam chắc chắn không có: nhưng họ vẫn dè-dặt tăng cường lực lượng canh gác ở các cơ-quan trọng yếu.

Thế mà cái việc không thể xảy ra đã diễn đến một cách phũ phàng làm cho Pháp hết sức kinh-ngạc cái tinh-thần hy-sinh của dân-tộc Việt-Nam và cái ý chí mãnh liệt muốn độc-lập của ta đã lên đến cực điểm.

Cuộc tấn công anh dũng và «bướng bỉnh» ấy đã diễn ra trong các trường hợp sau đây:

«Đêm 14 rạng ngày 15, 1916, lối 3 giờ sáng, mặt trăng như e sợ đã lặn mình sau dãy núi, bầu trời như bao phủ một màn đen, thành phố đang yên lặng trong giấc nồng thì có độ 300 nghĩa binh từ các thuyền đậu dưới sông, nhẹ nhàng đổ bộ lên bờ từ cầu Ông-Lãnh xuống cầu Khánh-Hội. Tất cả đều vận y phục đen áo cụt, quần lông đên, cổ quấn khăn tay trắng, tay cầm dao mác, rựa, gậy tầm vông, họp thành đoàn, kéo nhau đi sau một lá hiệu kỳ mang chữ Phan-Xích-Long (tức Phan-Phát-Sanh bị kêu án khổ sai chung thân và bị nhốt ở khám lớn), hoàng-đế vị lai của Việt-Nam.

« Họ chia nhau làm ba toán tiến vào trung-tâm thành-phố Sài-gòn bằng 3 con đường: Mac Mahon, Nemesie, Marchaise.

« Toán đường Mac Mahon có lối 80 người, đi đến số nhà 36 gặp một chiếc xe hơi chở 2 Pháp-kiều tên là Bailly và Cachereau, do tài xế Trần-văn-Lon lái, đi bán đêm về, tức thì xe hơi bị tấn công, một bánh xe nổ, xe phải chậm lại, họ ùa lên xe, chém đâm loạn đả. Ông Bailly bị thương nặng, còn ông Cachereau giả vờ lấy súng nhắm bắn, nhưng súng không nạp đạn, nhờ thế đám người tấn công mới nói ra, xe lấy đà tống ga chạy thoát vòng vây đến cảnh-sát cuộc Trung-ương báo tin.

Khí xe chạy khỏi rồi, toán quân cách-mạng nổi lên la ó khẩu-hiệu: « Tiết Tây », « Diệt Tây » v.v... Họ tiếp tục kéo đi, đến ngã tư Đại-lộ Quảng-Đông và Mac Mahon gặp hai nhân-viên cảnh sát đi tuần tiểu, tên Amielh và Nguyễn-văn-Nghiêm, hai người này nổ súng giết hai quân cách-mạng, làm nhiều người bị thương. Họ vẫn tiếp tục đi đến Đại-lộ Bonnard, rồi hợp làm một với hai toán kia, cùng nhau đi theo con đường Filippini xuống khám lớn.

Đến ngã tư đường d'Espagne, 50 người tách riêng ra theo lối đường d'Espagne định phá công sau dinh Thống-Đốc, nhưng gặp sức kháng-cự của lính gác, họ bỏ chạy trở lại đường Mac Mahon theo toán quân đương kéo xuống khám lớn.

Tại đây, chỉ-huy-trưởng tiểu đội lính gác, nghe tiếng la ó từ đường Lagrandière và Filippini vọng lại, bèn phái một lính gác chạy ra do thám tình hình vì lúc này là thời kỳ tuyên mộ lính sang Pháp nên có nhiều dân binh rệu rề say sưa luôn phá rối trật-tự trong thành phố. Người lính gác vừa chạy đến thì bị vật ngã và tặng cho nhiều vết đâm chí mạng. Được tin chẳng lành, viên chỉ-huy trưởng ra lệnh cấp tốc đóng công sắt trước khám lớn lại và phát đạn cho lính. Trong lúc viên này sơ hở thế nào mà quân cách-mạng ở ngoài thọc giáo qua song sắt đâm trúng ông bị thương ở cằm.

Trong khám lính phản công, phía Cách-mạng có 3 người trúng đạn chết nhiều người bị thương được các đồng-chí khiêng chạy. Hàng ngũ bầy giờ tán loạn mạnh ai nấy thoát thân về các thuyền còn đậu chờ ở bến sông; một phần xuống thuyền chèo đi, một phần lối 80 người chạy dọc theo con kinh lên Chợ-Lớn, bị viên Trung-Úy Vermeren và một Trung-đội Hiến-binh rượt theo đến gần các nhà máy xay lúa thì bị bắt gặp. Bên Hiến-Binh bắn một loạt, 4 quân cách-mạng bị trúng đạn chết, còn bao nhiêu bỏ chạy băng qua đồng ruộng hoặc lặn xuống kinh, nhưng có một số không may bị bắt.

Trên các tử thi, thấy có đeo một cái khăn tay trắng bằng vải hay lụa, trên

trên có kẻ chữ Hán chi cấp bậc và những khâu-hiệu khuyến khích lòng can đảm
lá bùa có những chữ « Nghĩa Hòa » « Ngũ dạn ».

Các can-phạm trong vụ này bị đưa ra Tòa-án quân sự xét xử trong 4 phiên
tòa, ngày 20, 21 tháng 2 và 13, 14 tháng 3, 1916.

Tòa kêu 51 án tử-hình, 18 án khổ-sai hữu hạn.

Theo cuộc điều tra thì vụ này rất quan trọng, nó bao hàm phần nhiều các
tình Nam-Việt.

Cuộc tấn công khảm lớn chỉ là giai-đoạn đầu để mở màn cho một kế-
hoạch đại qui-mô như sau :

« Đêm 14 rạng ngày 15, tụ họp tất cả chiến-sĩ tại bến Belgique, từ đó
chia thành 3 toán kéo vào trung-tâm Sài-gòn tấn công khảm lớn phóng thích
tất cả các tù-nhân, phát khí-giói cho họ, để tăng-cường hàng ngũ đặng đánh
Kho Đạn với sự yểm-hộ của ông My Han với một bộ-đội chờ sẵn sau vườn
Bách Thảo. Sẻ đốt lửa từ Kho Đạn để báo hiệu cho các toán binh ở các tỉnh
chực sẵn ở ngoại ô tiến vào đánh phá và chiếm thủ-đô ».

Khi được tin tấn công khảm lớn thất bại thì các toán quân ở các tỉnh
đóng tại ngoại ô đều giải-tán.

Cùng một ngày này, ở các tỉnh đều có những vụ nổi dậy lẻ tẻ để chứng
minh rằng cuộc tấn công đã sắp đặt trước :

Ở Tây-Ninh có nổi lên ở lao-xá tỉnh lỵ, 49 tù nhân vượt ngục cướp
29 súng trường và 1 súng lục.

Ở Long-Xuyên có một toán lối hơn 50 người biểu-tình la ó khâu-
hiệu và đi ăn cướp.

Ở Châu-Đốc có những vụ biểu-tình tại Tri-Tôn và Tịnh-Biên.

Tánh-cách quan-trọng và tệ nhất của các vụ này làm cho Pháp nghi
có bàn tay người Đức nhúng vào, nhưng một điều mà họ chắc chắn hơn hết
đó là ảnh-hưởng xa của những thất-bại về phương-diện quân-sự mà Pháp đang
trải qua tại mặt trận chiến-tranh với Đức tại chính-quốc, nên dân-tộc Việt-Nam
cho đó là một cơ-hội thuận-tiện để đập đổ nguy-quyền đô-hộ mà giành lại
độc-lập cho quốc-gia.

Nhắc lại những sự kiện lịch-sử đã xảy ra ở nước ta từ đầu thế-kỷ XX
đến Thế-chiến thứ I, nhằm mục-đích giải-phóng dân-tộc khỏi ách nô-lệ của
ngoại-bang, chúng ta bồi-ngùi thương tiếc các vị anh-hùng dân-tộc đã xông
pha nơi đầu tên mũi đạn, bị tù đầy chết chóc thảm thương, để cho chúng ta
ngày nay hưởng-thụ được ánh sáng tự-do, góp mặt với các nước độc-lập phú-
cường trên thế-giới.

(Còn tiếp)

BAO-LA cur-si



Tòa-soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN
NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)

266, Đường Công-lý — Sài-gòn

Điện-thoại: 24.633



— Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM
— Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM
— Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN
— Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH



Ấn-Quán : BÌNH-MINH

149, Đường Yên-Đồ — Sài-gòn

Tổng Phát-Hành bán lẻ : THỐNG-NHẤT

329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo — Sài-gòn



MÂY

BOÀN-THÊM

Giữa tạo-vật muôn vàn sự đẹp quyến rũ giác-quan, mây quý nhất.

Cỏ hoa chứa đựng sắc hương, nhưng mọc, nở, rồi tàn. Hồng vài buổi, cúc lan bất-quá một mùa, liễu cảm cành hồi niên thiếu, ngõ xóm chỉ còn trơ gốc cội. Duy mây thuở nọ, mây ngày nay, hợp tan hợp trước sau vẫn đấy.

Sông núi dẫu trường tồn, nhìn lâu dễ chán : động thì chảy một chiều, bất-động một dải im lìm hay chờ vờ sừng sững, hoặc mỗi bước tới gần mới thấy. Mây biến dịch khó lường sắc hình phương hướng, giữa biển cả hay qua song cửa, đâu chẳng có, cần thì đó, dù cao xa vẫn trước mắt bên lòng.

Bạc vàng châu báu, chỉ thỏa nguyện kiều xa ; ông vua có, mấy khi ngời ngẫm ? người đẹp điềm trang cho kẻ khác

thèm. Mây bao lúc sớm chiều rực ánh ngàn trùng kim ngọc cho ngây ngất mà chẳng xui tham-vọng, cửa nhà trời có đóng ai đâu, biết hưởng xin tùy, kho chung vô-tận.

Mây phơi làn gió dải tơ bông, đáy nước mây lồng, sườn non mờ mây tỏa. Mây vướng cành tùng như màng sương tranh thủy-mạc, mây lọc ánh trắng tia nắng, dỏ hạt mưa chiều nhuộm rắng, dung hòa khói bốc lan man tự mái lều gianh nghi ngút.

Mây tụ chập chồng như núi, lô nhô nổi cù-lao mặt sóng, um tùm như rặng trúc ngàn lau che thôn vắng giữa đồng bát, ngát. Ôi Bồng-đào Doanh-Châu cõi mơ man mác thoáng bóng tiên-kiều tươi như xuân, dịu như thu, vi vút giữa ánh chiều không tắt !

Vân-trinh trong sáng, gió đưa lướt cánh tới vân-dải năm sắc, hoa quỳnh tằm trắng ngát rượu, rượu bưng thơ, dẹt trướng gấm thêu lời vân-cầm, hoặc ngả lưng mây bạc vân du bình bông vãng cảnh vân-hương, ngây ngất ru hồn vân-mộng...

Thanh-vân, hồng-vân, tường-vân, bạch-vân, đạm-vân, thủy-vân, thu-vân, bích-vân, chiêu-vân, anh-vân, giáng-vân... biết bao vẻ đẹp làn mây đã nhập vào ngôn-ngữ để gợi những ước-mơ vàng lụa của thư-sinh ôm sách bút tiến bước đường đời, hay duyên dáng yêu-kiều của thiếu-nữ mơ màng qua hương phấn...

Mây tan như giấc mộng tỉnh dần, mây hợp cho con người hạ-giới mượn màu sắc thắm nhuộm tâm-tĩnh u ãn. Đợi vàng trăng, cánh nhạn, trông mây biếc mới cảm sâu thu; tiễn bạn cánh bướm khuất nẻo mờ xanh mới thấu nỗi-niềm luyến tiếc; lang thang trên đường xa lạ, đồng không sông cạn : lo lửng ngọn cau, mây trắng băng khuâng hồn xóm cũ....

Mây là cảnh vật cuối cùng cho nhận thức mà tin tưởng ở cao thanh chẳng tìm thấy giữa đáy lòng và cuộc sống ; mây bay theo nhạc gió lộng mười phương, giải phóng tâm-hồn thoát khỏi tục-tình khó thoát, đưa tới cõi tự-do không bờ không bến và chứa chan ánh sáng ảo-huyền của bức họa vô-cùng linh-động.

Đ.T.



HỌA-PHẪM XƯA NHẤT VỀ DÂN-TỘC ĐẠI-VIỆT



HIẾU-ỨC-QUỐC (1078)

Một họa-phẩm danh tiếng của Lý Công-Lân tức Lý Long-Miễn, người đất Chu, đại-thần đời nhà Tống, miêu-họa các sứ-già của Hiếu-Ưc-Quốc, có nghĩa là nước của những người có lòng hiếu thảo, tức là nước Đại-Việt của ta vậy. Long-Miễn đặt-sĩ chuyên vẽ tuần mã và ông có biệt tài vẽ 500 vị La-Hán khác nhau.

Bức họa "Hiếu-Ưc-Quốc" còn tàng-trữ tại Viện Bảo-Tàng
Emile Etienne Guimet (Ba-Lê).

Mây tan như giấc mộng tỉnh dần, mây hợp cho con người hạ-giới mượn màu sắc thắm nhuộm tâm-tình u ãn. Đợi vàng trăng, cánh nhạn, trông mây biếc mới cặm sàu thu; tiễn bạn cánh buồm khuất nẻo mờ xanh mới thấu nỗi-niềm luyến tiếc; lang thang trên đường xa lạ, đồng không sông quạnh: lo lừng ngọn cau, mây trắng băng khuâng hồn xóm cũ...

Mây là cảnh vật cuối cùng cho nhận thức mờ tin tưởng ở cao thanh chẳng tìm thấy giữa đáy lòng và cuộc sống; mây bay theo nhạc gió lộng mười phương, giải phóng tâm-hồn thoát khỏi tục-tình khó thoát, đưa tới cõi tự-do không bờ không bến và chứa chan ánh sáng ảo-huyền của bức họa vô-cùng linh-động.

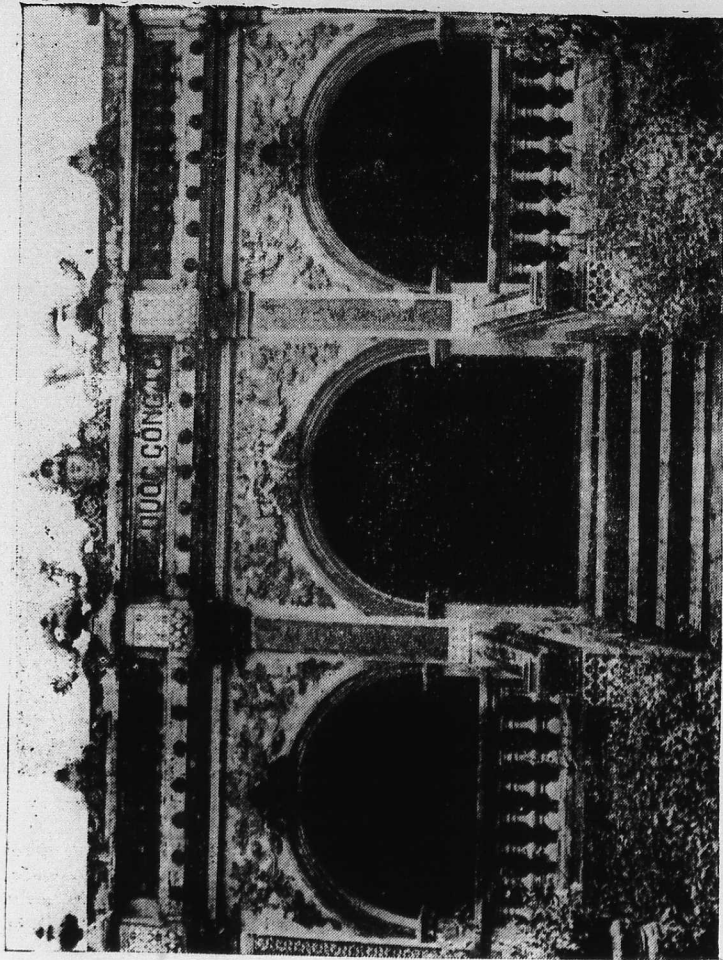
B.T.



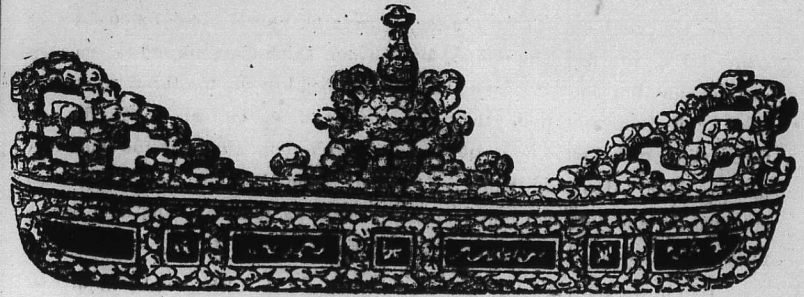
HIẾU-ỨC-QUỐC (1078)

Một họa-phẩm danh tiếng của Lý Công-Lân tức Lý Long-Miễn, người đất Chu, đại-ihàn đời nhà Tống, miêu-họa các sứ-giả của Hiếu-Ưc-Quốc, có nghĩa là nước của những người có lòng hiếu thảo, tức là nước Đại-Việt của ta vậy. Long-Miễn đặt-sĩ chuyên vẽ tuần mã và ông có biệt tài vẽ 500 vị La-Hán khác nhau.

Bức họa "Hiếu-Ưc-Quốc" còn tàng-trữ tại Viện Bảo-Tàng
Emile Etienne Guimet (Ba-Lê).



ĐỀN THỜ VÕ QUỐC-CÔNG
(Võ - Tánh)
tại Gò - Công



KHẢO-LUẬN VỀ CHINH-PHỤ NGÂM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 52)

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU

Tựu-trung, bấy nhiêu tí-vết không là bao nhiêu trong *Chinh-phụ ngâm* đối với thành-tích vẽ-vang mà nhà thơ đã đạt được trong khi làm công việc tái-tạo tài-hoa ấy — nghĩa là thi-nhân không những đã diễn-tả đầy-đủ ý-nghĩa của văn Hán mà còn làm cho ý-nghĩa ấy thêm sâu-sắc —, cái công việc của con ong đi hút mật, gom-góp bao nhiêu hoa nhụy xa lạ về để chế-biến thành cái hay quý riêng-biệt của mình. Trên phương-diện này, *Chinh-phụ ngâm* điển-ca có thể xem như một sáng-tác. Và đó là một trường-hợp thành-công rực-rỡ trong phạm-vi những áng thơ-văn Hán-văn chuyển-dịch ra thơ quốc-âm, đời sau chưa ai vượt nổi (1). Quả thực, nhà thơ đã thực-hiện mỗi cảm-xúc chân-thành

(1) Khúc *Thu-dạ lữ-hoài ngâm* đời Nguyễn có thể xếp vào trường-hợp như *Chinh-phụ ngâm*, vì đó là những bằng-chứng về một hiện-tượng trong văn-học xưa : các tác-phẩm của cha ông ta một khi dịch ra lời thơ quốc-âm do bởi nổi thông-cảm sâu-sắc của dịch-giả đồng-thời thường trở thành những áng văn-chương tài-hoa làm cho người sau quên mất nguyên-tác. Nhưng trong văn-học sử nước ta, về loại văn này, *Chinh-phụ ngâm* là tác-phẩm đi tiên-phong, nhưng cũng vừa là tác-phẩm mà đời sau chưa tái-hoa nào vượt nổi, và cũng đã để lại những ảnh-hưởng rõ-rệt trong văn *Thu-dạ lữ-hoài ngâm* (Xem *Văn-học Việt-nam*, Quyển III, Chương *Thu-dạ lữ-hoài ngâm* sẽ xuất-bản).

tao-nhã của mình đối với nguyên-tác, đã sống lại những xúc-động của tác-giã trước kia để tìm đến khuôn-khổ, âm-vận mới thích-đáng mà mô-tả, mà sáng-tác một lần thứ hai nữa. Trong khuôn-khổ rộng lớn của tập thơ trường-thiên bằng chữ Hán viết theo thể văn trường-đoan-cú ca, thi-sĩ đã đem thí-nghiệm chữ Việt, chọn tiếng nói, thanh-điệu của dân-tộc mà thay lời và điệu Hán, tấu-thành một khúc nhạc mới lạ, vừa thực, vừa gọn, khá-dĩ làm rung-cảm một cách nồng-thắm cả tâm-hồn Việt-nam không phân chia giai-cấp, không phân-biệt Bắc, Nam.

Đến được kết-quả như vậy, trước hết, vẫn là nhờ ở nghệ-thuật vận-dụng từ-ngữ.

Từ-ngữ *Chinh-phụ ngâm* sánh với *Cung-oán ngâm-khúc* cuối thế-kỷ XVIII là một từ-ngữ nhẹ-nhàng, trong sáng, vì nhà thơ đã biết tránh sự lạm-dụng danh-từ Hán-Việt, thay vào đó những chữ Việt vừa chải-chuốt, vừa gọn-gàng, vừa lọc-lỗi thanh- tao, gọt-giũa, đúc-kết nó thành một tiếng nói văn-chương hoa-mỹ mang nặng tình quê-hương đất nước.

Một thí-dụ về lối *cụ-thể-hóa* những ý-niệm trừu-tượng bằng những chất-liệu đơn-sơ mà vẫn tài-tinh :

*Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,
Cỏ có thơm mà nhớ chẳng khuây.*

Hai tiếng «*có*» và hai tiếng «*chẳng*» sóng đôi nhau rất dung-dị giữa hai tiếng «*mà*» giọng điệu rất tự-nhiên, đã khắc chạm rõ hình-ảnh nỗi buồn sâu người thiếu-phụ đang xót-xa đối-chiếu cái *có* ngoài cảnh-vật với cái *không*, cái *chẳng* ở trong cõi lòng mình.

Sau đây là thí-dụ về lối tả cảnh, tả tình một cách tự-nhiên, bình-dĩ, song vô cùng ý-nhị, tài-hoa, và chân-xác.

Tả cảnh nước non nao-động trong cái cơn binh-lửa khởi-đầu, thi-nhân đưa vào thơ mình chỉ một vài hình-ảnh bối-rối, to rộng, mênh-mông, song khêu-gợi làm sao :

*Trông Tràng-thành lung-lay bóng nguyệt,
Khỏi Cam-tuyền mờ-mịt thức mây.*

Nói về cảnh xuất-quân, âm-điệu câu thơ như rộn-ràng, như rối-rít,

hình-ảnh rõ cảnh quân đi, bóng cờ tiếng trống cuốn-quit rập-rình, lộp lộp người nối đuôi nhau tiến ra sa-trường :

*.. Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương...
...Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
Hàng cờ bay trông bóng phất-phơ...*

Cuộc đời liên-liếp bao nỗi lao-đao của thân chiến-sĩ ngoài biên-cương muôn dặm trập-trùng, đã được diễn-tả bằng những tiếng có ý-nghĩa chính-xác nên vẫn rất sinh-động, bằng những hình-ảnh tế-nhị :

*Hình khe, thế núi gần xa,
Đứt thời lại nổi, thấp đà lại cao.*

Và đây là nỗi nhớ mong sâu khở bằng xương bằng thịt của người ly-phụ vắng chồng đã được cụ-thể-hóa một cách văn-hoa trong những hình-ảnh mỹ-từ-pháp hoặc những âm-thanh, màu-sắc thăm sâu, điu-hiu, mãi mãi thấm sâu trong lòng :

*— Sương như búa, bở mòn gốc liễu,
Tuyết đường cưa, xẻ héo cành ngô.
— Cảnh buồn, người thiết-tha lòng,
Cảnh cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.
— Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu, gió thổi ngoài hiên.*

Ta đã biết *Chinh-phụ ngâm* vốn là một bài thơ tâm-tinh. Nên chủ-yếu mọi lời thơ đều vẫn là những lời tình. Khi nói về người chinh-phụ ngấm nhin hình-ảnh của chồng nàng, tác-giã không chỉ gọi lên bóng dáng chiếc áo, con ngựa câu, mà còn vẽ rõ cả một nỗi tự-hào thầm kín như đang xoắn-xan bùng vui cùng màu áo đỏ rắng cài đầu, cùng sắc ngựa tuyết trắng của chàng :

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.*

Rồi khi chàng trông bóng mây mà đi, thiếp nhìn dáng núi mà trở về, câu thơ cũng bồi-hồi thấm-thía như nỗi lòng người thiếu-phụ bỗng dưng đời

một thân tro-trội mà sinh ra bao xiết ngàn-ngơ, đã để lại trong lòng ta mộ
đư-âm bằng-khuông không bao giờ hết .

*Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngàn-ngơ nổi nhà.*

Cho đến khi người thiếu-phụ tưởng-vọng say-sưa với cái ngày chông
về vinh-quang, lời thơ từ trước vẫn nhiệm đượm bao nỗi thắm đoạn sầu xưa
cũ như bỗng-dưng reo vui, sôi nổi, như nũng-nịu, như kẻ-lễ, ấp-lu, tiếng
vàng thừa còn mãi mãi :

*...Xin vì chàng xếp bảo cõi giáp,
Xin vì chàng rũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chuốc chén vàng,
Vì chàng điềm phần đeo hương nẻo-nùng.
Dở kháng lệ, chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu, chàng thăm từng câu...
...Sẽ rót vơi lần lần từng chén,
Sẽ ca dần rên rên từng thiên...*

Người thường-thức văn-chương sẽ có cảm-giác rằng tiếng nói Việt-nam
trong *Chinh-phụ ngâm điển-ca* của thế-kỷ XVIII là tất cả kỹ-thuật tài-hoa của
người thợ đa-tình, thung-dung điều-khiển ngọn dao tỉ-mỉ trên thừa gỗ thư-nhân

Tất-nhiên, cuộc thí-nghiệm ấy còn bao-hàm cả về phương-diện hành-
văn. Câu văn *Chinh-phụ ngâm* có thể nói là khá giàu khả-năng diễn-tả và nên-
họa. Trên kia, trong khi xét về thể-cách, ta đã có lần nói đến rồi. Ở đây, ta sẽ
chú-ý đến những mặt khác, như cách vận-dụng *tiểu-thuật liên-hoàn, điệp-ngữ,
điệp-cú, tiểu-thuật cân-đối, kỹ-thuật Việt-hóa các thi-liệu vay mượn trong kho văn-
học Trung-hoa, đều là những thành-công lớn.* Còn chi nên-họa cho bằng bản nhạc
sầu vụn-cổ sau đây mà từ-ngữ ần-hiện, linh-hoạt, trông-tréo, quẩn-quít, trùng-
điệp, diễn-xuất cái khung-cảnh, cái tâm-trạng tư-tinh vương-vấn của đôi
vợ chồng son trẻ bịn-rịn từ-biệt nhau mà không nở chia-lia nhau :

*Chốn Hàm-dương, chàng còn ngảnh lại,
Bến Tiêu-tương, thiếp hãy trông sang.
Khỏi Tiêu-tương cách Hàm-dương,*

*Cây Hàm-dương c.ở h Tiêu-tương mấy trùng !
Cùng trông lại, mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn ai ?*

Người Việt-nam nào đã thích văn-chương ngày xưa, đã từng nếm biết mùi
tương-tư khổ, ai mà quên được những đoạn nài thiếu-phụ mong chờ bóng
người yêu, nhớ đến lời hò-hẹn ngày chông về, và đến chốn nơi gặp-gỡ giữa
cái bẽ-bàng khêu dậy xiết bao buồn thắm, thất-vọng trước một thực-tế tráo-
trở, phủ-phàng. Có ai quên được đoạn « tương tương-tư » : lúc trong phòng,
lúc bên hiên, lúc trước sân, lúc trên lầu, khi tỉnh, khi mê, khi đi, khi đứng,
khi tái-tê với phong-hoa, khi xuyên-xao cùng tuyết-nguyệt, ánh sáng và thanh-
âm như chan-hòa, như quẩn-quít, rõ là nỗi lòng bi-thương trăm bề rộn-rã..

*Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa t hóm từng bóng.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng-trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau.*

Cho đến nỗi người con gái lầu ngà thần-thờ trước nữ-tác, nữ
công.. cũng đã gọi lên đầy-đủ, mà ngọn triều xuân ấm-áp trong lòng khát-
khoa ân-ái chỉ là một ảo-tưởng véo-von trong thực-tế chua cay. Ai mà không
nhớ đến đoạn người khuê-phụ lên lầu cao trông vơi khắp bốn phương trời,
mà lòng ái-ngại trước cả trống-trái hát-hiu của đất trời cây cỏ, và đành khép
cửa trâm-tư đến thân mình « hóa đá cũng nên »..

*...Nhà thôn gió bụi chóng-chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hóm...
...Lúa thành, thoi-thóp bên cồn,
Nghe thối, ngọc dịch véo-von bên lầu...
...Khói mù nghi-ngút ngàn khơi,
Con chim bặt gió lạc-loài kêu thương...
...Ngàn thông chen-chúc khóm lau,
Cách ghềnh thấp-thoảng người đầu di về...*

Tiêu-thuật liên-hoàn ở những đoạn này được vận-dụng triệt-đề để khắc chạm lên một khối sần đĩnh-trễ triền-miền, khi thì láy đi láy lại một tiếng — một từ-từ --, khi thì láy cả một chuỗi tiếng, một chuỗi ý-niệm, thanh-âm đồng-bế quấn-quít nhau, dư-âm lai-lãng tràn-lan mãi mãi như tấu lòng buồn, như không phút nào ngừng.

Ngoài ra, còn có biết bao nhiêu hình-ảnh mượn trong văn thơ Tàu đã được biến-hóa theo nề-nếp tròn-trĩnh, vừa-vẹn, mực-thước của tinh-thần Việt-nam. Chưa kể trong khuôn-khổ nhỏ của một danh-từ, một điển-cổ, nhà thơ đã cho nhập-tích vào tiếng nói văn-chương Việt-nam đại-loại những mỹ-từ khuê-các như « cơn gió bụi », « khách má hồng », « sừ trời », « dặm nghìn da ngựa », « bến Ngân sù-sút », « tìm chàng thuở Dương-dài lối cũ, gặp chàng nơi Tương-phổ bến xưa » v.v..., trong *Chinh-phụ-ngâm* còn bao nhiêu hình-ảnh màu-mè thoát-thai từ nền văn-học vàng-son của đời Đường, đời Tống . . . Cảnh chia tay bên cầu sông Vị một sáng lộng gió mùa thu, lòng thiếp vương-vấn theo chàng như bóng trăng theo dõi, lớp mây thần-thờ theo bóng chàng đi, bóng núi buồn heo-hút theo dáng thiếp trở về, ngàn dâu xanh ngắt bên đường bát-ngát hận sinh-ly, cơn gió xuân nồng ve-vãn lay màn người thiếu-phụ vắng chông, sắc dương-liều biếc xanh bên lầu làm khách phòng khuê luống những se lòng vì đã giục chông theo ánh công-danh, ả Chức chàng Ngưu « tới trăng thu lại bắt cầu sang sông » xui người chinh-phụ tiếc lỡ lương-thi v. v... Bấy nhiêu phương-pháp nghệ-thuật cổ-diễn lấy «đại-thể», dùng những «cái tượng-trung» chuốt-lọc, những «công thức» cũ xưa mà thay cho cụ-thể, cho thực-tế sống, cho kinh-nghiệm xác-thực và thâm-thiết, bấy nhiêu thi-liệu tuy vay mượn bao phen cũ mòn, song nhờ kinh-quá mỗi cảm-xúc chân-thành và tài-năng thần-tinh của thi-nhân, nên đều đã ngoan-ngoãn mỹ-miêu đúc lại trong tiếng nói dân-tộc mà âm vang lên mãi mãi những tiếng lòng ham sống và hồn thơ nhạc tiêu-táo.

Đã đến lúc cần hạ một kết-thúc về tập thơ, về giá-trị tài-hoa của nó, trừ ngoại cái ý-nghĩa lịch-sử, nhân-văn đã diễn-bày ở phần nội-dung.

Phải nhìn nhận rằng mệnh-vận của *Chinh-phụ ngâm điển-ca* hoàn-toàn bị chi-phối và giới-hạn trong nguồn cảm-xúc, trong quan-niệm triết-lý, từ nội-dung đến hình-thức, kỹ-thuật. Ta chỉ cần đọc một vài đoạn, hoặc một đoạn thôi là đủ

hiểu ý-nghĩa tác-phẩm và tài-nghệ nhà thơ. Phải đợi sau này với *Hoa-tiên-truyện*, mà nhất là *Đoạn-trường tân thanh*, ta mới có thể tìm được hứng-thú luôn luôn khác-lạ và liên-tục trên chiều dài của tác-phẩm, và luôn luôn tìm thấy hứng-thú mới mỗi khi tìm lần đọc lại áng thơ. Có thể nói cái phần thành công nổi-bật của *Chinh-phụ ngâm điển-ca* vẫn là phần hình-thức, phần kỹ-thuật, trong thể-loại văn trữ-tình, cái tài-hoa của người nghệ-sĩ với tất cả tấm lòng ly-hận chờ mong ngùn-ngụt trên mấy đường tơ rẻo-rất, thanh-tân và nồng-thắm.

VI. — CÁC BẢN CHINH-PHỤ NGÂM ĐIỂN-CA QUAN-HỆ

Về *Chinh-phụ ngâm điển-ca* (đây vẫn nói về bản thông-hành và truyền là của Đoàn Thị-Điễm) có rất nhiều bản hoặc nôm hoặc quốc-ngữ (chữ la-tinh), hoặc chép tay hoặc in. Ta có thể phân chia làm hai loại: loại thứ nhất gồm các bản chữ nôm và các bản vừa nôm vừa quốc-ngữ; loại thứ nhì là các bản duy chỉ có phần chữ quốc-ngữ mà thôi.

A. — Về loại đầu, có các bản như sau:

1. — Bản *Chinh-phụ ngâm bị-lục* 征婦吟備錄 do nhà in Long-hòa 隆和 (để cho tiện, ta gọi tắt bản nôm này là bản *Long-hóa*) phổ Hàng Thiếc ở Hà-nội ấn-hành về năm nhâm-dần (1902) đời Thành-thái, trong bộ « *Danh-gia quốc-âm* 名家國音 ». Bản này do lão-nho Vũ Hoạt 武活 lục đem khác in, sách có bài *bạt* cho biết về tung-tích bản văn (1).

2. — *Chinh-phụ ngâm điển-ca*, bản in của Trường-thịnh đường 長盛堂 không đề năm, khác bản ở Hà-nội vào khoảng năm 1910, mà ông Hoàng Xuân Hãn dự-đoán là khác sau năm 1840, và là « dựa theo một bản cũ có trước đời ấy » (2), và ta có thể tắt gọi là bản *Trường-thịnh*. Ông Hoàng Xuân-Hãn cũng đã chọn lấy bản này làm bản chính dùng trong việc ông hiệu-định *Chinh-phụ ngâm điển-ca* (3). Bản Trường-thịnh so-sánh với bản Long-hòa thì giống nhau, trừ một ít chi-tiết.

(1) Học-viện Đông-phương Bắc-cổ còn trữ bản này, ký-hiệu số A B 26.

(2), (3) Hoàng Xuân-Hãn, *Chinh-phụ ngâm bị-khảo*, Dẫn, IV. — Bài điển-ca A, trang 55-57.

3.— Bản viết tay của Học-viện Đông-phương Bác-cổ Hà-nội sao vào sách « Thi-ca nam-âm » giữ ở Học-viện (4). Bản này chỉ là sách mới sao lại. Ta có thể gọi là bản *Bác-cổ*.

4.— Bản *Chinh-phụ ngâm điển-ca* do ông Tôn Thất-Lương trình và chú-giải bằng quốc-ngữ, nhà Tân Việt Sài-gòn xuất-bản vào năm 1930, phần nôm nguyên chữ viết rất đẹp, in vào sách theo lối chụp hình. Sự thực thì bản nôm sách này là bản riêng của nhà Tân Việt đã in phụ vào bản văn của ông Tôn Thất-Lương trình và chú-giải, không phải là bản nôm mà ông Tôn Thất-Lương đã dùng làm căn-cứ để phiên-âm thành bản la-tinh in. Và chẳng, điều nên chứng-minh là trong bản nôm chép tay này, không hề có lời chú đề nói là nguyên-văn bản nôm của Đoàn Thị-Điễm như một số sách từng dẫn-chứng, ngộ-nhận gần đây. Về bản quốc-ngữ mà ông Tôn-thất-Lương dùng chú-giải và in, nếu xét theo văn, thì thấy là văn theo bản *Chinh-phụ ngâm* trong sách *Ngâm-khúc* của Nguyễn Quang-Oánh (xem phần sau), hoặc bản Long-hòa.

5.— Bản Ích-Ký, là một bản mới in sau, phần nôm in bằng đá.

B.— Về loại *Chinh-phụ ngâm* bằng quốc-ngữ thì nhiều, tựu-trung có thể kể năm bản quan-hệ mà trong văn có ít nhiều chỗ chép khác nhau, ấy là :

1.— *Chinh-phụ ngâm*, bản của Trương Vĩnh-Ký, xuất-bản năm 1887.

2.— Bản *Chinh-phụ ngâm* chép trong *Nữ-lưu văn-học sử* (Đông-phương thư-xã, Hà-nội, 1929) của Sở-Cường. Không thấy ghi là văn phiên chép ở đâu ra

3.— Bản *Chinh-phụ ngâm* trong tập *Chinh-phụ ngâm-khúc dẫn-giải* 征婦吟曲引解 (Tân-dân, Hà-nội, 1929) của Nguyễn Đỗ-Mục. Tập này gồm bài nguyên-văn của Đặng Trần-Côn, phụ theo dịch âm, dịch nghĩa, chú-thích, lại kèm dẫn văn điển-ca của Đoàn Thị-Điễm. Cũng không thấy biên-giả cho biết văn chép ở sách nào ra.

(4) Ông Maurice Durand, trong phần *Tự-luận bản Complainte du l'épouse du guerrier de Đặng Trần-Côn*, sách đã dẫn, tường-dẫn rằng ngoài sách *Chinh-phụ ngâm bị-lục* do nhà Long-hòa khắc in năm nhâm-dần (1902) đời Thành-thái trong bộ « *Danh-gia quốc-âm* » mà Viện còn giữ, Học-viện Đông-phương Bác-cổ còn có hai bản khác gồm cả nôm lẫn chữ, đều là sách chép tay, và không ghi-chú xuất-xứ, ký-hiệu A B 361, và A 3 158.

4.— Bản *Chinh-phụ ngâm-khúc* trong sách *Ngâm-khúc* (Vinh-hưng-Long, Hà-nội, 1929) do ông Nguyễn Quang-Oánh trình-bày và chú-giải. Điều đáng chú-ý là bản này có những câu dịch sát nghĩa chữ Hán, tuy về phần hay lại kém các bản nôm khác. Về điểm văn, hiệu-giả cũng đã cho biết là văn phiên theo bản dịch của Đoàn Thị-Điễm, nhưng lại không xuất dẫn căn-cứ tài-liệu để làm chứng rằng bản trình-dẫn chính là nguyên-văn của nữ-sĩ họ Đoàn.

5.— Bản *Chinh-phụ ngâm* thông-truyền in trong sách *Chinh-phụ ngâm bị-khảo* của Hoàng Xuân-Hãn (Sách đã dẫn, trang 71-137) có thể xem là bản trình-giải hiệu-định có phương-pháp tỷ-mỷ, công-phu nhất ; song nội-dung bản văn, ngoài những ưu-điểm ra, thì đã qua sự đã biện-chữa thêm vào ít nhiều điều quá mới-mẻ, và đó đây những chỗ không tránh khỏi sự gò-bó theo những nhận-định chủ-quan hoặc qui-tắc đã nêu, nên chưa được dư-luận hoàn-toàn tán-thưởng và chấp-thuận.

Trong sách này, văn *Chinh-phụ ngâm* dẫn-lục và trích-giảng (về phần *khảo-luận* cũng như phần *giảng-văn*) là văn phiên-diễn theo bản nôm sách *Chinh-phụ ngâm bị-lục* của nhà Long-hòa là bản văn in cũ độc-nhất hiện nay còn ghi đề tháng năm khắc và tên người chủ-trương việc khắc in, tương-đối đáng được tin cậy hơn cả, mà văn lại là giống như văn ta thường biết (1). Tuy nhiên, trong văn này vẫn có ít nhiều chỗ tối nghĩa, hoặc không đúng ý bản chữ Hán, hoặc không đúng cách-điệu văn dịch-giả, thì cũng đã được đem kê-cứu so-sánh với nguyên-tác, với các bản nôm, các bản cũ tương-đối đúng bản chính mà sửa lại cho được gần với nguyên-thoại (2) hơn.

(1) Văn *Chinh-phụ ngâm* chữ Hán trong phần *khảo-luận* từ trên cũng đã trích-dẫn theo sách *Chinh-phụ ngâm bị-lục* của nhà Long-hòa.

(2) *Thoại* là một danh-từ Nhật-bản mà Ông Hoàng Xuân-Hãn đã mượn để dịch tiếng *version* của Pháp bấy nay vẫn thường dịch bằng danh-từ *bản*. Về thời xưa, văn ta phần lớn là văn truyền-khẩu nên hay bị sửa-đổi, mỗi người đọc mỗi khác, người chép-sao theo tùy thích, nên tác-phẩm đi xa gốc, thành có nhiều *thoại* khác nhau. Như thế, ta có thể đồng-cùng một ý-kiến với ông Hoàng Xuân-Hãn mà dùng chữ *thoại* « để tỏ một trong những cách chép một chuyện gì, một ý gì » (Sách đã dẫn, *Tra*, trang 8). Trong bộ sách *Văn-học Việt nam* này, vì sự phổ-biến thông-dụng cũ,

A. - Bảng chữ Hán :

I. - PHẦN VIỆT-NAM

Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục 欽定越史通鑑綱目, Quyển 38.

Lịch-triều hiến-chương loại-chí 歷朝憲章類志, *Văn-tích chí*, Quyển 42 - Quyển 45.

Tang-thương ngẫu-lục 桑倉偶錄.

II. - CỦA TRUNG-HOÀ

Hồ Văn Dực 胡雲翼, *Tản trước Trung-quốc văn-học sử*, 新著中國文學史 Bắc tân thư-cục.

Hồ Tiểu-Thạch 胡小石, *Trung-quốc văn-học sử* 中國文學史, Nhân-văn xã.

Đường-thi tam bách thủ, 唐詩三百首.

Đường thi tam bách thủ độc-bản 唐詩三百首讀本, Thượng-hải thế-giới thư-cục.

Cổ văn bình-chú 古文評註, Ngũ-quê đường thư-cục.

Cổ văn quan-chí 古文觀止, Đại-phương thư-cục

B. - Bảng chữ nôm :

Quốc-âm thi 國音詩, Bản chữ nôm chép tay.

Danh-gia quốc-âm 名家國音, Bản in chữ nôm xuất-bản năm nhâm-dần (1902).

nên đó đây vẫn dùng lại chữ *bản* nó có nghĩa tương-đồng như chữ *thoại*, tuy không được đúng và chính-xác bằng. Cũng nên nhắc lại là trong các phần trích-văn, người viết luôn luôn chú-ý trình-dẫn thoại xưa nhất, hoặc xét đáng tin-cậy là gần văn tác giả nhất, và tránh hẳn những lẽ-lỗi làm việc chủ-quan : như chọn dẫn văn hay, chọn bản dung-hòa nhiều văn lựa-lọc đề đúc thành văn hay, nghĩa là những lẽ-lỗi làm việc càng thêm đi xa văn cũ, càng sinh ra những *thoại mới*.

Chinh-phụ ngâm 征婦吟, Bản in chữ nôm của Trương-Thịnh đường.

Chinh-phụ ngâm diễn-ca 征婦吟演歌, Bản chữ nôm chép tay của nhà Tân-Việt, Sài-gòn.

Quốc-âm thi-ca tạp-lục 國音詩歌雜錄, Sách viết bằng chữ nôm.

C. - Bảng chữ quốc-ngữ :

Chinh-phụ ngâm, bản của Trương Vĩnh-Ký, xuất-bản năm 1887.

Chinh-phụ ngâm, bản của Xuân-Lan, xuất-bản lần thứ 3, năm 1913, Nhà in Văn-minh - Hải-phòng - Hà-nội.

Chinh-phụ ngâm khúc dẫn-giải, Nguyễn Đổ-Mục biên-tập, Tân-dân thư-quán Hà-nội, 1929. Tân-dân tái-bản 1942.

Sở-Cuông, *Nữ-lưu văn-học sử*, Đông-phương thư-xã, Hà-nội, 1929.

Ngâm-khúc. I. Cung-oán - II. Chinh-phụ - III. Ty bà, Nguyễn Quang Oánh hiệu-khảo, Việt-văn thư-xã, Hà-nội, Vĩnh-hưng-Long thư-quán, 1930.

Chinh-phụ ngâm-khúc, bản của Tôn Thất-Lương, Tân-Việt, Sài-gòn, 1950.

Giảng-văn Chinh-phụ ngâm, của Đặng Thái-Mai, Ấn-thư tư-tướng, 1950.

Chinh-phụ ngâm-khúc giảng-luận, của Thuận-Phong, Xuất-bản Lê Văn Cang, Sài-gòn, 1951,

Chinh-phụ ngâm bị-khảo, của Hoàng Xuân-Hãn, Minh-tân, Paris, 1951.

Chinh-phụ ngâm chú-giải của Nguyễn Văn Anh, Thanh-đạm, Sài-gòn, 1956.

Chinh-phụ-ngâm, của Nguyễn Huy chú-giải, Á-Châu, Sài-gòn, không đề năm xuất-bản.

Nam-phong tạp-chí, số 100, năm 1925, trang 494-496.

Tri-tân, số 26, ngày 5-11-1941, *Đoàn Thị Điểm* của Nhật-Nham, trang 19.

Văn-dân báo-giám, Trần-Trung-Viên sao-lục, Nam-Kỳ thư-quán, Hà-nội : Quyển thứ nhất : 1932, Quyển thứ hai : 1934, Quyển thứ ba : 1932.

Tri-tân, số 113, ngày 23-9-1943, *Dịch-phẩm « Chinh-phụ ngâm »* phải chăng của bà *Đoàn Thị-Điểm*, của Hoa-băng, trang 2-3 và 14-15.

Dương Quảng-Hàm, *Việt-nam văn-học sử yếu*, Nha Học-chính Đông-Pháp xuất-bản lần thứ nhất, Hà-nội, 1944.

Tiểu-thuyết thứ bảy nguyệt-san, số 4, tháng 9 năm 1944, Tân-dân,

Hà-nội ấn-hành : *Những tài-liệu mới về nữ-sĩ Đoàn Thị-Điểm* của Trúc-khê Ngô Văn Triện, trang 30 — 48.

Sơn-tùng Hoàng Thúc-Trâm, *Quốc-văn đời Tây-Sơn*, Vinh-bảo, Sài-gòn, 1950.

Tâm-nguyên thi-văn tập, Tập thứ 1, tháng 8 năm 1954 : *Cái nghi-án về văn-chương, tác giả là ai ?* của Biệt-Lam, trang 6 — 18.

D — Bảng chữ Pháp :

E, Gaspardone, *Bibliographie annamite* (Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, tome XXXIV, N° 1-2, những trang 1-174).

Trần Văn Giáp, *Les chapitres bibliographiques de Lê Quí-Đôn et de Phan Huy-Chú* (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, Nouvelle série, Tome XIII, N° 1).

G. Cordier, *Morceaux choisis d'auteurs annamites*, Lê Văn Tân, Hà-nội, 1932.

Chinh-phụ-ngâm dịch ra Pháp-văn. Plaintes de la femme d'un guerrier, Poème populaire annamite, Traduction littérale et interprétation française par Uyên toàn, in Văn-học tạp-chí, Nos 2 et suivantes.

Hoàng Xuân-Nhị, *Plaintes d'une Chinh phu*, Editions Stock, 1943.

Bùi Văn Lãng, *Chinh-phụ ngâm, Complainte de la femme d'un guerrier*, Editions Alexandre de Rhodes, Hà-nội, 1943.

Maurice Durand, *La complainte de l'Épouse du guerrier de Đặng Trần-Côn* (Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises, Nouvelle série — Tome XXVIII, N° 2, 2^e trimestre 1953).

PHỤ-LỤC ☆ GIẢNG VĂN CHINH-PHỤ NGÂM

LÚC TIÊN ĐƯA

Tiếng nhạc ngựa lẫn chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi, phút bỗng chia tay;
Hà lương chia rẽ đường này,

Bên đường, trông bóng cò bay bụi-ngùi.
Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu,
Kỵ sau còn khuất nẻo Trường-dương.
Quân đưa chàng ruồi lên đường,
Liễu-dương biết thiệp đoan-trường này chẳng ?
Tiếng địch thổi nghe chùng đồng-vọng,
Hàng cò bay, trông bóng phất-phơ.
Đấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi, ngàn-ngor nổi nhà.

I — CHÚ-GIẢI

Hà-lương : Bến sông, chỉ nơi tiễn đưa nhau. Chữ này, vốn bắt nguồn từ câu thơ Lý-Lãng tiễn Tô-Vũ : «Huê thử thượng hà-lương, Du-tử mộ hà chi?», nghĩa là « Cầm tay lên cầu Hà-lương, Khách du-tử tới nay đi đâu? » Nhân đó, «Hà-lương» dùng để chỉ nơi tiễn-biệt.

Rẽ : Có nghĩa là chia tay mỗi người đi một nẻo.

Hà-lương... đường này : Chữ « này » trong câu có giá-trị gọi-tả, vì đã làm cho mới sâu có một cử-chỉ.

Doanh Liễu : Doanh liễu. « Liễu » tức là Tể-Liễu, ở mạn tây-nam Hàm-dương, tỉnh Thiểm-tây. Chu Á-phụ, tướng nhà Hán, đi đánh Hung-nô, có quân đóng ở đây.

Khuất : Ý chỉ đã xa lắm.

Trường-dương : Địa-danh đời Tần, ở về đông-nam huyện Trư-trất, tỉnh Thiểm-tây. Còn là tên cung đời Tần ở Tây-kinh, cung này có trồng nhiều cây dương.

Liễu-dương : Cây dương-liễu biểu-hiệu sự chia-ly. Chữ này thoát ý trong câu thơ «Kính-Thị» : «Tích ngã vãng hỷ, dương liễu y y» nghĩa là « khi xưa ta đi, cây dương-liễu mọc-mơn-mỡn; và câu «Đường-thi» : « Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc, hỡi giao phu tể mịch phong hầu » nghĩa là « chợt thấy cây dương-liễu ở đầu đường, hỡi-hận đã giục chông ra đi cầu ấn phong-hầu. » Nên « chữ này » còn gợi ý nhớ chông.

Chữ « còn » ở câu 46 sau chữ « đã » ở câu 45, có tác-dụng vẽ nên mới sâu triền-miên quán-quít.

Đoạn-trường : Chữ mượn ở điển cũ có, nghĩa là đứt ruột, tức là đau lòng lắm.

Đồng-vọng : Tiếng nghe vắng-vắng ở xa đưa đến.

II. - CHỦ-Ý VÀ BỐ-CỤC

Đoạn này là đoạn tả cảnh người chinh-phụ tiễn đưa chồng, lúc chồng ra đi chiến trận. Tác-giả bắt đầu phát-họa cảnh gần nhất là cảnh lúc đoàn quân viễn-chinh mới khởi đầu (4 câu đầu), rồi mới đến một cảnh xa hơn là cảnh lúc đoàn quân đã lên đường ra đến gần doanh Liễu, hay đã khuất nẻo Trường-dương (4 câu giữa), và sau cùng là một cảnh xa thăm-thẳm, cảnh đoàn quân đã khuất hẳn, chỉ còn vắng đưa lại đôi tiếng địch mơ-hồ (4 câu cuối). Thứ tự ấy là thứ-tự theo thời-gian và không-gian, tức là thứ-tự hợp-lý nhất để tả cảnh biệt-ly (Xem «Đoạn-trường tân-thanh», đoạn Kiều tiễn Thúc-Sinh về quê (1) chẳng hạn).

III. - GIÁ-TRỊ TÂM-LÝ

Trong cảnh I, tác-giả bắt đầu cho ta thấy sự rộn-rịp của cảnh bên ngoài lúc đoàn quân mới bắt đầu ra đi. Cái cảnh bên ngoài ấy là : nhạc ngựa, tiếng trống, cờ bay v.v... tấp-nập, giục-giã đến như che lấp, lẫn át cả mối tình bên trong. Còn một chút xao-xuyến của tâm-hồn, một chút rộn-rục của người chinh-phụ họa chững chỉ có thể tìm thấy phảng-phất mơ-hồ trong chiếc lá cờ bay; giữa đám nhộn-nhip tung - bùng, con người tượng - trưng cho mối tình như bị che lấp hẳn đi. Qua cảnh thứ II, chúng ta thấy trên con đường dài thăm-thẳm, xe trước kỵ sau như nối đuôi nhau không bao giờ hết, đó là lúc đoàn quân đã bắt đầu đi xa. Nhưng là dù đã đi xa, cái rộn-rịp, vẻ tung-bùng như vẫn còn thấy ở đâu đây, từ doanh Liễu, từ Trường-dương đưa lại; ở đây, cảnh bắt đầu bớt ồn-ào và tình bắt đầu hơi bực-lộ: Chàng dong-ruổi lên

(1) Việt-nam văn-học giảng-bình, Tân Việt, Sài-gòn 1953, Giảng-văn I
Lúc biệt-ly, trang 35-37.

đường, thiếp bịn-rịn nhìn theo và tâm-hồn gửi ở cây dương-liễu. Qua cảnh thứ III, một cảnh mêng-mông và xa-vắng, tiếng địch chỉ còn đồng-vọng, và lá cờ chỉ còn là một bóng mơ-hồ phất-phơ. Đó là cảnh đoàn quân đã xa hẳn, sự ồn-ào náo-nhiệt không còn nữa. Lúc ấy, chàng đã khuất, có lẽ theo từng lớp mây đưa; và lúc đó, người chinh-phụ hiện ra rõ-ràng, tâm-trạng buổi đầu bị át bởi cảnh-vật, càng như bùng dậy, tình cô-đơn, tâm-hồn bàng-hoàng, ngập-ngừng, ngơ-ngẩn trước nỗi kêu-gọi nhớ-nhung man-mác của núi non :

Dấu chàng theo lớp mây đưa,

Thiếp nhìn rặng núi ngàn-ngơ nổi nhà.

Tóm lại, trong đoạn đầu, một khung-cảnh rõ-rệt che lấp một mối tình mờ-mờ, trong đoạn nhì khung-cảnh bắt đầu nhượng bộ cho mối tình kia, và sau cùng trong đoạn ba, mối tình hiện-hiện làm chủ-động, và khung-cảnh trở nên mờ-mờ.

Cái kỹ-thuật đặt tình ở trong cảnh, lấy cảnh đóng khung cho tình vốn không lạ với các nhà văn cổ-diễn của ta ngày xưa, nhưng khác-biệt trong «Đoạn-trường tân-thanh», khác với «Hoa-tiên truyện», tình và cảnh ở đây không điệp hẳn lẫn nhau, mà trái lại rõ-ràng và như sắp đặt từ trước. Ở «Đoạn-trường tân-thanh» và ở «Hoa-tiên truyện»: tình và cảnh phối-hợp, ở «Chinh-phụ ngâm» tình và cảnh riêng-biệt, cảnh chỉ là một cái khung trong đó tác-giả sửa-soạn về tình.

IV. - GIÁ-TRỊ VĂN-TỪ

Văn-từ «Chinh-phụ ngâm» minh-xác và khúc-chiết. Nếu ta đem đoạn này so-sánh với đoạn Kiều đưa tiễn Thúc-sinh, ta sẽ thấy cả hai đoạn đều mô-tả một mối tình khuê-ly lâm-ly ai-oán, nhưng nếu ở «Đoạn-trường tân-thanh» là một bức vẽ phá-bút thì ở đây nét vẽ vừa tỉ-mỉ vừa đậm-đà...

Văn-từ «Chinh-phụ ngâm» lại rất đẹp, nhưng đẹp một cách ước-lệ trong một khung-cảnh cổ-diễn. Còn gì chung-chung ước-lệ và cổ-diễn cho bằng khi chia tay phải có một chiếc cầu, khi nhớ nhau phải có rặng núi hay bóng mây đưa: «Hà-lương» có lẽ là một chiếc cầu tưởng-tượng không có thực, nhưng có hề gì miễn chiếc cầu ấy tiêu-biểu cho cảnh chia-ly. Trong bài thơ Lý-Lãng viết cho Tô-Vũ có câu :

Huề thủ thượng hà lương,

携手上河梁

Du tử mộ hà chi ?

遊子暮何之

Nghĩa là:

Đặt tay nhau lên cầu « Hà-lương »

Khách du-tử chiều nay đi đâu ?

Chữ « hà-lương » vì thế dùng để chỉ nơi tiễn-đưa.

Đặng Trần-Côn viết:

Dương liễu na tri thiệp đoạn-trường

揚柳那知妾斷腸

Tức là:

Dương liễu biết thiệp đoạn-trường này chẳng ?

Là cũng không ngoài tính-cách ước-lệ và cô-diễn ấy, làm ta nhớ đến bài

« Khuê-oán » 閨怨 trong Đường-Thi:

Khue trung thiếu-phụ bất tri sầu,

閨中少婦不知愁

Xuân nhật ngưng trang thượng thúy lâu.

春日凝妝上翠樓

Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc,

忽見陌頭楊柳色

Hối giao phu tế mịch phong hầu.

悔教夫婿覓封侯

Mà thi-sĩ Tần-Đà dịch là:

Trẻ trung nàng biết chi sầu,

Phòng không trang-điểm lầu ngắm gương.

Nhác trông về liễu bên đường,

Phong hầu nghĩ đại xúi chàng kiếm chi ?

Cây dương-liễu chính là tiêu-biểu cho tâm-tình mong-nhớ của người chinh-phụ.

Và khi nói:

Dấu chàng theo lớp mây đưa,

Thiếp nhìn rặng núi ngàn-ngơ nổi nhà.

Thì màu trắng của mây là tượng-trung cho sự đi ly-cách, mà màu xanh của núi là tượng-trung cho sự về cô-đơn, qui phòng tương-tư. Mây và núi ở đây không phải là những cảnh ngẫu-nhiên, mà thực ra là nhà thơ vốn có dụng-ý sắp đặt trước. Mạnh Hạo-Nhiên, nhà thơ Đường trứ-danh đã chẳng từng có câu thơ:

Quân vọng bạch vân khứ,

君望白雲去

Dư vọng thanh sơn qui...

余望青山歸

Nghĩa là:

Bạn trông mây trắng mà đi,

Ta trông núi xanh mà về.

Tính-cách ước-lệ và cô-diễn ở hai câu chót của đoạn thơ này thật là rõ-rệt. Tính-cách đó suy rộng ra là tính-cách tượng-trung, công-thức trong văn-chương, nghệ-thuật cô-diễn ngày xưa. Văn-chương cô-diễn của Ta và của Tàu, nhất là ở « Chinh-phụ-ngâm » và thơ Đường súc-tích và kín-đáo, vốn hàm nhiều tính-cách ấy.

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU





NHỮNG NGÀY OANH-LIỆT
CỦA
QUÂN-CẢNG HƯƠNG-GIANG

Thiệt-Mai
TÔN-THẤT-CẢNH

Ngày nay, du khách mỗi lần đến viếng Cổ-đô Thuận-Hóa, thường đứng trên bờ sông Hương, dưới cây phượng-vĩ, lắng nhìn cảnh êm-đềm của dòng sông xanh biếc, hay mãi mê thưởng-thức bức tranh tuyệt-mỹ của hoàng-hôn trước những màu tím sẫm, vàng tươi in xuống lòng sông lúc mặt trời sắp lặn bên kia dãy Trường-sơn... Hay là khách bước xuống thuyền, phiếm du trên dòng Hương muốn thuở...

Thuyền nhẹ trôi, lướt trên muôn ngàn đợt sóng lăn-tăn... Mái chèo khua nước, rung động ánh trăng thanh như cột đũa với chị Nguyệt, gió đêm nhẹ thổi như để quạt hết bụi trần của người viễn-khách tha-phương...

Khách có cảm-tưởng mình là Tô-đông-Pha đang cầm thuyền trên sông Xích-bích, vắng nghe tiếng đàn của ca-kỹ bến Tầm-dương... Nhưng không, đây là Hương-giang và ca-kỹ không khác than duyên kiếp hẽ bàng mà lại ngân lên những câu hát vui tươi để ca ngợi cảnh trăng thanh gió mát :

*Dạo thuyền gặp lúc trăng
Thấy trong ngàn, một hồ băng, gió
Không động muốn rừng,
Kìa nước máy một vờn,
Nào người quen biết,*

Bóng trăng thâu, hoa lại gần... (1)

Khách dừng lại nghe cô lái đò, lơ lững đầy nhẹ mái chèo để thuyền trôi theo dòng nước, hát lên tiếng khoan tiếng nhặt :

*Bến chợ Đông Ba tiếng gà eo-óc,
Bến đò Thọ-Lộc tiếng trống sang canh.
Giữa sông Hương gợn sóng khuyh thành,
Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh ngửa nghiêng*

Năm, tháng lần lượt trôi qua như dòng Hương trôi mãi lơ đờ, không còn ai nhớ rằng dòng sông êm-đềm ấy, trước đây hơn 300 năm lại là một quân-cảng quan yếu của đạo chiến-thuyền chúa Nguyễn.

Ngày nay, không còn ai nhớ cảnh hùng-tráng của đạo chiến-thuyền non 400 chiếc đã từng làm nổi sóng của sông Hương, lướt thoăn-thoắt theo nhịp chèo của thủy-thủ để xuôi về cửa Thuận-An, ra khơi xuất trận, vẫy vùng trên muôn đợt sóng cồn để giữ-gìn bờ cõi.

Đạo chiến-thuyền ở quân-cảng Hương-giang như thế nào?

Theo Thiệt-lục tiền-biên thì Chúa-Thượng (húy Nguyễn-phước-Lan, hệ IV, 1635, về sau Gia-Long thứ V truy tôn Thần-Tông Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế) khi dời công-phủ từ Phước-yên về Kim-long (phần đất ở bên tả ngạn Hương-giang, nơi lập Kinh-Đô Huế bây giờ) thì Ngài đã dời tất cả đạo chiến-thuyền về đây và dùng Hương-giang làm nơi đồn-trú, các dinh trại thủy-quân được dựng lên dọc bờ sông, bên phía hữu ngạn.

Các cơ-đội thủy-quân lúc bấy giờ chia ra như sau :

— Cơ Trung-hầu	10 chiến thuyền	300 thủy binh
— Nội-bộ 60 đội	30 — — . . .	hơn 280 —
— Hai cơ tả-trung, hữu-trung, mỗi cơ 14 chiếc	28 — — . . .	hơn 700 —
— Nội-thủy	58 — — . . .	hơn 6.410 —
— Tả trung-kiên	20 — —	600 —
— Hữu trung-kiên	10 — —	500 —

(1) Những câu mở đầu của bản Nguyễn-tiêu trong 10 bản Tàu)

— Tả trung-bộ, hữu trung-bộ, mỗi cơ 10 chiếc 20	— — 450	—
— Tiều trung-bộ, 20 đội, mỗi đội 5 chiếc 100	— — 2.700	—
— Tả-dực, hữu-dực, tiền-dực, hậu-dực, 4 cơ, mỗi cơ 5 chiếc 20	— — hơn 1.100	—
— Tiền-thủy, hậu-thủy, tả-thủy, hữu-thủy, 4 đội, mỗi đội 5 chiếc 20	— — hơn 500	—
— Tả nội-bộ, hữu nội-bộ, tả-súng, hữu-súng, tiều-súng, hậu-súng, 8 cơ, mỗi cơ 6 chiếc 48	— — hơn 2.100	—
— Dinh tả-bộ 10	— — hơn 450	—
— Tiền-bính, hậu-bính, tả-bính, hữu-bính, 4 đội, mỗi đội 4 chiếc 16	— — hơn 200	—
— Tả thủy 5	— — hơn 200	—

Tổng cộng : 395 chiến-thuyền hơn 16.490 thủy-binh

Đạo thủy-quân của Chúa Nguyễn lúc bấy giờ có non 400 chiến-thuyền và 17.000 thủy-quân như thế có thể gọi là một lực-lượng tương-đối hùng hậu để trấn thủ hai xứ Thuận, Quảng, phòng vệ một hải-phận mà theo địa-dư lúc bấy giờ, chạy dài từ Quảng-Bình (Nhật-lệ) đến Phú-Yên. Phần đất ấy tính theo bây giờ cũng non 800 cây số ngàn

THAO-LUYỆN THỦY-QUÂN

Chúa Thượng hiểu sự lợi hại của thủy-quân đối với một nước như Việt-Nam, giáp ranh với bề Đông cho nên rất quan tâm về sự huấn-luyện thủy binh.

Năm 1642, một hôm, Ngài ra cửa Nại bằng thuyền rồng, dự cuộc tập trận, thấy thủy-sư không được chỉnh-tề, bèn truyền cho ba huyện Hương-Trà, Quảng-diên, Phú-vang lập trường thủy-sư tại làng Hoảng-Phước (tức Hồng-Phước huyện Phú-Vang), đắp một hòn thổ-sơn cao 30 trượng, rộng hơn 150 thước mọc, hàng năm cứ đến tháng 7 thì thao-diễn phép «phi trạo phóng bác» (bay chèo bắn súng), ai bắn trúng thì được ban thưởng vàng lụa. Từ đó, thủy-sư đều cố gắng tập luyện tinh thông.

Đạo thủy-quân thiện chiến ấy về sau lập nhiều chiến-công trong những trận thủy-chiến với quân Trịnh ở cửa Nhật-lệ và đánh đuổi bọn hải-khâu Hà-Lan thường đến cướp bóc các thương khách trong miền duyên-hải Thuận-hóa.

ĐÁNH ĐUỔI TÀU GIẶC HÀ-LAN

Bọn hải-khâu Hà-Lan thường đem chiến-thuyền chặn đánh các thương thuyền Việt-Nam trên hải-phận nước ta và hay cướp bóc các lương dân ở miền duyên-hải

Chẳng những trong thời Chúa Thượng (1635), bọn hải-tặc Hà-Lan thường phá khuấy mà dưới thời của Chúa Tiên (hệ 11-1558 tức là 77 năm về trước) cũng đã có lần đến cướp phá ở miền duyên-hải ta rồi.

Theo Thiết-lục tiền-biên thì năm Ất-dậu (1585), có 5 chiếc tàu Hà-Lan treo cờ hiệu của một nhà Qui-tộc, đi đốc đoàn, đến cướp phá những làng ở miền duyên-hải Quảng-Trị, gần cửa Việt (lúc bấy giờ công-phủ chúa Nguyễn đang đóng ở Ái-tử, Quảng-Trị). Chúa Tiên sai Hoàng-tử thứ 6 (húy Nguyễn-phước-Nguyên, sau nối nghiệp với chức Thống-lĩnh Thủy-bộ chư-dinh, kiêm Tổng nội, ngoại Bình chương quân-quốc trọng-sự, Trần-Vũ-Thuận, Quảng nhị xứ, Thái-Bảo Thụy Quốc-công, thường gọi là Chúa Bụt hay Chúa Sãi và về sau đời Gia-Long thứ năm truy tôn Hiếu-văn Hoàng-Đế, miếu-hiệu Hy-Tông) đem 10 chiến thuyền ra thẳng ngoài cửa biển chặn đánh bọn hải-tặc Hà-Lan, phá được 2 chiếc, khiến cho chúa đoàn bỏ chạy.

Về sau, băng đi được gần 80 năm, dưới thời Chúa Thượng, bọn cướp biển Hà-Lan lại đến phá khuấy, cướp bóc nữa.

Năm Giáp-thân thứ 9 (Lê Phúc-Thái thứ 2 — Thanh Thuận-trị nguyên-niên, tức là năm 1644 sau T.C.), một đoàn tàu giặc Hà-Lan lại đến cướp bóc miền duyên-hải và đón đánh các thương thuyền. Viên quan tuần-hải báo tin về Kinh, Chúa Thượng bèn họp các triều thần văn võ bàn kế đánh dẹp.

Thế-tử Đông-lễ-Hầu (húy Nguyễn-phước-Tần) lúc bấy giờ đang trẻ, khi phách hào cường, nghe vậy bèn mật bàn với quan Chưởng-cơ Tôn-thất-Trung hện cùng nhau đem thủy-quân ra đánh đuổi bọn giặc Hà-Lan.

Tôn-thất-Trung đang do dự, chưa dám quả quyết vì cho là việc chưa được lệnh trên, Thế-tử liền xuất binh một mình, đem chiến-thuyền sở thuộc của mình chạy thẳng ra cửa Thuận-An. Tôn-thất-Trung kinh hãi, bắt đặc dĩ phải đem chiến-thuyền thuộc cơ mình theo sau. Khi chiến-thuyền của Trung đến cửa bể thì thuyền của Thế-tử đã ra khơi rồi. Trung thúc quân sĩ chèo riết cho kịp và đứng trên mũi thuyền phất cờ ra hiệu cho Thế-tử quay lại. Thế-tử chẳng những không nghe theo lại đốc thúc quân sĩ chèo riết ra khơi, đoàn chiến thuyền gặp gió, lướt thoăn-thoắt trên sóng, nhắm đoàn chiến thuyền Hà-lan tiến tới. Thế-tử mình mặc áo giáp, đứng trước mũi thuyền mang cờ lệnh của mình, tuốt gươm trần chỉ huy đoàn chiến-thuyền, khí thế rất oai phong. Cách phía sau xa, đoàn chiến-thuyền của Tôn-thất-Trung cũng lướt sóng xông tới như bay.

Đoàn tàu giặc Hà-Lan trông thấy hai đoàn chiến-thuyền xông tới, chiến thuyền Hà-Lan vừa bắn vừa kéo buồm nhắm phía Đông mà chạy. Một chiếc tàu lớn Hà-Lan nặng nề hơn, không theo kịp, còn ở lại phía sau, Thế-tử đốc thuyền vây quanh bắn riết một hồi, tướng giặc chỉ-huy thuyền ấy biết thế nào cũng thua, bèn tự phóng hỏa vào kho thuốc súng để đốt thuyền.

Chúa Thượng, lúc ở công phủ, sau cuộc hội-ngộ với chủ-tướng, định xuất quân, lại nghe phi báo Thế-tử đã một mình xuất quân cự địch rồi, sợ quá, bèn thân hành đốc suất đại đạo binh-thuyền ra tiếp ứng. Đến cửa bể đã trông thấy xa xa khói đen bốc lên ngất trời, vội thúc quân đến. Khi được báo tiếp Thế-tử đã đánh đuổi được tàu giặc, Chúa Thượng rất mừng, đem đại binh về Hải-dinh chờ. Thế-tử kéo quân về bãi yết. Chúa Thượng quở phạt nặng-nề Thế-tử và Chương-cơ Tôn-thất-Trung về tội tự ý xuất quân, coi thường quân lệnh nhưng trong thâm tâm rất lấy làm vui mừng được thấy con có chí-khí anh hùng, dũng cảm. Quở phạt xong, chúa Thượng ban thưởng cho Thế-tử và Chương-cơ vàng lụa về chiến-công vừa rồi.

Trận thủy-chiến này đã làm rạng danh đạo thủy-quân của Chúa Nguyễn. Về sau, Giáo-sĩ Alexandre de Rhodes kể lại chuyện thảm bại của chiến thuyền Hà-Lan, đã phê-bình một cách chua chát rằng, Hà-Lan vẫn tự phụ là Chúa bề vì sao lại để cho mấy chiếc thuyền ván nước Nam đánh bại một cách thảm thương đến thế.

Thế-tử Nguyễn-phước-Tân lập nên chiến-công oanh-liệt ấy lúc bấy giờ mới độ 21, 25 tuổi, đã nổi danh là một người anh-hùng lỗi-lạc cho nên về sau trong trận đại chiến Nguyễn-Trịnh ở sông Nhật-Lệ, Thế-tử được cử chức Nguyên-soái thống-lĩnh chư dinh thủy-bộ và đã cùng các tướng Tôn-thất-Lộc, Chương-dinh, Tống-hữu-Đại, Giám-chiến, Nguyễn-hữu-Dật, quân lĩnh bộ binh, Nguyễn-triều-Ván, quân lĩnh thủy-binh đánh bại quân Trịnh, đuổi đến sông Gianh.

Lúc Chúa Thượng mất, Thế-tử được các triều-thần cử lên kế-nghiệp tôn làm Tiết-chế Thủy-bộ chư-dinh, kiêm Tổng Nội ngoại binh-chương quân-quốc trọng-sự, Thái-bảo Đông quận-công. Đời bấy giờ thường gọi là Chúa-Hiền, đến năm Gia-Long thứ 5, mới truy-tôn là Hiếu-triết Hoàng-Đế, miếu-hiệu Thái-Tông.



Sông Hương ngày nay lại trở về cảnh êm-dềm thơ mộng...

Hai bên bờ sông không còn thấy bóng một chiến-thuyền nào nữa với những cờ hiệu của các co-đội thủy-quân phất phơ trên các cột buồm... mà chỉ thấy hai hàng cây phượng vĩ đơm hoa đỏ thắm, in hình trên mặt nước êm-dềm. . . Nhưng hàng năm, như ngày lễ lớn, trên sông Hương thường có những cuộc đua trải (thuyền tam bản), từng đoàn ghe thoăn-thoắt lướt trên sông theo nhịp chèo của hàng trăm lực-sĩ và theo tiếng hò giòn-giã: « Hò.. ô..ô... khoan... là hè... là hè... » họa chăng còn gọi lại một phần nào cảnh oai-hùng của đoàn chiến-thuyền ngày xưa khi xuất trận...

Thiệt-Mai TÔN-THẤT-CẢNH





CỒ-TIỀN VIỆT-HOÀ

NGUYỄN-TRIỆU

Theo cổ-sử Trung-quốc, từ đời Phục-Hy (2852 trước Tây-lịch) người Tàu đã phát-hành một loại tiền như hình một lưỡi dao nhỏ (dao tiền) như hình I sau đây, để cho dân-chúng tiện-dùng; đến đời vua Hoàng-Đế (2697-2597 trước T.L.) thì lại có thứ tiền khác coi như hình cái xèng (hình II); chừng 4 thế-kỷ sau, đến đời họ Hưu-Ngu là vua Thuấn (2255-2205 sang đầu nhà Hạ) thì lại có một thứ tiền coi như một lưỡi dao nhỏ dính liền với một đồng tiền tròn, giữa có lỗ vuông và hai chữ tượng-hình (coi hình III). Rồi đến đời vua Thái-Nguyên nhà Tấn vào 376 sau Tây-lịch, mới có thứ tiền tròn, giữa có lỗ vuông, chung quanh có 4 chữ « tượng hình » đọc không ra chữ, như hình IV sau đây.

Sau đến đời nhà Đường (vào khoảng 713-765) mới bắt đầu có những đồng tiền đúc bằng đồng ra đời và mệnh-danh là « Đồng tiền » (銅錢) nghĩa là tiền bằng đồng.

Từ đây đến hết đời nhà Đường là năm Bình-dần (906), luôn luôn năm nào cũng có đúc tiền đồng với niên-hiệu « Khai-Nguyên » (713-741) đời vua Huyền-Tôn. Những đồng tiền này đúc dày chừng 1^m/m với đường kính 20.25^m/m, giữa có lỗ vuông, chung quanh có 4 chữ là niên-hiệu như chữ « Khai-nguyên thông-bảo » (開元通寶) chẳng hạn.



HÌNH I

Tiền con dao đời Phục-hy (2852) trước T.L. năm 1400 (3)

- « Thiên-khánh thông-bảo », Trần Cao vào năm Bình-ngọ (1426);
- « Thuận-thiên nguyên-bảo » đúc khoảng 1431-1433, Lê Thái-Tổ (Lê-Lợi);
- « Thiệu-bình thông-bảo » đúc khoảng 1434-1439, Lê Thái-Tôn;
- « Đại-bảo thông-bảo » cùng đúc trong đời Lê Thái-Tôn;

Trước đời nhà Đinh (968-990), nước ta nội thuộc Trung-quốc, từ văn-hóa, chính-trị đến kinh-tế, nhất nhất đều theo Tàu hết nên về tiền-tệ thì lẽ tất-nhiên những đồng tiền của Tàu lưu-hành khắp lãnh-thổ quận Giao-châu và rồi về sau, đời này qua đời khác, vua chúa ta cũng bắt chước theo họ mà đúc tiền cho dân-gian tiện-dùng.

Những đồng tiền đầu tiên của nước ta đã được đúc từ đời vua Đinh Tiên-Hoàng 968-977 (sau T.L.) và dưới đây là một bản danh-sách những cồ-tiền Việt-Nam để cống-hiến cho các nhà khảo-cổ tập-hợp cồ tiền Việt-Hoa :

CỒ-TIỀN VIỆT-NAM

« Thái-bình thông-bảo » (1) đúc khoảng 968-977 đời nhà Đinh;

« Thiên-phúc thông-bảo » đúc vào năm 980-992 đời Lê Đại-Hành (Lê Hoàn);

« Thuận-thiên thông-bảo » đúc khoảng 1010-1028 đời vua Lý-Thái-Tổ.

« Minh-Đạo thông-bảo » đúc năm 1042-1044 đời Lý-Thái-Tôn (Cộng-Uần);

« Đại-Định thông-bảo » năm 1140-1162, đời Lý Anh-Tôn;

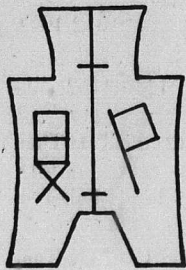
« Nguyên-phong thông-bảo » (2) đời Trần Thái-Tôn, năm 1251-1258;

« Khai-thời nguyên-bảo » đời Trần Minh-Tôn, năm 1324-1330;

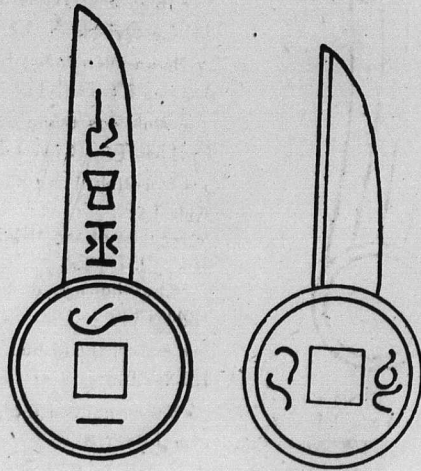
« Đại-trị thông-bảo » đời vua Trần Dụ-Tôn, năm 1358-1369;

« Thánh-nguyên thông-bảo » đời Hồ Quý-Ly khoảng năm 1400 (3)

« Thái-hòa thông-bảo » đúc năm 1443-1453 đời Lê Nhân-Tôn ;
 « Diên-ninh thông-bảo » cũng đúc trong đời Lê Nhân-Tôn năm 1454-1459 ;
 « Thiên-hưng thông-bảo » đúc năm Kỷ-mão (1459) đời vua Lê Nghi-Dân ;
 « Quang-thuận thông-bảo » đúc khoảng 1460-1469 đời Lê Thánh-Tôn ;
 « Hồng-Đức thông-bảo » khoảng 1470-1497, cũng vua Lê Thánh-tôn ;
 « Cảnh-thống thông-bảo » 1498-1504 đời vua Lê Hiến-Tôn ;
 « Đoan-khánh thông-bảo » 1505-1508, Lê Uy-Mục-Đế ;
 « Hồng-thuận thông-bảo » vào năm Kỷ-tị (1509) vua Tương-Dực-Đế ;
 « Minh-Đức thông-bảo » Mạc Đăng-Dung đúc khoảng 1527-1529 ;
 « Đại-chính thông-bảo », Mạc Đăng-Doanh năm 1530-1532 ;
 « Quảng-hòa thông-bảo », Mạc Phúc-Hải (1541-1546) ;
 « Vĩnh-Định thông-bảo », Mạc Phúc-Nguyên đúc vào khoảng năm Kỷ-vị
 (1549)
 « Nguyên-hòa thông-bảo », vua Lê Trang-Tôn đúc vào khoảng năm
 1533-1548 ;



HÌNH II
 Tiền hình cái xẻng
 đời vua Hoàng-Đế
 (2697-2597 tr.T.L.)



HÌNH III
 Tiền con dao Vua Thuần
 (2.205 trước T.L.)

« Gia-Thái thông-bảo », Lê Thế-Tôn đúc khoảng năm 1573-1577 ;
 « Bình-an thông-bảo » { Trịnh Tùng tự xưng là Bình-An-Vương, đúc
 vào năm Kỷ-hợi (1599).
 « Kiền-thống nguyên-bảo », } Do Mạc Kính-Cung đúc ở Cao-bằng hồi
 năm 1593-1618.
 « Vĩnh-thọ thông-bảo » vua Lê Thần-Tôn đúc khoảng năm 1658-1661 ;
 « Vĩnh-trị thông-bảo », vua Lê Hy-Tôn đúc hồi năm 1676-1680 ;
 « Chính-hòa thông-bảo », cũng do Lê Hy-Tôn đúc năm 1681-1704 ;



HÌNH IV

Tiền tròn đời nhà Tấn
 Năm Thái-Nguyên I vua Tấn
 Võ-Đế (376 sau T.L.)

« Vĩnh-thịnh thông-bảo » do Vua Lê Dụ-Tôn đúc năm 1705-1719 ;
 « Bảo-thái thông-bảo » cũng Lê Dụ-Tôn đúc khoảng năm 1721-1729 ;
 « Thiên-Minh thông-bảo » (4) do Võ-Vương Nguyễn-phúc-Khoát đúc năm
 Bình-dần (1746) ;
 « Chiếu-thống thông bảo » (5), Lê Hiến-Tôn (1740-1786) ;
 « Chiếu-thống thông bảo » (6) vua Mãn-Đế đời Lê-mạt ;
 « Thái-Đức thông-bảo » Nguyễn-văn-Nhạc đời Tây-Sơn (1777-1792)
 « Quang-Trung thông-bảo », Nguyễn-văn-Huệ Tây-Sơn (1788-1792) ;
 « Quang-Trung đại-bảo », cũng của Nguyễn-Huệ đúc ;
 « Cảnh-thịnh thông-bảo » } Nguyễn-Quang-Toàn nhà Tây-Sơn
 « Cảnh-thịnh đại-bảo » } đúc khoảng năm 1793-1800 ;
 « Gia-long thông-bảo » (1802-1819) ;
 « Minh-mạng thông-bảo » (1820-1840) ;
 « Thiệu-trị thông-bảo » (1841-1847) ;
 « Tự-Đức thông-bảo » (7) (1848) ;
 « Tự-Đức bảo-sao », cũng đúc trong đời vua Tự-Đức thứ 14 hồi
 năm Tân-dậu (1861) ;
 « Kiến-phúc thông bảo » đúc hồi năm Giáp-thân (1884) ;
 « Hàm-nghi thông-bảo » đúc năm Ất-dậu (1885) ;

- «Đồng-khánh thông-bảo» (1885-1888);
 «Thành-thái thông-bảo» (1889-1906);
 «Duy-tân thông-bảo» (1907-1915);
 «Khải-Định thông bảo» (1916-1925);
 «Bảo-Đệ thông-bảo» (8) (1926-1930).

(Còn tiếp)
 NGUYỄN TRIỆU

CHÚ THÍCH

(1) Theo tài-liệu Pháp, hồi năm Ất-vị (1715), Mạc-Cửu (1655-1735), ở Hà-tiên cũng đã có đúc tiền hiệu là «Thất-bình». Có tìm thấy trong «Hang Tiên» ở một hòn đảo nhỏ nơi biên Hà-Tiên.

(2) Đồng thời, vua Tống Thần-Tôn bên Tàu (1078-1085) cũng có cho đúc một loại tiền «*Nguyên-phong thông-bảo*» trùng tên với đồng tiền của vua nhà Trần bên ta.

(3) Đời vua Thuận-Tôn (1388-1398) cuối nhà Trần, khi Quý-Ly còn làm chức phụ-chánh thái-sur, Quý-Ly đặt ra «*tiền giấy*» bắt dân phải tiêu xài và đem hết những tiền đồng đời lấy tiền giấy của nhà vua. Theo Đại Việt sử-ký toàn-thư chép trong quyển VIII, tờ 26, trong khi Quý-Ly thái-sur đặt ra cách làm tiền giấy để thu hết tiền đồng của dân.

Tờ giấy 10 đồng-tiền, vẽ cây rêu bèo,

Tờ 30 đồng, vẽ sóng nước,

— 60 — (tức 1 mạch, hay 1 tiền), vẽ đám mây.

— 120 — (— 2 — 2), vẽ con rùa.

— 180 — (— 3 — 3), vẽ con kỳ-lân.

— 300 — (— 5 — 5), vẽ con chim phượng-hoàng.

— 600 — (tức 1 quan) vẽ con Rồng.

Giấy tiền này phát-hành cho dân-gian, bắt buộc phải tiêu-dùng và lại đặt ra một đạo luật riêng xử-tử tất cả những kẻ làm giấy giả, còn những kẻ có nhiều tiền đồng không đem nộp hết đời lấy tiền giấy hoặc cất giấu thì cũng đồng tội.

Năm Canh-thìn (1400), Quý-Ly truất bỏ Thiếu-đế tức Thái-tử An rồi tự xưng làm vua thay ngôi nhà Trần, đoạn đúc tiền «Thánh-nguyên» này.

Kể đến đời Lê Thái-Tổ (tức Lê Lợi) lên làm vua, trong nước khan không có đủ đồng để đúc tiền cho dân dùng, vì mấy đời vua trước vor vét đã hết và ngoài ra còn bị quân nhà Minh xâm-lăng cướp chở đi hết; để bồi bổ và kiến-thiết lại tiền-tệ trong nước, vua Lê cho khai-thác tất cả các mỏ đồng trong nước ngõ hầu có đủ nguyên-liệu (đồng) để cung-cấp cho các sở đúc tiền từ năm Thuận-thiên (1428) đến hết nhà Lê.

(4) Đồng tiền này đúc vào năm Bính-dần (1746) đời Võ-Vương Nguyễn phúc-Khoát thứ 8, mặt sau có chữ «*Nam-Hà*» (南河) nghĩa là đúc ở Huế.

(5) Những đồng tiền «*Cảnh-Hưng thông-bảo*» đúc vào khoảng năm 1740-1786 đời vua Lê Hiến-Tôn, mặt sau thường có 2 chữ «*Bình-Nam*» (平南) đúc tại Thuận-hóa vào năm Bính-tý (1776), cũng có ghi 2 chữ «*Sơn-Tây*» (山西) nghĩa là đúc tại xứ Sơn-tây; lại cũng có đồng chữ «*Kinh*» 京 là đúc ở kinh-đô (tức Hà-nội) hoặc chữ «*Trung*» 中 là đúc tại Trung-đô (cũng là Hà-nội) Ngoài ra lại còn có những đồng «*Cảnh-hưng cơ-bảo*», «*trọng-bảo*», «*vinh-bảo*», «*đại-bảo*», «*chí-bảo*», «*trung-bảo*».

Còn có nơi chép trong thời Nguyễn Ánh ở Miền Nam khoảng năm 1778-1792 lại cũng có đúc tiền là «*Gia-Hưng thông-bảo*» để cạnh-tranh hối-xuất với đồng tiền «*Cảnh-hưng*» của vua Lê ngoài Thuận-Hóa. Sử-liệu này vô căn-cứ vì từ ngày Nguyễn Ánh lên vương-vị ở Gia-định vẫn tôn-trọng niên-hiệu «*Cảnh-hưng*» của nhà Lê và đến khi đã chính-thức lên ngôi cửu-ngũ ở Phú-Xuân, đối với nhà Lê, vẫn có cảm-tình nểng-hậu, coi vậy thì không có lý nào lại có đúc tiền «*Gia-Hưng*» kia được!

(6) Trong ba năm thời Lê-mạt, còn có đồng tiền «*Chiêu-thống thông-bảo*» ra đời và thường mặt sau có chữ «*Sơn Nam*» (山南) hoặc chữ «*chính*» (正). Chữ Sơn-Nam nghĩa là tiền đúc tại xứ Sơn-Nam và chữ Chính kia là có ý để phân biệt với các loại tiền của nhà Tây-Sơn đúc hồi năm (1777-1792) mà cho là «*tiền giả*», những đồng tiền «*Chính*» mới là tiền thật và là chính hiệu... Có lẽ cũng vì lý-do này nên Nhâm-ngọ (1822), vua Minh-mạng ban-hành đạo dụ của vua Gia-long từ năm Bính-tý (1816) cấm thần-dân không được lưu-hành hay tiêu-dụng những tiền của nhà Tây-Sơn đúc

và chỉ được «xài» những đồng tiền nhà Lê mà có chữ «Chính» mới là của thật. Thế nên nay đồng tiền «Chính» rất có thể trại ra «đồng chính» rồi có những đồng chính Gia-long, chính Tự-Đức, vân vân... Thật nghĩa chữ «Chính» (正) là cái chiêng, nhạc-khí của ta và những đồng tiền đồng của ta, mỗi khi ném vào những vật dẫn như gạch hay đá thì nó cũng có tiếng kêu nhỏ, giống như tiếng chiêng là «chính» và lâu đời thành ra «đồng chính» hay «đồng tiền chính». Còn một thuyết nữa là đời xưa, ta có nhà «Thuế Vụ» gọi là «Chinh thâu» và «Chinh thuế» chỉ thâu tiền đồng mà thôi, nên cũng có lẽ vì vậy mà tiền đồng gọi là «Chinh».

Ngoài tiền «Chinh» ra, một đôi khi Triều-đình cũng có đúc cả tiền kẽm nữa và trong thời Gia-long vì khan đồng nên đã đúc rất nhiều tiền kẽm, 60 đồng kẽm là 1 tiền, 10 tiền là 1 quan tức 600 đồng, 1 đồng chính đời lấy 6 đồng kẽm, 10 đồng chính cũng có thể gọi là 1 tiền và 100 đồng chính cũng là 1 quan.

Trong thời Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị thường có đúc rất nhiều tiền «chính» cũng như tiền kẽm.

Năm Mậu thân (1848) là năm Tự-Đức nguyên-niên, có đúc rất nhiều tiền chính, tiền kẽm cùng bạc nén, và đến năm Tân-dậu (1861) lại còn đúc thêm đồng tiền «Tự-Đức bảo sao» có giá-trị bằng 50 đồng tiền, nặng 7 tiền 5 phân (28 grammes) có chữ: «Chuần ngũ thập văn».

Hồi năm Nhâm-thân đời Tự-Đức thứ 25, nhà vua cho những người Tàu kiều-cư đầu thầu đúc tiền bạc cho Triều-đình, nhưng lần lần bị họ giảm bớt cả trọng-lượng của tiền bạc chỉ còn phân nửa và về tiền đồng thì bị họ pha trộn không còn nguyên-chất của đồng nữa.

Rồi từ đây qua những đời vua Kiến-Phúc, Hàm-Nghi, Đồng-Khánh, Thành-Thái, Duy-Tân, Khải-Định, Bảo-Đại, từ năm 1884 đến 1926, đời nào cũng có đúc hai loại tiền kẽm và tiền chính. Sau khi có tiền «Bảo-Đại», định giá đời 1 đồng Khải-Định lấy 2 đồng «Bảo-Đại», và cũng có khi 1 đồng Khải-Định đời lấy 3 đồng Bảo-Đại nên dân-gian đương thời có câu ca-dao:

*Hai con đổi lấy một cha,
Làm cho thiên-hạ sốt sa vì tiền.*

*Thóc hơn khôn có người đong,
Bán buôn 1 bó giá đồng 3 con.*

Lại còn có nhiều câu về tiền từ xưa và lâu hơn:

*Đồng tiền liền khúc ruột...
Đồng tiền tài, nhân nghĩa tận...
Có tiền mua tiên cũng được...!*

*Hột tiêu nó bé nó cay,
Đồng tiền nó bé nó hay cửa quyền...*

*Đồng tiền không phẩn không hồ,
Đồng tiền khéo đềm khéo tô mặt người.*

*Mẹ em tham thúng xôi dền,
Tham con lợn béo, tham tiền «Cánh-Hung».*

Qua mấy câu ca-dao về tiền

Đây một cô gái quê, nuôi chồng nghèo ăn học đi thi...

*Một quan là 600 đồng,
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi.
Chồng tôi cỡi ngựa vinh-quy!
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường...*

(Trích trong bài hát «Trăng sáng vườn chè» tân nhạc)

Đây lại một «cậu cả» nhà giàu, bạch-diện thư-sinh, nhà có ky, đưa vợ quan tiền đi mua đồ cúng, về bắt vợ «tính tiền chợ»:

— *Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra?*

Vợ tính rành mạch:

— *Thoạt tiên mua 3 tiền gà, (3 × 60). 180 d.
Tiền rươi gạo nếp vớt 3 đồng trâu (90 + 3). 93.
Trở lại mua 6 đồng cau (6 đồng). 6.
Tiền rươi miếng thịt, giá rau 10 đồng (90 + 10). 100.
Có gì mà tính chẳng thông?
Tiền rươi gạo tẻ, 6 đồng trà tươi (90 + 6). 96.*

30 đồng rượu, chàng ơi ! (30)	30.
Ba mươi đồng mật, 20 đồng vàng (30 + 20)	50.
2 chén nước mắm rõ ràng,	
Hai bảy mươi bốn, kẹo chàng chàng hồ nghi	
($2 \times 7 = 14$)	14.
Hai-mươi-một đồng đậu-nấu chè (21) ,	21.
10 đồng nải chuối, chần thì 1 quan (10)	10.

Cộng 600 đ.

N.T.



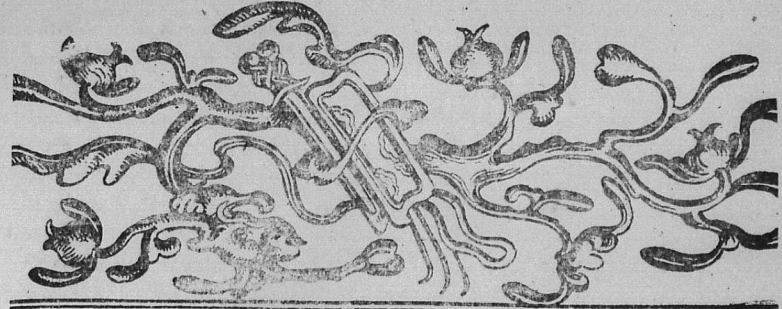
THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Mỗi số (Tu-nhân):	12\$	—	1 năm	10 số	:	120\$
			nửa năm	5 số	:	60\$
Mỗi số (Công-sở):	24\$	—	1 năm	10 số	:	240\$
			nửa năm	5 số	:	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phí

- ★ Mua dài hạn V.H.N.S., xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HÓA, số 266, Đường Công-ly, Sài-gòn.
- ★ Bài soạn đăng tạp-chí, xin gửi về Ô. CHỦ-BÚT VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN, số 266, đường Công-ly, Sài-gòn.
- ★ Bài của các bạn gửi đến Tòa-soạn, nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.



DANH-NHÂN NAM-VIỆT

**TIỀN-QUÂN NGUYỄN-HUYỆNH-ĐỨC
(1748-1819)**

HƯNG-VIỆT

Trong số các bậc đại-công thần theo vua Gia-Long đề mưu việc thống nhất sơn-hà, nhân-dân thường hay nhắc đến Tả-quân Lê-văn-Duyệt (1763-1832), một vị danh-tướng trung-thành và hiền-hách nhất về đời Nguyễn- Sơ, song rất tiếc rằng ta ít khi nhắc đến một vị hồ-tướng mà lòng trung-kiên và trí-đúng không kém gì Tả-quân Lê-văn-Duyệt. Vị hồ-tướng này đã từng làm :

Bác Nam tam tống-trấn ;

Tiền Hữu lương tướng-quân (1).

Ông đã được Lê-văn-Duyệt (hồi mới xuất đầu lộ diện năm 17 tuổi) đem lòng kính mộ tài nghệ siêu-quần và xin nhận ông làm nghĩa-phụ để học hỏi thêm về lược-thao tam-lược. Vị hồ-tướng lừng danh này là Tiền-quân Nguyễn-Huyệnh-Đức (1748-1819), cánh tay mặt của Nguyễn-Ánh trong việc tranh đấu với Tây-Son để khôi-phục sơn-hà.

(1) Ba lần làm Tổng-trấn tại Bắc-thành và Gia-Định thành ; hai lần làm Chưởng Tiền quân-dinh và Chưởng Hữu quân-dinh.

NGUỒN GỐC

Nguyễn-Huỳnh-Đức, chính tên họ Huỳnh-tường-Đức, sinh năm Mậu-thìn (1748) tại giồng Cái Én, xưa thuộc làng Trường-Khánh, tổng Hưng-Nhượng, huyện Kiến-Hưng, tỉnh Định-Tường, nay thuộc làng Khánh-Hậu, tổng Hưng-Long tỉnh Tân-An. Thân-phụ ông là Huỳnh-công-Lương, làm cai-đội thuộc-binh nhất-thuyền, còn tổ-phụ là Hoàng-công-Chu làm Xuất-đội thuộc-binh tam-thuyền đều là võ-quan triều Hậu-Lê. Vốn là giồng-dôi nhà tướng, nên Huỳnh-tường-Đức, năm 17 tuổi, đã đứng-cảm hơn người và rất tinh-thông võ-nghệ. Ông tổ-phụ rất thương yêu, nên lúc thu-nhận vẫn săn-sóc dạy bảo ông đủ cả lực-thao tam-lược. Ông vốn chuyên-cần minh-mẫn, ban ngày học văn bài chữ nghĩa, còn ban đêm rèn luyện võ nghệ đủ các môn. Vì thế, ông nổi tiếng trong vùng là một bậc anh-tuấn văn-võ song toàn, và được người ta gọi là « Ông Tướng Hồ ».

ĐỐC LÒNG PHÒ CHÚA CHẴNG QUẢN GIAN NGUY

Anh em nhà Tây-Sơn (là Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ), sau cuộc dấy binh, vì Trương-phúc-Loan chuyên quyền, đã đuổi bắt được chúa Nguyễn là Định-Vương và Đông-Cung Nguyễn-phúc-Dương tại Long-Xuyên, liền đem giết tại Sài-gòn. May còn người cháu của Định-Vương là Nguyễn-phúc-Ánh chạy thoát được và tụ tập những tôi cũ khởi binh từ Long-xuyên tiến lên tới Sa-déc. Ít lâu, Nguyễn-Ánh lại hội-binh với Đỗ-thành-Nhân đánh đuổi quân Tây-Sơn và lấy lại Gia-Định (năm 1777).

Tháng giêng năm sau (1778), Đỗ-thành-Nhân cùng các tướng là bọn Tống-phúc-Khuông, Tống-phúc-Lương, Lê-văn-Quân bèn suy tôn Nguyễn-Ánh (bấy giờ mới 17) làm Đại-nguyên-sứ, Nhiếp-quốc-Chính.

Đến năm Canh-tý (1780), sau khi bình định xong đất Gia-Định, Nguyễn-Ánh, theo lời thỉnh cầu của các tướng, bèn xưng vương-hiệu và phong cho Đỗ-thành-Nhân, người có công lớn nhất thời bấy giờ làm Ngoại-Hữu, Phụ-chính, Thượng-tướng-công. Chính ông Đỗ-thành-Nhân là bậc đứng đầu trong hàng Gia-Định tam-hùng (1) và đã từng chiêu-tập một

(1) Ông đứng đầu trong hàng Gia-Định tam-hùng (Đỗ-thành-Nhân, Châu-văn-Tiếp và Võ-Tánh), vì ông tòng-quân sớm hơn và cũng mất sớm hơn hai vị kia. Về sau, cho rằng ông cậy công và lộng quyền, nên Nguyễn-vương nghi-kỵ và tìm cách hạ-sát vào tháng 3 năm Tân-sửu (1781). Cũng vì thế, quân Đông-Sơn, trước vẫn tận tâm giúp Nguyễn-vương, sau đều ly-tán hoặc phản lại, Nguyễn-vương đánh dẹp mãi mới yên.

đạo nghĩa-quân hơn 3000 người, dựng cờ đề năm chữ « Đông-Sơn Thượng tướng-quân » để chống quân Tây-Sơn và đề phò Nguyễn-Ánh lên ngôi báu.

Hồi đó, Huỳnh-tường-Đức đã ngoài 30 tuổi. Ông liền từ giả vợ con, đến xin gia-nhập đạo nghĩa-quân Đông-Sơn của Đỗ-thành-Nhân tại Ba-Giồng (tức Tam phủ, nay là vùng Cai-Lậy, thuộc tỉnh Mỹ-Thọ).

Ông cùng với Đỗ-Vàng, Đỗ-Kị, Võ-Nhàn (anh Võ-Tánh) là những thuộc-tướng đặc-lực của Đỗ-thành-Nhân.

Năm 1780, trong lúc theo phò Nguyễn-vương, ông tình cờ được gặp Lê-văn-Duyệt, một trang anh tuấn mới 17 tuổi, cũng vừa ra đầu quân theo chúa Nguyễn. Trong cuộc tao-ngộ này, hai bên đều phục tài nhau, và Lê-văn-Duyệt xin nhận làm nghĩa-tử của Huỳnh-tường-Đức để học tập thêm về phép điều binh khiển-tướng. Tường-Đức vui vẻ nhận lời ngay.

Năm 1781, quân-lực của Nguyễn-vương đã khá hùng-hậu, nhờ sự phù trợ đặc-lực của tướng-sĩ. Quân Tây-Sơn có ý e-dè, chưa dám tấn-công Đầu năm sau (1782), Nguyễn-Huệ mới đem hùng-binh vào Gia-Định quyết bắt cho được Nguyễn-vương để trừ hậu-hoạn.

Hồi đó, Đỗ-thành-Nhân và Huỳnh-tường-Đức chỉ-huy một nhóm quân Đông-Sơn (ít hơn quân địch nhiều) mà đánh lui được quân Tây-Sơn tới giồng Trấn-Định để bảo-vệ cho Nguyễn-Vương.

Nguyễn-vương bèn phong cho Huỳnh-tường-Đức làm Tiên-quân, Tôn-thất-Cốc làm Trung-quân để có đủ uy-quyền chiêu-tập binh-mã đánh đuổi Tây-Sơn.

Trận giao-chiến lần này, diễn ra tại một cánh đồng ở Tứ-kỳ-giang, thuộc đất Gia-Định (nay thuộc về tỉnh Tân-An và Gò-công) rất là ác-liệt. Quân hai bên chết rất nhiều. Sau cùng, quân của Nguyễn-vương bị thất-trận, binh-sĩ chạy tán lác. Riêng còn có tiên-quân Huỳnh-tường-Đức và một ít dũng-tướng còn theo bảo-giá Nguyễn-vương. Rồi sau số quân bảo-giá cũng bị tử-trận hết, duy còn tro tro có một mình Huỳnh-tường-Đức tả xông hữu đột, liều thân che đỡ đề phò Nguyễn-vương trong cơn nguy-khốn.

Đương khi chạy trốn để tìm phương lánh nạn, ngựa của Nguyễn-vương bất ngờ sảy chân sa xuống hố sâu. Trời đã tối đêm, mà quân Tây-sơn thì đuổi theo riết sau lưng. Trong bước khốn cùng này, Nguyễn-vương trông chừng cầm chắc cái chết trong tay. Huỳnh-tường-Đức chợt nghĩ được một diệu-kế, liền quay ngựa của ông trở lại nghênh-chiến với quân địch, cố ý

dịch chạy sang con đường khác. Ông làm như có một đạo quân dương ăn nắp ở gần đây và chỉ đợi quân địch tới là đánh úp. Đêm khuya trời càng tối, ông càng dọa già quân địch đỡ dấm đuôi theo ông. Quân Tây-Sơn e sợ có quân của Nguyễn-vương mai phục chốn này đồ ra tàn-sát, (nếu cố tình rượt mãi), vì thế mới tạm dừng lại, đợi trời sáng sẽ liệu. Ông đánh lừa được giặc, bèn quay trở lại chỗ Nguyễn-vương bị sa hố sâu, rồi tìm cách đem được lên đất bằng cả người và ngựa.

Thoát được cơn nguy khốn này, hai chúa tôi vội-vả giục ngựa tìm đường lánh nạn trong đám rừng sâu tối mò. Nương nhau chạy hoài đến nửa đêm mới xa quân địch nhưng ác thay lại gặp một con sông chặn đường. Huỳnh-trường-Đức bèn cột ngựa vào một gốc cây để Nguyễn-vương ở đợi đó, còn ông sục sạo đi tìm dò qua sông. May sao ông thấy một chiếc thuyền câu thả giữa dòng. Ông liền gọi thuyền ghé vào bờ, rồi đón Nguyễn-vương cũng xuống thuyền lánh nạn. Mới chèo qua một khúc sông, chợt người lái thuyền hốt hoảng kêu rằng trước mặt có vô số thuyền bè, buồm dương trắng xóa...

Nguyễn-vương hoảng kinh, ngờ rằng chiến-thuyền của địch quân đón chặn đường đi. Vội vàng Nguyễn-vương định nhảy xuống sông bơi lội vào bờ rồi trốn tránh bằng đường bộ. Huỳnh-trường-Đức tức thì ngăn cản lại, vì sợ Nguyễn-vương có thể làm mối cho cá sấu rất nhiều ở khúc sông này. Ông định thần nhìn kỹ xem có phải thuyền địch kéo buồm trắng ở phía trước không, thì ra là một đàn cò dương đậu trên cây mọc ở ven sông.

Chúa tôi lúc đó mới hết kinh-hoảng, an tâm ở trong thuyền.. Vì tất tả chạy hoài, Nguyễn-vương mệt-mỏi vô cùng, nên là người nằm ngủ thiếp đi một giấc ngon lành, gối đầu vào bắp vế của Huỳnh-trường-Đức, mà không hay chi cả. Đêm khuya, sương lạnh muối mòng thi nhau bay dốt quanh mình, song Huỳnh-trường-Đức vẫn chịu ngồi yên, sợ phá giấc ngủ của Nguyễn-vương. Ông còn lấy tà áo làm quạt sua muối luôn tay để Nguyễn-vương ngủ được yên giấc. Lúc Nguyễn-vương tỉnh giấc, vẫn còn thấy ông ngồi đường hoàng tỉnh-táo, và lấy bắp vế làm gối cho mình ngủ, nên cảm động muốn sa giọt lệ và nói rằng :

«Gặp lúc quốc-gia nguy biến mới rõ bậc trung-thần. Khanh thực là một bậc hiền-lương, có một không hai. Đã cứu ta khỏi chết, lại vì ta thức suốt đêm trường, ân này trọng hậu biết chừng nào ! Ngày xưa, vua Thái-Tổ nhà Nguyên, trong khi thua trận chạy lạc vào sa-mạc, đêm khuya không nơi trú-ân, tuyết lạnh

roi xuống thấu xương. Khi đó, hai vị trung-thần là Mộc-bá-Lê và Bắc-nhĩ-Mộc, cỡi y-phục dương mặc đắp cho vua khỏi lạnh, và suốt đêm cùng đứng giữa trời giăng lá cờ trên mình vua để giữ cho tuyết khỏi rơi xuống. Nếu đem tấm trung-can nghĩa-khí của hai vị đó sánh với lòng trung-dũng nhân-hậu của Khanh đối với ta, đâu có khác gì. Ta nghĩ chẳng biết lấy chi đền đáp cho xứng đáng với ân-nghĩa đó, vậy ta ưng để Khanh được theo họ ta. »

Từ đó, tên ông Huỳnh-trường-Đức được đổi làm Nguyễn-Huỳnh-Đức và cũng từ đó, ông được chúa Nguyễn coi như người trong thân-tộc.

AI VÌ CHÚA NẤY...

Năm Quý-mão (1783), Tiền-quân cầm quân giao-chiến với Tây-sơn Nguyễn-Huệ tại Đồng-tuyền.

Hồi ấy, binh-lực của Tây-Sơn rất hùng-hậu, uy-thế đương lừng lẫy, còn Nguyễn-Huỳnh-Đức bị hãm vào cảnh thế cùng lực tận, nên bị quân Tây-Sơn bao vây chặt chẽ. Cuối cùng, ông bị quân địch cầm-tù cùng với năm trăm quân-sĩ. Nguyễn-Huệ liền mở tiệc khao quân. Vốn mến phục tài-trí của Nguyễn-Huỳnh-Đức từ lâu, nên khi quân Tây-Sơn bỏ ông vào tù-xa giải tới quân dinh, Nguyễn-Huệ truyền quân-sĩ phải mở ngay tù-xa và dắt ông tới trước mặt để hỏi chuyện. Tự tay Nguyễn-Huệ cỡi trói cho ông và ngọt ngào khuyến-dụ ông qui-hàng. Ông quắc mắt chỉ tay vào mặt Nguyễn-Huệ mà nạt lớn rằng : «Đồ phản-ngịch ! Ta đây thà chết, đâu có thờ hai vua. Bắt được ta thì cứ đem giết ngay đi, đừng mong ta đầu hàng ».

Các tướng-sĩ đứng hầu bên cạnh Nguyễn-Huệ tức-khí vô cùng, đều xin đem ông ra chém tại pháp-trường về tội ngạo-mạn vô-lẽ. Nguyễn-Huệ, sẵn độ lượng bao dung và muốn thu-phục nhân-tài, chỉ cười mà gạt đi : «Thái-độ của Nguyễn-Huỳnh-Đức ta chẳng đáng trách làm gì ! Lời nói thốt ra để tỏ chí-khí của một bậc trung-thần hết lòng thờ chúa đó thôi ! Chết ngay trước mắt mà chẳng nao-núng chút nào, ta thử hỏi các người tấm gương trung-dũng nghĩa-liệt ấy chẳng đáng kính-phục lắm sao ! »

Nguyễn-Huệ đã không nỡ giết và, trái lại ban tặng cho Nguyễn-Huỳnh-Đức vàng bạc châu báu và rất trọng-đãi ông, mong sớm muộn ông sẽ hồi-tâm qui-phục nhà Tây-Sơn. Nào ngờ ông vẫn khăng-khăng một dạ cố tìm cơ-hội thoát thân để phò chúa Nguyễn.

Nhận thấy hồi đó Nguyễn-vương còn ở miền Nam, nếu để Nguyễn-Huỳnh-

Đức ở đây mãi, e khó giữ được sự tâu-thoát của ông, nên Nguyễn-Huệ đem ông ra Bắc-Hà để đánh chúa Trịnh vào năm Bính-ngọ (1786). Dù phải đi ra Bắc ông vẫn nhớ mong chúa Nguyễn, không lúc nào quên... Tâm-sự ông lúc này có lẽ chẳng khác tâm-sự đức Quan-vân-Trường đời (Tam-quốc), tạm phò Tào-Tháo và ông chỉ chờ có cơ-hội tốt là tìm đường theo chúa cũ.

Diệt xong chúa Trịnh, Nguyễn-Huệ rút quân về và giao cho Nguyễn-Huỳnh-Đức giữ chức phó-tướng giúp Nguyễn-văn-Duệ cai-trị tỉnh Nghệ-An.

Hồi bấy giờ có sự bất hòa giữa anh em nhà Tây-Sơn. Nguyễn-văn-Duệ vốn trước là thuộc-tướng của Nguyễn-Nhạc, về sau vì hoàn cảnh bắt buộc phải về làm bộ-tướng cho Nguyễn-Huệ. Cũng vì nhớ chúa cũ, Duệ cũng mong có dịp thoát thân về với Nguyễn-Nhạc.

Khi được Nguyễn-Huỳnh-Đức do Nguyễn-Huệ phái tới giúp việc mình, Duệ nhận thấy Đức là bậc trí dũng và một lòng trung-chính, nên tỏ vẻ tin cậy Đức. Rồi ít lâu đem tâm sự riêng của mình (muốn bỏ Nguyễn-Huệ phò Nhạc) nói thật cho Đức rõ, và còn khuyên Đức nên theo mình về giúp Nguyễn-Nhạc thì mai sau chẳng mất tước công hầu.

Nguyễn-Huỳnh-Đức ngoài mặt tỏ vẻ tán đồng ý-kiến của Duệ, nhưng riêng ông vẫn giữ kín không cho Duệ biết rõ ông là tôi trung-kiên của Nguyễn-vương. Ông giả đồ tuân lời Duệ, tính mưu-kế về phò Nguyễn-Nhạc.

Nguyễn-văn-Duệ tin rằng thật, bèn giao cho Nguyễn-Huỳnh-Đức một đội kỵ-binh 5.000 người, dẫn Đức vòng theo đường núi mà vào Qui-Nhơn, vì Nguyễn-Nhạc đóng quân tại đó. Còn Duệ hẹn sẽ theo sau. Khi Đức phát pháo khởi hành, Duệ tiễn đưa mấy dặm đường và còn ân cần dặn bảo: « Tin cậy ở lòng trung thực của tướng-quân, ta giao cho tướng-quân 5.000 dũng-sĩ, vậy tướng-quân cứ thẳng đường vào Qui-Nhơn trước, rồi ta sẽ theo sau. Khi gặp Chúa-thượng, ta sẽ bảo-tấu rằng tướng-quân là bậc anh-hùng, văn võ kiêm toàn, ắt thế nào chúa thượng cũng trọng-dụng tướng-quân ».

Nguyễn-Huỳnh-Đức ngổ lời cảm tạ và lên đường từ biệt Duệ. Được một tuần lễ, Duệ tiếp được một phong thư của Đức gửi về, đại ý như sau:

« Hễ làm tướng sĩ, ai cũng phải vì chúa nấy. Hiện nay, chính tướng-quân đã tận tâm phò Tây-Sơn, tôi đây cũng phải hy-sinh giúp chúa Nguyễn. Chúng ta ai cũng có chúa nấy, trời đất đã định phần như thế. Về phần tôi, xin thành-

thực cảm ơn tướng-quân đã giúp tôi thoát khỏi Tây-Sơn để được trở về theo chúa cũ... »

... Trước khi dừng bút, xin có mấy lời chân-thành khuyên-nhủ tướng-quân: Ánh quang-minh phá tan bầu hắc-ám, còn chân-lý đánh đổ ý sai lầm. Tôi thiết tha ước mong tướng-quân suy-xét kỹ-lưỡng mà quay về con đường chính-nghĩa.

Cơ trời đã định, một nước đâu có hai vua, thì lẽ nào tướng-quân lại giúp Tây-Sơn mà quên Nguyễn-vương là bậc chân-chúa ? ... ».

Xem xong thư trên, Nguyễn-văn-Duệ giận toát mồ hôi, tự-trách mình sao nhẹ dạ quá tin đề cho Nguyễn-Huỳnh-Đức lừa gạt nỗi mình, lại còn đem theo một đạo binh 5000 dũng-sĩ.

Vội-vàng Duệ đem mấy ngàn quân mã rượt theo, đồng thời phi-báo cho Đức hãy dừng binh chờ Duệ đem thêm quân-sĩ về phò chúa Nguyễn một thể.

Song le, Nguyễn-Huỳnh-Đức, vốn là bậc trí-dũng hơn người, đâu lại không hiểu dụng-ý của Duệ và đâu chịu bị mưu đánh lừa.

Ông liền ra lệnh cho quân-sĩ ngày đêm gấp tròo núi xuyên rừng, đi qua châu Lạc-Hoàn, tắt đường sang đất Vạn-Tượng (tức Vientiane), rồi đi sang nước Xiêm-La (tức Thái-Lan ngày nay) để tìm chúa Nguyễn.

MUÔN DẶM ĐI TÌM CHÚA CŨ

Đường dài hàng ngàn muôn dặm, quanh co vất vả vì rừng thẳm núi cao. Gia-dĩ lương-thực lại vội hết cả, quân-sĩ đã có lần phải dùng lá cây, củ chuối trong rừng để ăn tạm cho đỡ đói. Tương-truyền một hôm binh-sĩ đang đói chưa tìm được cái ăn, bỗng đâu thấy trên đại-thụ giữa rừng có chừng hàng vạn con chim nằm ngủ. Quân-sĩ được lệnh bắn tên, nhưng đàn chim không thấy nhúc-nhích !... Họ bèn trèo lên cây để bắt thì té ra « lá cây tựa như biển-hình con chim » : hai cánh chim là lá, còn đầu và thân thì dính vào cành cây. Những lá này đem luộc cho quân-sĩ ăn ngon như thịt vậy.

Đạo quân của Nguyễn-Huỳnh-Đức càng tin-tưởng rằng lòng trời độ cho họ đi tìm chân-chúa, nên họ càng phấn khởi tiến hành.

Các mừng mán trong rừng vốn chuộng thanh-danh của Nguyễn-Huỳnh-Đức nên đem cơm gạo ra tiễn đưa rất đông. Nhờ thế, không bao lâu ông và quân-sĩ đã lần mò sang đến nước Xiêm, mong tìm chúa cũ.

Cảm lòng trung-nghĩa của ông, thời bấy giờ trong Nam đã có câu hát khen ông rằng :

Ngậm ngùi thay, tôi trung-liệt,

Giữ một tiết ngay ở cùng chúa.

Vẹn-toàn câu chung-thủy,

Đứng ngàn xưa ước có mấy ai! . . .

Rủi thay ! khi sang đến nước Xiêm, ông lại được tin là Nguyễn-vương đã trở về Gia-Định từ năm 1787.

Đằng đằng trong bao nhiêu ngày tháng, ông cùng binh-sĩ chịu bao nỗi gian-lao, đến đây sức tàn hơi kiệt, ông nghĩ đến bước đường sau này, bao xiết lo âu...

Muốn tiến bước nữa, ông phải vào yết-kiến vua Xiêm, xin mượn ít thuyền bè quay về Gia-Định, đề may còn dịp vua tôi trùng-phùng. Song le, vua Xiêm cũng hăm-mộ đại-danh của ông, muốn giữ ông lại đề phò-trợ mình. Ông tỏ lời cảm-tạ, song nhất-quyết không đổi ý thay lòng. Vua Xiêm bèn kiếm cách làm khó dễ, không cho ông mượn thuyền bè. Uất-hận đến cực điểm, ông kêu nài khàn-thiết và thổ huyết đăm-đĩa trước mặt vua Xiêm. Cảm-động vô cùng và biết thế không khuyến-dụ được nào, vua Xiêm mới chịu cấp thuyền bè cho ông về Gia-Định và còn đặt tiệc rượu tiễn-hành.

Không bao lâu, ông và quân-sĩ về tới Gia-Định. Khi được vào bái-yết Nguyễn-vương, thì nổi mừng biết lấy chi cân...! Vua tôi lại tương-phùng, nên Nguyễn-vương cảm-động khôn xiết kể và có phán rằng : « Khanh đã nhiều phen vào sinh ra tử cứu sống ta, nay khanh lại cố tìm về với ta, âu cũng là lòng trời sui khiến, nên ta mới còn hạnh-ngộ gặp khanh.. » Rồi Nguyễn-vương phong cho ông làm *Khâm-sat, Chưởng-cơ quân Trung chi tướng-sĩ*.

GIÚP CHÚA KHÔI-PHỤC GIANG-SƠN

Hồi đó, Nguyễn-Huỳnh-Đức đã 43 tuổi (năm Canh-tuất 1790). Ông lại cùng với bạn bè tướng-sĩ cũ và nghĩa-tử Lê-văn-Duyệt lo việc đánh Tây-Sơn đề giúp chúa Nguyễn trong việc thống-nhất giang-sơn.

Gặp khi có Thái-Bảo Phạm-văn-Tham (vốn là tướng đầu hàng ngày trước) âm-mưu trở về với Tây-sơn, ông được lệnh đi dụ tướng ấy bắt đem về xử-tử tại Gia-Định cho nghiêm quân-lệnh.

Lại gặp khi Lê-văn-Quân bị vây ở Phan-Rí (năm 1791). Ông được lệnh hợp-lực với đạo quân của Nguyễn-văn-Trương và Võ-Tánh đi giải vây và đánh lui được quân Tây-Sơn.

Năm Nhâm-tý (1792), đại binh của Nguyễn-vương tiến đánh Qui-nhơn (lần thứ nhất), đốt phá được thủy-trại của Tây-sơn ở cửa Thị-Nại, còn ông được lệnh cùng với viên Tán-Lý tên là Chiêu, án-thủ Bà-Rịa, sau lại tiến đánh Phố Hải (gần Phan-Thiết), Địch-quân thua trận phải bỏ đồn chạy.

Năm Quý-sửu (1793), Nguyễn-Huỳnh-Đức được lệnh đốc quân vào rừng đốn gỗ đề xúc-tiến việc đóng chiến-thuyền. Sau ông được giữ chức Khâm-sai Chưởng-quân Hữu-quân-dinh, Bình-tây phó-tướng-quân, rồi cùng Tôn-Thất-Hội và Nguyễn-văn-Thành đem bộ binh ra đánh Phan-Rí, tiến phá được Bình-Thuận ; sau thừa thắng đem quân tới Qui-Nhơn, hợp-lực với thủy-quân dần trận vây thành này. Thấy thế nguy, Nguyễn-Nhạc phải cho người ra Phú-Xuân, xin binh cứu-viện. Bấy giờ Nguyễn-Huệ đã mất (vào cuối năm 1792); con là Nguyễn-Quang-Toàn liền cho đại-binh vào giải vây. Nguyễn-vương thấy viện-binh của Tây-Sơn hùng mạnh, liệu chừng giso-chiến không lợi, nên cho rút quân về Diên-Khánh (tức là Khánh-Hòa), rồi về Gia-Định. Nguyễn-Huỳnh-Đức được lệnh ở lại giúp Đông-cung (là Hoàng-tử Cảnh) trấn-thủ Diên-Khánh, nhưng ít lâu lại nhận được chiếu-chỉ về ngay Gia-Định. Quân Tây-Sơn liền kéo tới vây Diên-Khánh. Nguyễn-vương ủy cho Đức giữ Gia-Định và đích-thân đem binh giải vây cho Đông-cung Cảnh. Nghe tin có viện-binh, quân Tây-Sơn bèn rút lui ; nhưng sau khi Nguyễn-vương trở về Gia-Định, tướng Tây-Sơn là Trần-quang-Điệu lại đem đại binh đến vây lần nữa thành Diên-Khánh, đồng-thời phái quân chặn đường cứu-viện ở Bình-Thuận.

Nghe tin cấp-báo, Nguyễn-vương liền sai Tiền-quân Nguyễn-văn-Thành đem 3000 quân giữ thành Bình-Thuận. Thấy quân ít ỏi, không chắc địch nổi đối-phương, Thành không dám đi. Đức liền nói : « Với 3000 quân mà không đủ chống được quân địch ư ? Một trấn Bình-Thuận nhỏ mọn kia làm gì mà giữ chẳng nổi ? Bất luận thắng bại, ta cứ làm trọn nghĩa-vụ của người làm tướng đi ! »

Thấy thế, Nguyễn-vương liền phái ông đứng chỉ-huy việc cầm quân và sai Thành đi phụ-tá.

Khi đến Phan-Rí, tướng Tây-Sơn là Lê-Tụng chặn đường hẻm không cho quân ông tiến lên. Ông đành phải lui về Phố-Hải (gần Phan-Thiết), rồi vì

lượng-thực tiếp-ứng không đều, ông tạm rút quân về Bà-Rịa, và tìm cách tiến binh bằng cách khác.

Được tin, Nguyễn-vương không được hài lòng, song nghĩ rằng Đức cũng như Thành, thận-trọng chưa dám khinh địch, hẳn vì quân-lực còn ít, nên cử Tôn-thất-Hội đem thêm viện-binh để tăng-cường. Nhờ đó, Nguyễn-Huỳnh-Đức có đủ binh-lực trong tay, nên trong lúc giao-chiến đã thắng được quân Tây-Son và giải vây cho Đông-cung Cảnh.

Năm Bính-thìn (1796), Nguyễn-vương thăng cho ông giữ chức Khâm-sai Chưởng-quân Hữu-quân-dinh Bình-tây tướng-quân và đề trấn-thủ đất Diên-Khánh.

Năm sau (1797), Nguyễn-vương cử đại binh ra đánh Qui-nhơn (lần thứ hai) nhưng thấy quân Tây-Son đã phòng-bị chu-đáo liệu đánh không nổi, bèn tiến đánh tỉnh Quảng-Nam. Nguyễn-Huỳnh-Đức có theo giúp Nguyễn-vương trong cuộc tiến-binh này. Được vài tháng, việc tiếp-tế quân-nhu rất khó khăn và không đầy-đủ, Nguyễn-vương đành phải tạm lui về Gia-Định và cho cả Đức theo về.

Năm Mậu-ngọ (1798), nước Xiêm-La bị quân Miến-Điện xâm-lấn; vua Xiêm cho sứ sang cầu-cứu Nguyễn-vương. Tưởng nhớ ơn xưa khi phải lưu-trú ở nước Xiêm, Nguyễn-vương bèn cử Nguyễn-Huỳnh-Đức và Nguyễn-văn-Trương đem thủy-quân sang cứu-viện Song-le, quân ta mới tới đảo Phú-quốc thì được tin quân Miến-Điện đã rút lui. Nguyễn-văn-Trương lại đưa hết thủy-quân cứu-viện trở về Gia-Định, còn Nguyễn-Huỳnh-Đức phải đi luôn tới nước Xiêm, và phải mang quốc-thư sang giao-hiếu với nước này.

Năm Kỷ-mùi (1799), tình thế quân Tây-son đã bắt đầu suy-nhược, nên Nguyễn-vương bắt đầu sửa soạn một cuộc chinh-phát đại-qui-mô. Nguyễn-vương cho tích-trữ lương-thực, tuyển thêm binh lính, và gia phong cho tướng-sĩ, Nguyễn-văn-Thành được phong làm Chưởng Tiên-quân, Võ-Tánh làm Chưởng Hậu-quân, Lê-văn-Duyệt làm Chưởng Tả-quân. Chức cao nhất là Chưởng Trung-quân do Nguyễn-văn-Trương giữ.

Tháng ba năm đó (1799), Nguyễn-vương cử đại-binh (gồm cả quân thủy bộ) đi đánh Qui-nhơn (lần thứ ba). Tháng tư, thủy-quân Nguyễn-vương đã lọt

vào cửa Thị-Nại (1), cách thành Qui-nhơn chừng mười hải-lý. Nguyễn-vương sai Võ-Tánh và Nguyễn-Huỳnh-Đức đem quân lên bộ đóng ở Trúc-Khê. Đồng-thời, Nguyễn-văn-Thành đem bộ-binh ra đánh Phú-Yên, rồi tiến lên tiếp-ứng cho toàn quân của Võ-Tánh đương đánh quân địch ở Thị-Dã và cầu Tân-An. Tướng Tây-Son là Trương-tân-Tị bỏ chạy. Nguyễn-Huỳnh-Đức thừa thắng chiếm lấy thành, bắt được 13 thớt tượng, còn Võ-Tánh bắt được 15 thớt tượng và chém được 2 tướng của địch. Tướng Tây-Son là Lê-văn-Chất bị đại-bại phải qui-hàng.

Sau khi hạ được thành Qui-nhơn, Nguyễn-vương sai Nguyễn-Huỳnh-Đức trở về Định-Trường, giữ gìn trật-tự và sửa sang thành-trị tại Mỹ-Thọ để phòng-bị những cuộc tấn-công bất-ngờ.

Năm sau (1800), khi thành Qui-nhơn bị quân Tây-Son kéo tới vây hãm chặt-chẽ, Nguyễn-Huỳnh-Đức nhận được lệnh phải đóng quân ở đèo Cù-Mông (cách Thị-Nại chừng 30km về phía Nam) để đi giải vây.

Sang năm Tân-dậu (1801), sau khi Nguyễn-vương đã khắc-phục được thành Phú-Xuân (Huế) vào ngày mùng 3 tháng 5 âm lịch (13-6-1801), Đức lại phụng-mệnh quân-lính tất cả binh thuyền đóng giữ cửa Thị-Nại (Qui-nhơn).

TUỔI GIÀ, VẤN LO GIÚP ƯỚC CHẶN DÂN

Năm Nhâm-tuất (1802), Nguyễn-vương, sau khi thống-nhất sơn-hà, (thu về một mối cả Bắc Nam Trung), bèn xưng đế-hiệu, đặt quốc-hiệu là Việt-Nam và lấy niên-hiệu là Gia-Long (Gia-Định cộng với Thăng-Long). Nhà vua bèn lo ngay sửa sang mọi việc trong nước, và đồng thời định tội thường công cho tướng-sĩ. Nhân dịp này, vua Gia-Long phong cho Nguyễn-Huỳnh-Đức tước quận-công, sai đi trấn-thủ thành Bình-dinh và giữ chức Tiên-quân thay Nguyễn-văn-Thành. Trong khi trấn-nhậm ở đó luôn trong 7 năm trời, Nguyễn-Huỳnh-Đức hết sức chăm-lo, cho dân được an-cư lạc-nghịp.

Năm Gia-Long thứ bảy (1808), ông lại hợp-lực với Lê-văn-Chất sửa sang đường quan-lộ từ Quảng-Nam tới Biên-Hòa.

Năm Gia-Long thứ chín (1810), được nhà vua tin trọng, ông được cử

(1) Xem rõ chi-tiết trận đánh cửa Thị-Nại trong bài: « *Tả-quân Lê-văn-Duyệt* » đăng trong Văn-Hóa nguyệt-san số 37 (trang 1472-1473).

làm tổng-trấn Bắc-thành (thay Nguyễn-văn-Thành được triệu về Kinh sung-chức Tổng-Tài). Hiệu lệnh của ông rất nghiêm-minh, nhân-dân ai cũng quý phục.

Năm Gia-Long thứ 11 (1812), ông về Kinh (Phú-Xuân) dự-lễ Ninh-lăng quốc-mẫu là Hiến-Khương Hoàng-hậu. Nhà vua thăng cho ông làm Khâm-sai Chương-Tiền-quân và lại sai ra làm Tổng-Trấn Bắc-thành Năm đó, ông đã 65 tuổi



Chôn-dung Tiên-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức

Ba năm sau (1815), thấy mình tuổi già sức kém và tình thế ở Bắc-thành đã được an-ninh, ông xin cáo-lão về hưu. Nhà vua lại bổ-nhiệm ông làm Tổng-Trấn Gia-Định thành (thay Lê-văn-Duyệt) để cho được gần chốn quê-hương. Chẳng may khi mới về đến Bình-Định, ông bị trọng bệnh giữa đường. Hay tin, vua Gia-Long rất thương cảm, sai trung-sứ tới thăm và cho ở lại săn sóc đến khi ông khỏi bệnh mới được về. Sau khi bình-phục, ông lại tiến-kinh.

Năm Gia-Long thứ 15 (1816), ông vẫn được nhà vua cử làm Tổng-trấn Gia-Định thành và theo lời xin của ông, vua cử thêm một vị trọng-thần là Trịnh-hoài-Đức làm Hiệp-Tổng-Trấn để phụ-tá ông trong việc trị-dân.

Năm Đinh-sửu (1817), ông vừa đúng 70 tuổi. Thấy mình tuổi già sức yếu đi nhiều, ông bèn cho lập sẵn sinh-phần và từ-đường ở tại cố-hương, tức làng Khánh-Hậu (tỉnh Tân-An).

Rồi 2 năm sau, vào ngày mùng 9 tháng 9 năm Kỷ-Mão (1819), ông mất, tinh táo cho tới phút cuối cùng, hưởng thọ 72 tuổi.

Được tin buồn, vua Gia-Long thương tiếc khôn xiết kể, ban cho gia-đình ông vàng bạc tơ lụa để cử hành đám tang thật trọng thể; vua lại ban chiếu-chỉ cho các quan trong triều ngoài trấn và các doanh đi đưa đám. Các quan ở tỉnh-đường và nha-môn đều phải cư-tang 3 ngày; các quan ở trấn Định-Tướng phải về cúng tế tận làng Khánh-Hậu.

Ngoài ra, vua Gia-Long còn truy-tặng cho ông là :

« Duy trung dục-vận công-thần, đặc tiên phụ-quốc Thượng-tướng-quân, Thượng-trụ-quốc, Thái phó Quận-công, thụy Trung-Nghị ».

Năm sau tức Minh-Mệnh nguyên-niên (1820), ông được thờ tại miếu Trung-Hung công thần.

Năm Minh-Mệnh thứ tư (1824), ông được tòng-tự thêm tại Thế-miếu công-thần, được truy-cấp 100 mẫu tự điền ở làng Mậu-tài, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-Thiên. Năm Tân-mão (1831), ông được truy-tặng là :

« Tráng-võ tướng-quân, phong Kiến-Xương quận công ».

MIẾU-DUỆ VÀ TỪ-ĐƯỜNG CỦA BẠC CÔNG-THẦN

Nguyễn-Huỳnh-Đức sinh-hạ được 4 người con trai là :

Nguyễn-huỳnh-Toán, chức Phiêu-ky vệ-úy ;

Nguyễn-huỳnh-Thành, chức Khinh-ky vệ-úy ;

Nguyễn-huỳnh-Nhiên, chức Trung-quân phó vệ-úy ;

Nguyễn-huỳnh-Thỏa, chức Tiên-phong phó vệ-úy.

Năm Gia-Long thứ 17 (1818), nhà vua gả con gái thứ 5, tức công-chúa

Thái-Bình Ngọc-Châu cho Toán (con trưởng của Nguyễn-Huỳnh-Đức). Đến năm Minh-Mệnh thứ 5 (1824), Toán mất và được an-táng tại Phú-Xuân (Thừa-Thiên).



Phần-mộ Tiên-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức
(xã Khánh-hậu tỉnh Tân-An)

Về sau, đến năm Minh-Mệnh thứ 10 (1829) nhà vua gả em gái, tức con gái thứ 13 của vua Gia-Long là Định-Hòa Ngọc-Cơ cho Thành, là con thứ hai của Nguyễn-Huỳnh-Đức. Ba năm sau (1832), Thành mất và được an-táng tại Đông-Xuân (gần Huế). Hiện giờ, còn đền thờ Ngọc-Cơ và Thành ở Thừa-Thiên. Ngày nay, chính cháu 4 đời của Thành (tức là cháu 5 đời của Nguyễn-Huỳnh-Đức) tên là Nguyễn-huỳnh-Tân trông nom việc phụng-sự tại từ-đường đức Kiến-xương quận-công tại làng Khánh-Hậu (Tân-An).

Ngoài 4 con trai đề nói trên, Nguyễn-Huỳnh-Đức có nuôi một người con nuôi là Nguyễn-huỳnh-Phò (chính tên là Nguyễn-đình-Phò). Phò đã lập được nhiều công-trạng từ đời vua Gia-Long, nên về sau, đến năm Minh-Mệnh thứ 5 (1824) được vua phong làm Ninh-Thái Tổng-Đốc (tức Tổng-Đốc Thái-Nguyên và Bắc-Ninh).



Như trên đã nói, từ-đường lập ra để thờ đức Tiên-quân Kiến-xương quận-công ở làng Khánh-Hậu (Tân-An); gần đây trải bao phen binh lửa, quang cảnh trông có vẻ điêu-tàn, may nhờ chính phủ hiện-thời lưu tâm săn sóc và cho tu-bổ lại, nên cũng giữ được phần nào vẻ nguy-nga tráng-lệ của thời xưa (1).

(1) Sau khi qui-hóa, đức Tiên-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức rất hiển-linh. Theo lời tường-thuyết của Ô. Nguyễn-huỳnh-Tân, (cháu 5 đời của ngài), ở nơi từ

Nơi này, còn ghi lại mấy câu ca tụng công-đức của Tiên-quân Nguyễn-Huỳnh-Đức.

I. — Thất thập hữu nhị thu, trung hiếu nhất sinh thụ lập ;
Cửu nguyệt trùng dương nhật, thọ ninh ngũ phúc thủy chung.

tạm dịch là :

Trong bảy mươi hai năm, một lòng xây dựng đạo hiếu-trung,
Đến ngày mồng 9 tháng 9, trước sau hưởng trọn cả ngũ-phúc.

II. — Tiên hữu nhị tướng quân, lục sư soái lệnh ;
Bắc Nam tam tổng trấn, vạn lý binh quyền.

tạm dịch là :

Hai lần giữ chức Tiên-quân và Hữu-quân, cầm quyền soái-lệnh quân-sĩ ;

đường thờ ngài, sau hương án, có kê một chiếc sập nguyên tấm rất lớn, bằng gỗ sao, bề dài 3 thước 4, bề ngang 1 thước 3, bề dày 1 tấc 8 phân, xưa kia lúc sinh tiền ngài vẫn nằm nghỉ, nay dùng làm sập thờ, không một ai dám nằm ngồi cả.

Hồi năm 1880, tại vùng Lương-Phú có cuộc khởi-nghĩa của ông. Ông nổi lên chống Pháp, Tổng-Đốc Trần-bá-Lộc được lệnh của Pháp đi tiêu-trừ. Khi qua làng Khánh-Hậu, liền vào miếu-đường thờ đức Tiên-quân để thăm-nã nhân-dân đem về tra khảo. Vốn theo đạo Thiên-chúa, Lộc có lẽ không tin-trởng thần-minh và ngang-nhiên ngồi chễm-chệ trên bộ sập thờ đức Tiên-quân. Trong khi đó, cháu chất đức Tiên-quân phải ra làm lễ bái-kiến Trần-bá-Lộc. Đương vật-vèo người ngồi trên bộ sập thờ để nhận lễ, Lộc tự nhiên sầm tối mày mặt và té nhào xuống đất như trời giáng, mê-mán bất-tĩnh. Lĩnh hầu hốt-hoảng vội khiêng Lộc sang nằm giường bên cạnh, cố gọi Lộc cho hồi tỉnh. Một lúc lâu, mặt mày tái sạm, Lộc mới tỉnh dậy, thuật lại cho mọi người đứng chung quanh : « Ta không hiểu sao đương ngồi trên sập, bỗng thấy chùng năm, sáu người thị-vệ của đức Tiên-quân, hăm hăm đến bắt ta, nói rằng vâng lệnh ngài lời ta đem đi trảm quyết. Ta cố vùng-vẫy mãi té xuống đất, rồi tỉnh dậy ». Rồi Lộc lại nói tiếp : « Ta xưa nay một tay đánh Nam dẹp Bắc, giết người như phạt cỏ, không nề một ai. Đến đây là lần thứ nhất, ta đâm kinh hoàng và phải kiêng sợ bộ sập anh-linh của đức Tiên-quân vậy ».

Ba lần làm tổng trấn Bắc-Thành và Gia-Định, giữ binh-quyền trong vạn dặm.

III. — Trung nghĩa can-trường, long hồ phong vân đỉnh hội ;
Anh hùng mi mục, Xiêm, Miên, Lào Miến tri danh.

tạm dịch là :

Tám lòng trung-nghĩa, và can-trường của ông có thể đem sánh với các long-hồ và phong-vân hợp lại ;

Một vị anh-hùng tài trí như ông đã được vang danh tới nước Xiêm-la, Cao-Miên, Ai-Lao và Miến-Điện.

IV. — Bạch-nhật quán tinh-trung, phân-phó thần-minh phò phúc.

tướng ;

Hoàng-thiên tri nghĩa-liệt, hậu tướng tước xỉ đáp thành thần.

tạm dịch là :

Vàng bạch-nhật rạng tỏ tám kiên-trung, trao phó thần-minh giúp cho vị tướng có phúc ;

Đức hoàng-thiên thấu rõ lòng nghĩa-liệt, ban thêm cho tước xỉ đền đáp bậc tôi thành.

Và sau hết, xin chép bài thơ cung-vịnh của bạn Hoài-Quang, tưởng-niệm một bậc danh-nhân của đất Nam-Việt :

Nguyễn-triều hồ-tướng có Tiền-quân,
Thao-lược gồm tài, đủ trí-nhân.
Nghĩa-dũng hơn người, quân-địch trọng,
Trung-kien nức tiếng, nước ngoài thân ;
Trước sau làm tướng tài phò chúa,
Nam Bắc cầm quyền khéo trị dân.
Lặng miếu trời Nam hương khói ngát,
Ngàn thu đất nước nhớ ghi ân.

HUNG-VIỆT



TẠI SAO NGƯỜI CHÀM BÀ-NI KIÊNG THỊT HEO VÀ THỊT NHÔNG ?

BỔ-THUẬN
và NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

Người Chăm theo đạo Bà-ni (hay đạo Hồi-hồi) suốt đời kiêng thịt heo và thịt nhông (1). Sự kiêng cử đó không phải không có lý-do. Những câu chuyện ghi trong kinh sách của họ có thể giúp ta tìm hiểu được một phần nào những tục lệ này.

I.— TRUYỆN TU-TRU' HAY TỤC KIÊNG THỊT HEO.

Ngày xưa lúc đạo I-sa-lam (2) mới ban hành, tiên-cô Phoa-ta-mứ con của lão-tổ Ra-sô-la vâng lệnh thánh Âu-lóa (3) xuống trần để mở rộng đường hoằng pháp. Sau một thời-gian hạ giới nàng kết-duyên với ông A-li. Hai ông bà ăn ở với nhau được bảy năm trời và sinh được hai quý nữ. Nàng cả sinh ngày thứ hai mồng ba tháng bảy năm con mèo (lịch Chăm), đặt tên là Liêm-Thanh. Nàng thứ sinh ngày thứ năm mồng hai tháng 12 năm con rắn (lịch Chăm), đặt tên là Liêm-Thai.

Nàng thứ vừa được tròn bảy tháng thì thiên-đình có hội chư-tiên. Riêng nàng Phoa-ta-mứ thì hạn kỳ đã mãn nàng được lệnh gọi về trời. Lúc thiên-sứ xuống tới, báo tin nàng bán-khoản quá. Không nghe lệnh trời không được mà nếu vâng lệnh thì tình nghĩa vợ chồng đang nồng ấm, lại thêm hai trẻ thơ còn măng sữa lấy ai là người bú mớm. Nàng đành liều xin thiên-sứ trở về tâu cùng thánh Âu-lóa cho nàng được ở lại trần nuôi con cho đến ngày khôn lớn rồi sẽ về phục lệnh. Thiên-sứ trở về, đem hoàn cảnh của nàng ra bẩm cùng thánh Âu-lóa. Ngài nghe xong phán rằng đại-hội chư tiên không thể

(1) Một loại bò sát giống như con mối, thạch thùng nhưng lớn.

(2) Hay đạo Hồi-hồi.

(3) Thành Allah của đạo Islam.

thiếu mặt ai được. Ngài ban truyền cho thiên-sứ tái hạ trần dạy cho A-li cách làm 37 thứ bánh trong đó thứ làm nhiều nhất là bánh trắng (bánh đa) để dỗ ấu-nhi lúc nhớ mẹ khóc và phán bảo tiên-nữ phải về thượng-giới ngay để lĩnh các bảo-vật như nệm gấm, mâm vàng chén ngọc của ngài ban tặng.

Thế là nàng đành nuốt lệ từ biệt chồng con để về trời. Trước khi chia tay, nàng còn dặn lại rằng :

« Các thứ bánh thiếp đã làm nhiều đề sẵn, khi nào con khóc thì chàng lấy ra mà dỗ chúng chứ đề chúng khóc hoài, thiếp ở trên thượng-giới cũng không yên dạ ».

Khi nàng đi rồi mấy hôm, đầu chàng còn đem bánh ra dỗ được... đến mấy bữa sau thì dỗ thế nào đứa trẻ cũng không nín được.

Cực chẳng đã chàng phải ra giữa sân, quay về phía đông cầu cứu vợ.

Nàng nghe tiếng khóc của con đã đau lòng như cắt lại thấy lời chồng thì xúc-dộng tâm can, nàng liền đem sự thể trình thân-phụ để ngài nói giúp cùng Âu-lóa.

Nghe lời thỉnh cầu của lão-tò Ra-sô-la, thánh Âu-lóa liền sai Tu-Trư, một vị thần nguyên là loài heo đã tu thành chính-quả, xuống trần để thay tiên-nữ Phoa-ta-mư cho hai con nàng bú.

Tu-trư phụng mạng xuống trần và từ đó hai ấu-nhi khỏi khóc vì khát sữa, nhón lên như thôi.

Vì thần heo đã có công nuôi dưỡng Liêm-Thanh và Liêm-Thai nên A-li bắt hai con phải coi Tu-Trư như mẹ, sống phải hầu hạ, chết phải phụng thờ. Lại cấm không được ăn thịt heo, vì ăn thịt heo cũng như là ăn thịt mẹ mình.

Từ đấy những người đồng đạo bắt chước và không bao giờ dám giết heo ăn thịt nữa.

II.— TỤC KIÊNG THỊT NHÔNG HAY LÀ TIÊU-SỬ MA-HÂM-MÁCH

Ông Ma-hâm-mách, có sách Châm còn viết Mu-hâm-mách chính là chữ Mahomet của Hồi-giáo phiên âm ra tiếng Châm. Tiêu-sử Mahomet, người sáng-lập ra đạo Hồi, các sách báo đã viết rất nhiều rồi. Ở đây chúng tôi chỉ dịch tiêu-sử của Mahomet theo một sách Châm thôi để đọc-giã có thể so sánh với các tài-liệu khác.

Thánh Ma-hâm-mách sinh ở Ma-cá (1) xứ Á-rập là con ông A-đu-La và bà A-dăm. Mẹ ông có mang được ba, bốn tháng thì cha ông qua đời. Năm ông lên sáu thì mẹ ông cũng qui tiên, ông được bà dì mang về nuôi. Ông lại bị đau yếu luôn, hết bị đau đầu lại bị bệnh siễn, mỗi khi đến cơn thì thở như lạc-đá vậy.

Năm ông 25 tuổi, ông kết-duyên với nàng Ca-di-a con ông A-ba-du-bơ-xên, một nhà khá-giả ở thành Ma-cá. Người vợ này hơn ông chừng 15 tuổi và sinh với ông được 3 người con. Con gái đầu lòng là Pha-ti-ma, con trai thứ là A-li và trai út là Duy-đa.

Từ khi lấy được vợ giàu, ông mới an nhàn mà nghĩ đến việc đời, xây dựng Hồi-giáo để cứu nhân độ thế. Tuy ông không được thông minh lắm nhưng năng suy nghĩ nên vẫn thành công trong công cuộc tìm một lối thoát cho đời sống tinh-thần của con người.

Tục truyền rằng ngày ấy ông đi ngao-du trên sườn núi Hia-ra, đến một chỗ có nhiều hang hốc, tự nhiên ông bủn-rùn chân tay, la lên một tiếng, vợ và trở về và đem chuyện ấy nói cho vợ nghe, nàng cho là điềm lành và bảo chú có lo ngại gì cả.

Quả nhiên mấy hôm sau, khi ông đến đấy lại bủn-rùn chân tay tưởng chừng sa xuống hố thì bỗng nghe tiếng nói :

« Ta là thiên-sứ, vâng lệnh thánh Âu-lóa xuống đây ban phép nhiệm mầu để tế thế ».

Ông vâng lời chỉ giáo và bắt đầu đem đạo I-sa-lam ra truyền-bá.

Lúc đầu dân chúng không theo. Sau vì trời hạn hán, dân-chúng cầu đảo thế nào cũng không mưa. Ông bèn mặc áo thầy tu ra đứng giữa trời cầu cho mưa xuống. Tự nhiên mây kéo đen ngịt và mưa như trút nước.

Từ đó dân chúng mới tin và bắt đầu theo. Các tín-dồ ở Á-rập mỗi ngày một đông. Ảnh hưởng của Hồi-giáo lan từ Ma-cá sang Ma-đa-na. Tới Ma-đa-na thì có sự xích-mịch với Cô-rơ-ra-lam và bị ông này đánh đuổi ra khỏi Ma-đa-na mà phải trở về Ma-cá. Thế rồi sau đó bên Ma-đa-na lại đem hơn 10.000 quân sang vây thánh-tự ở Ma-cá và gọi Ma-hâm-mách ra đối địch.

Ông phải cùng các tín-dồ chạy vào sa-mạc. Đi được mấy hôm bụng thì đói, dạ lại khát, nhiều người đã ngã gục bên đường. Chính ông Ma-hâm-mách cũng bị thương ở chân nhưng cũng phải cố-gắng giấu các tín-dồ đi cho tới lúc không ai còn sức đi thêm nữa.

(1) La Mecque

Bất tình linh có một con heo rừng chạy ra. Vài người cố-gắng dùng tàn lực đuổi heo để kiểm thức ăn cho đỡ đói. Heo chạy tới một chỗ rồi cứ đứng úi đất... cho tới lúc từ dưới có một con nhông chạy bề ra và nước ở trong lỗ nhông vừa chui chảy ra như suối. Đoàn người đang khát thấy nước mừng quá, kéo nhau đến uống và tự nhiên thấy khoẻ mạnh ra, do đó mới khỏi chết đói chết khát trong sa-mạc.

Và từ đó họ cho rằng heo và nhông kia chẳng phải là giống tầm thường. Chúng chính là sứ trời sai xuống để cứu họ trong lúc lâm nguy.

Vì thế họ kiêng thịt heo và thịt nhông từ đó. Sau ngày thoát nạn đó, Ma-hãm-mách lại truyền đạo xa rộng hơn xưa. Thanh-danh ngài lừng lẫy khắp địa-cầu.

Ông có tất cả 12 vợ, trong số 12 bà này chỉ có 4 bà chịu theo đạo Lama-lam thời, 7 bà khác đều ngoại đạo cả.

Ông thọ được 60 tuổi thì mất.

BỐ-THUẬN
và NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

BỔ CHÍNH

Bài « Lạc mai-hoa và Mai-hoa lạc » đăng trong Văn-hóa nguyệt-san số 52 vừa rồi, có in sót mấy chữ *giả* ở trang 727, xin đính-chính như sau :

Cúc : hoa chi ẩn dật *giả* dã.

Mẫu đơn : hoa chi phú quý *giả* dã.

Liên : hoa chi quân tử *giả* dã.

Ngoài ra tên tác-giả bài « *Ai liên thuyết* », chúng tôi đã viết là Chu Thuán Hy mà không viết là Chu Đôn Di, là vì chúng tôi căn cứ sách « *Tường đính cổ-văn bình chú* » quyển 8, trang 15, trong bài « *Ai Liên thuyết* ». Sách này in tại Kim-ngọc-Lâu, đường Phước-Lộc, trấn Phật-Sơn, năm thứ 7, niên-hiệu Đồng-Trị (1868) đời nhà Thanh, Lưu-Dự-Am tiên-sinh giám định.

Theo sách này, chữ thứ hai trong tên của Chu tiên-sinh viết :

悖 (bên tâm bên hướng), chứ không viết chữ Đôn 敦 (bên hướng bên vẫn). Theo Tự-Điền Khang-Hy, thì chữ « bên tâm bên hướng », có những 3 cách đọc :

Đồ còn thiết, âm là đôn 敦

Chu luân thiết, âm là chuán 諄

Thù luân thiết, âm là thuần 純

Tự-điền Khang-hy lại dẫn « lễ-nhạc-ký : nhạc giả đôn (敦) hòa. Chú : tác悖, âm thuần 純, thông tác thuần 醇. Đại ý nói : chữ敦 làm chữ悖, âm là thuần, và đều thông dụng làm chữ thuần 醇. (禮樂記 : 樂者敦和. (註) : 作悖, 音純, 通作醇).

Và trong sách « *ngũ-bút kiểm-tự học-sinh tự-điền* 五筆檢字學生字典 của Trần-lập-Phu, thì chữ悖 cũng âm là thuần và âm là đôn.

Nói tóm lại chữ悖 có thể đọc là thuần, hay là đôn, là chuán, đều thông dụng cả.

Còn chữ Di mà đọc là Hi, là vì các nho-gia nước ta, theo một thông-tục, khi gặp tên những bậc Thánh-hiền chẳng hạn như Chu Đôn (Thuán) Di, hoặc vua chúa, hoàng-hậu, tiên-tổ... thường phải « lâm độc tị âm » (đọc tránh tên húy).

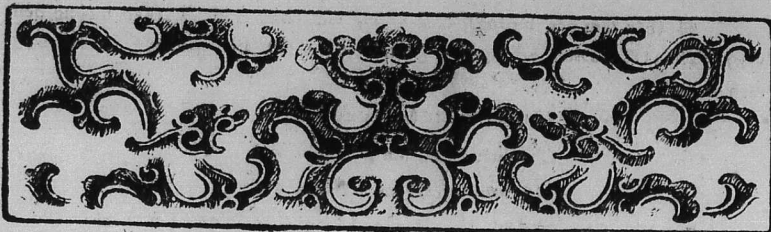
Việc đó không lấy gì làm lạ, như những danh-từ sau đây :

Hột (Thúc Lương Hột)	đọc trại là	Ngột
Ni (Trọng Ni)	—	Nê hoặc Kỳ
Khuru (Không Khuru)	—	Khâu
Ánh (Nguyễn Ánh)	—	Ừng hoặc Yềng
Hoa (tên vợ vua Minh-Mạng)	—	Huê hoặc Ba
Tông (Miên Tông: tên vua Thiệu-Trị)	—	Tôn
Hồng Nhậm (tên vua Tự-Đức)	—	Hường Nhiệm (1)
Thì (Nguyễn Phúc Thì : tên vua Tự-Đức khi lên ngôi)	—	Thời

Chưa kể một số chữ Hán đã bị Việt-Nam hóa như : quan li đọc quan lại, thái tề đọc thái-tây, v.v. . . .

TÂN-VIỆT-ĐIỀU

(1) Hoặc là Hồng phải đổi ra Cung.



LẠC LỐI TRẦN GIÀN

hay là

TIÊN VÀ TỤC

(Kịch thơ 3 màn)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 49)

ĐÌNH-HÙNG

LỚP II

Giáng Tiên — Tiều Phu

rời Hầu Nô

Giáng Tiên (ngửa mặt nói lên trời)
Hai chị chờ em vời!

Tiều Phu (cười)
Trời xanh cao vời vọi.
Cánh dâu nữa mà bay!

Giáng Tiên (vẫn ngửa mặt lên trời)
Giao Tiên ơi! Ngọc Tiên ơi!
Sao đã vọi về trời?
Còn lại đây cô độc một ta thôi!

Tiều Phu Một mình cô vời mình tôi
Cô đơn dâu nữa? Thành đôi rõ ràng...

Giáng Tiên Hãy trả cánh ta đây,
Đề ta về tiên giới!

Tiều Phu (bịu môi)
Cô bé này ăn nói
Giọng cứ như hát hay!
(nhại)

« Hãy trả cánh ta đây

Đề ta về tiên giới! »

Thôi! Xin cô gắng đợi,
Cho ta nghĩ... vài ngày...

Giáng Tiên Trả cánh ta! Bàn tay người đen thề
Chớ làm nhơ màu tuyết gợn băng sương!

Tiều Phu (xòe bàn tay cười)
Bàn tay ta đốt than rừng chuyên nghề,
Tay tiều phu đen bần vốn là thường,
Nhưng còn cô — Thưa cô nàng kiêu lệ,
Cô làm gì với đôi cánh thơm hương?

Giáng Tiên Vời đôi cánh, ta nhón như bay lượn,
Cùng chư tiên say múa khúc nghệ thường,
Ta như đàn bướm
Mừng ánh chiều dương.
Vượt bốn biển, qua mười phương gió lộng,
Ta ca ngợi tự do và nguồn sống
Muôn năm trên cõi Thiên đường...

Tiều Phu Múa vời hát dâu phải là công việc?
Chẳng cần cô, trái đất vẫn xoay vần.
Cô chẳng ca, trời vẫn có mùa xuân,
Cô chẳng hát, người cõi trần vẫn sống...
Lũ chúng ta chẳng cần thơ vời mộng,
Chỉ trau dồi sức mạnh của đôi tay:
Làm việc không ngừng là khẩu hiệu nơi đây...

Giáng Tiên Hỡi bọn người ngu muội,
Người hiểu nhầm lũ ta trên tiên giới.
Chúng ta vui mà sống, chẳng làm than,
Hết kiếp gian lao, vắng cảnh cơ hàn.
Chúng ta sống tự do mà hưởng thụ,
Làm việc mà chơi, chơi mà no đủ,
Người non tiên đâu phải chỉ nhàn du ?

Tiêu Phu Không nhàn du, nhưng mà vẫn nhàn cư,
Và nhàn hạ... cho nên nhiều ảo vọng...

Giáng Tiên Thôi trả cánh ta mau, đừng hý lộng
Ta hơi đâu cãi lý với nhà người ?

Tiêu Phu Ồ! Tiên gì mà nói chuyện chẳng địu lời ?

Giáng Tiên Nhưng cánh của ta, sao mi không trả ?

Tiêu Phu (hai tay cầm cánh dấu về phía sau lưng, cười khẩy)

Hừ! Cô em nói lạ!
Người cung tiên mà ngôn ngữ hồ đồ!
Thưa rằng: cánh ấy của cô,
Nhưng tôi bắt được.. tôi cầm tù nó chơi!
Hôm nao gió thổi đẹp trời,
Thì ta lấp cánh vào người, ta bay...

Giáng Tiên Phờng tục tử! Đòi bàn tay như bàn
Dùng làm sao được cánh của tiên nga ?
Lòng thế nhân đầy dục vọng xấu xa,
Thề xác nặng kéo linh hồn xuống thấp.
Cánh băng tuyết, người chớ đem vùi dập!

Tiêu Phu (cười)
Mặc dầu ta chẳng biết bay,
Nhưng ta cũng giữ cánh này làm duyên...
(vượt về đời cánh)
Ồ! Cánh thơm như hương phấn ảo huyền,
Ta muốn giữ, bèn mình làm kỷ niệm.

Giáng Tiên Thôi, người đừng nói phiếm,
Hãy trả cánh cho ta!
Mây chiều lấp bóng cung nga,
Đường về tiên giới còn xa muôn trùng.

Tiêu Phu Chẳng về được tiên cung,
Thì cô nàng ở lại
Cùng ta giữa núi rừng
Xây mộng vàng ân ái.
Ta ở đây giữa núi rừng man dại,
Ngày cô đơn nghe tiếng vượn kêu sâu,
Đêm âm thầm nhìn trăng lạnh canh thâu,
Cơn gió thoảng cũng khiến lòng thao thức.
Và trăng gió như đồng tình thúc giục,
Như xui ta tìm bạn, kết duyên rong,
Thôi nàng ơi! Hãy lia bỏ thiên đường,
Thử ở lại cùng ta làm tục khách.

Giáng Tiên Lòng tiên nữ lằng lằng trinh bạch,
Ta phiêu diêu không đoái tưởng duyên trần.
Chốn Ngọc Đình, vĩnh viễn thăm hồn xuân,
Ta sung sướng nhớn nhợ quên tình ái.

Tiêu Phu Chốn Ngọc Đình, tuy hồn xuân thăm mãi
Nhưng vẫn buồn vì thiếu mộng yêu đương.
Đáng thương người cõi thiên đường
Muôn năm chẳng biết mùi hương ái tình.

Giáng Tiên Tinh thượng giới anh linh và huyền diệu
Là Tinh Thương cao khiết thăm muôn loài,
Chẳng phù du như duyên kiếp trần ai,
Không vương mắc niềm say mê vẩn đục.
Lũ các người đắm chìm trong biển dục,
Tay cưỡng si tự trói buộc linh hồn.
Ta ngao du qua mười ngọn Bồng-Sơn,
Lẽ nào để một chiều vương tục lụy ?

Tiêu Phu (về cung kính một cách chế nhạo)
Lòng tiên tử thực vô cùng thanh quý,
Tay phàm phu đâu dám níu hương trời?
Nhưng, cô nàng kiêu hãnh tuyệt trần ơi!
Nơi rừng núi hoang vu và man rợ,
Có làm chủ hay là tôi làm chủ?
Ta với nàng; Tiên, tục cũng là duyên...

Giáng Tiên
Ta đã có lời nguyện
Không sống dưới trần gian đầy tội lỗi!
Mộng các người đỏ màu hoa dữ dội,
Mất các người bừng khát vọng ngông cuồng.
Tay các người hằng bóp nát Tinh Thương,
Ta linh cảm: là đây miền u. ngục,
Thú tính vùng lên hát cùng vật dục.

Tiêu Phu (giơ tay)
Khoan đã nào! Khoan đã! Gỡm cô em!
Phải chăng cô vừa hát khúc êm đềm,
Nhạc tiên giới rót vào tai trần tục?
Thưa với cô em — và xin thưa rất thực,
Có là tiên, là phật hay là trời,
Nhưng cô chưa được làm người, vẫn xương!
(Làm bộ quay mặt đi, thỉnh thoảng bước mấy bước)

Giáng Tiên (chạy theo)
Trả cánh ta đây!
Đề ta về cõi Thiên Đường!

Tiêu Phu (quay lại cười)
Thưa với tiên nương,
Làm tiên, sao chẳng yêu đương?
Vắng mùi trần tục, Thiên Đường cũng hư!
(giơ cánh lên ngắm)
Cánh này gió đây, mây đưa,

Lọt vào tay gã tiêu phu mất rồi!
Cánh này ta không trả,
Ta sẽ giấu một nơi...
Bởi vì còn trái tim ai,
Ta mong chiêm nốt, kéo hoài mắt xuân!

Giáng Tiên (giận dữ)
Hỡi gã tiêu phu! người chó lùn khản!
Tấm thân ta ngọc xáy và tuyết đọng,
Hồn cầm thạch tuyết với trăng giải bóng,
Trái tim này nguyên vẹn khối lưu ly,
Lạc vào tay phường dung tục, ngu si,
Tránh sao khỏi vàng tan, ngọc vỡ?
Thôi! Trả cánh ta mau! Đừng giả ngộ!
Ta van xin, ta cầu khẩn nhà người!
Trả cánh ta! Xin ghi tạc ơn người!

Tiêu Phu (lắc đầu)
Không, ơn nàng ta chẳng lấy!
Ta chỉ lấy cánh này!
Và... trái tim nàng, ta muốn giữ trong tay.
(quay đi vài bước)

Giáng Tiên (hoảng hốt chạy theo)
Ô hay kia! Trả cánh ta đây!
Hỡi gã tiêu phu tàn nhẫn!

Tiêu Phu (vỗ tay ba lần, cất giọng ngân dài)
Ở Hào Nô! Hãy rời nơi trú ẩn,
Đưa cô nàng về ngự dưới lều tranh!

(Một con khỉ to lớn ở sau bụi cây nhảy ra, giang tay chồm vào trước mặt Giáng Tiên, dáng điệu ẻo lả, thỉnh thoảng nhăn nhó rá lên mấy tiếng the the)

Giáng Tiên

(che mắt lại)

Trời ơi! Loài quỷ dữ rừng xanh!

(Bỗng ngáng đầu lên nhìn theo Tiều Phu, thấy Tiều Phu đã cầm
cánh của mình chạy xa, vội vã chạy theo, vừa vẫy vừa gọi)

Cánh của ta đâu? Hỡi người hung bạo!

Trời ơi! Cánh trắng của ta!

(Giáng Tiên tắt tà chạy vào. Con khỉ cũng chạy theo)

Màn hạ nhanh

(còn tiếp)

ĐINH-HÙNG

GIẢI THƯỞNG TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN

Từ nay Tự-Lực Văn-Đoàn lại tiếp tục tặng Giải Thưởng văn-chương
hàng năm — Trong ba năm đầu sẽ có :

Giải Thạch-Lam về Truyện ngắn năm 1961

Giải Khái-Hưng về Truyện dài năm 1962

Giải Hoàng-Đạo về Khảo-Luận hay Thơ năm 1963

Mỗi giải 20 000\$

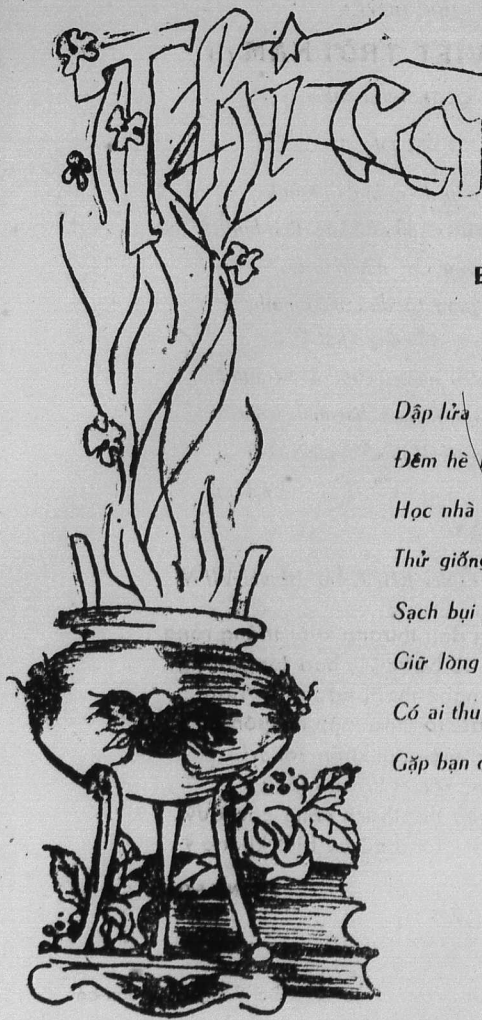
Tặng những Văn-phẩm chưa xuất-bản hoặc đăng báo.

Một tháng sau khi gửi, tác-giả có quyền xuất-bản, đăng báo văn-phẩm
của mình đã gửi dự thi. Văn-phẩm trúng giải hoàn toàn thuộc quyền
tác-giả.

Muốn có đầy đủ chi tiết xin gửi thư tới :

Ông Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam

Số 39 Chợ An-Đông Sài-gòn.



BẾN SÔNG ĐÊM NGỒI CÂU

Dập lửa kim-ô, mở quạt trời,

Đêm hè ngồi mát thả câu chơi...

Học nhà đạo-dức khi xem nước,

Thử giếng tham-ô lúc dớp mồi.

Sạch bụi lợi-danh cơn gió thoảng,

Giữ lòng trinh-bạch bóng trăng soi.

Có ai thuyền dộng qua sông Vị:

Gặp bạn câu xưa nhận mấy lời...

Á-NAM

ĐỌC QUYỀN

ĐẤT VIỆT TRỜI NAM (1)

của Ô. Thái-Vân-Kiểm

CẢM Ễ

Bốn ngàn năm lễ giếng tinh-anh,
Riêng một non sông hưởng thái-bình.
Đất Việt vững xây nền đạo-lý,
Trời Nam rạng tỏ đức văn-minh.
Tờ-tiên bao quản công khai-khắc,
Con cháu đâu ngừng cuộc đấu-tranh !
Rời Bắc, Trung, Nam hai mấy triệu,
Cùng nhau tô-điểm sử quang-vinh.

Á-NAM

CẢM-TƯỞNG KHI NẪM BỆNH-VIỆN

Bệnh-viện đau-thương suốt tháng ròng,
Sa chân, lỡ bước (2), hóa long-đông.
Hoa-Đà, nghệ-thuật ngang trời đất,
Biển-Thước, tài-hoa dậy núi sông.
Sáu khắc, mê-man khôn rỗi trí,
Năm tuần, rên-rỉ há sồn lòng.
Càng nhiều thử-thách càng cao quý,
Hỡi khách giang-hồ có biết không ?

THANH-SƠN

(1) Cuốn « Đất Việt trời Nam » do Ô. Thái-Vân-Kiểm, bản-báo chú-bút trước-tác, sắp xuất-bản nay mai.

(2) Ngã, bị thương.

VŨ-TRỤ VÀ NHÂN-SINH

Vũ-trụ nguyên lai chỉ bụi hồng,
Hóa-công chế hóa, hóa kỳ-công.
Muôn vàn vật-loại muôn màu dáng,
Mấy tỷ sinh-linh mấy mặt lòng...
Voi cỏ nhân chia thành diệu toán,
Phúc phần trừ cộng cực thần thông.
Tư mùa vận-chuyển không hơi tiếng,
Vạn loại sinh-sinh mãi chẳng cùng.

o°o

Vạn loại sinh-sinh mãi chẳng cùng,
Tha hồ vùng vẫy khoảng mệnh mông.
Thế-gian trải đến thời Bàn-cổ,
Nhân-chúng lần lên bậc Chủ-ông.
Vận-dụng tâm-linh điều sự vật,
Phát-huy văn-hóa thống tây đông.
Tam-tài liệt hạng cùng Trời Đất,
Bản-ngã vươn lên tới Đại-Đông.

TỔ-NGUYỄN

NGUYỄN-THỌ-DỰC

MỸ-CHÂU TRỌNG-THUY

(Tiếp theo V.H.N.S. số 52)

Nhân khi vắng vẻ trướng đào,
Tỉ-tè mới hỏi Mỹ-Châu nô thần.
Phu-thê nghĩa nặng ân cần,
Lang quân há phải là quân bạc tình.
Móng rùa đời chác đã thành,
Mỹ-Châu nàng hỏi vô tình có hay !
Cánh hồng chàng cũng cao bay,
Giã nhau còn hỏi đến ngày gặp nhau.
E khi nước lửa binh đao,
Đường quanh nẻo tắt lối nào tìm nhau ?
Ngáy thơ nàng có biết đâu,
Biết đâu chước quỷ mưu sâu mà lường.
Thưa rằng : lòng ngỗng đưa đường,
Áo nga-mao đó xin chàng nhớ cho.
Biết bao ân ái ái hẹn hò,
Quan sơn muôn dặm ngàn ngo tiền hành.
Chàng từ nhẹ gót qui ninh,
Hiếu cha cũng nặng mà tình cũng thương.
Móng rùa dâng tới phụ-vương,
Triệu-Đà mừng rỡ vội vàng xuất quân.
Thục-Vương cậy có nô thần,
Chẳng lo phòng bị chẳng cần sửa sang.
Đến khi thế giặc lan tràn,
Móng rùa giả hiệu hết đường linh thiêng.
Giang-son gặp lúc ngựa nghiêng,
Vị ai gây sự đảo điên nước nhà ;
Vị ai gây việc can qua,
Thân gia mà hóa oan gia rõ ràng.
Thục-Vương bỏ cả ngai vàng,
Đem con lên ngựa tìm đường ruổi rong.
Đang khi giặc đuổi đường cùng,

Thần qui hẳn cũng thấu lòng hiện ra.
Thưa rằng : giặc ở đâu xa,
Ngay sau lưng đó phải mà tìm đầu.
Nhà vua nhìn lại Mỹ-Châu,
Giặc chiêm bao vọt bắt đầu tỉnh ra.
Chẳng cần nghĩ ngợi gần xa,
Rút ngay kiếm báu day qua chém liền.
Máu hờn bãi cát trên miên,
Thục-Vương cũng đã theo miền thủy-cung.
Xưa nay mệnh bạc má hồng,
Sắc tài chi để cực lòng lấm thây !
Mùi đời đắng chát chua cay,
Tình đời bạc bẽo có hay chẳng là.
Người đời quỷ quái tình ma,
Lòng tham không đáy nghĩ mà buồn tanh.
Thương thay đời máu đầu xanh,
Một đời hoa mộng tan tành thảm thương.
Từ theo lòng ngỗng đưa đường,
Tới nơi còn thấy máu nàng lảng lai.
Ăn năn chàng cũng ngậm ngùi,
Thôi liều một thác tạ người tình chung.
Hồn oan biết có thấu cùng ?
Loa thành giếng ngọc một dòng chảy xuôi :
Nghìn năm lịch-sử chưa phai.
« Móng rùa », « lòng ngỗng », « hạt trai » đâu còn ?

Bà HỒNG-THIỆN



QUẠT

VŨ-ĐỨC-TRINH

Góc buồng, quạt điện vi vu.
Đùa tan hơi nóng, quạt ru ngủ ngày.
Nhiều lời tâng bốc thoáng bay;
Nhưng tai quyền quý có hay là vờ ?

Quạt trần phe phẩy, du đưa ;
Gió mơn trớn tóc cho vừa lòng ai.
Chúa cao, ngự ở xuân đài,
Truyền muôn cánh gió thiên thai quạt trần.

Quạt sừng đâu có hai xương ?
Còn nhiều nan khác vót thường bằng tre.
Giữa cơn oi ả mùa hè,
Dù ngay quạt xấu cũng phê phỡn thêm.

Quạt mo thích ở trên đầu,
Phủ che lữ khách dãi dầu sương, mưa.
Có người phơi nắng hè trưa,
Hỏi thăm hàng xóm : « Ai thừa mo cau ?... »

THE FAN

By VŨ-ĐỨC-TRINH

In a corner of the room an electric fan is buzzing.
Driving and dissipating the hot air, the fan lulls (one) to sleep by day.
Many overpraising words fly ephemerally.
Do powerful and noble ears realize they are feigned ?

A punkahl¹ gently agitating, oscillating,
The wind strokes the hair to satisfy someone's heart.
The High God, residing in His Spring Palace²,
Commands thé myriad wings of the celestial wind to ventilate the dusty world³.

Where does a horn fan⁴ have two bones ?
There are still many other trimmed splints usually made of bamboo.
Amidst the muggy moments of summer
Even fans of bad quality are increasingly gaudy, too.

A fan made of spathe⁵ likes to be over the head,
To cover travellers exposed to the inclemencies of mist and rain.
There is a man drying himself in the summer sunshine at noon.
He inquires of his neighborhood : « Who has extra areca spathes ? ... »

(¹) Punkah : In Vietnamese, *quạt trần*, literally : ventilator of the ceiling.

(²) Spring Palace : Paradise.

(³) The dusty world : The world covered with filth and misery. «To ventilate the dusty world» (*quạt trần*) and «a punkah» or «a ventilator of the ceiling» (*quạt trần*) form a pun which is lost in translation.

(⁴) A horn fan : A fan the two main sticks or «bones» of which are made of buffalo horn, whereas the others are made of bamboo. Into either of both sides of these «bones», turning all around the same pivot and spread out like a sector of a circle, is glued one sheet of Chinese paper.

(⁵) A fan made of pathe : The whole fan is composed of one piece, i. e., the pod of an areca tree.

Độc cuốn

VIỆT-NAM GẮM VÓC

của Sơn-Hà Phan-xuân-Hòa

CẢM Ễ

M Ư Ớ U

Việt-Nam một dải sơn-hà,
Tháng ngày dệt gấm thêu hoa sắn người,
Tổ-tiên gây dựng bao đời,
Nước non gìn giữ tài-bồi còn ai...

N Ó I

Sơn-hà một dải,
Ai điem tô, ngắm mãi vẫn say sưa.
Bốn ngàn năm, dù phong trần,
dù khói lửa, dù nắng mưa,
Gương nhật nguyệt, sớm trưa soi vẫn tỏ.
Vườn Hồng đất Việt đầy hoa cỏ,
Non Tân trời Nam sắn trúc tùng.
Khắp gần xa : Này Đồng-Nai, Long-Hải,
này ai Bắc đền Hùng ;
Này Trường-sơn, Hương-thủy,
này sông Nhĩ núi Nùng ;
Ai tha-thiết khơi trong cùng gạn đục,
Vì giếng nòi, lưu bút danh-gia.
Trời Nam đượm vẻ xuân-hòa,
Giang-san gấm vóc, trăm hoa tươi màu.
Tiên Rồng tỏ mặt năm châu.

HOÀI-QUANG

1006

VĂN-HÓA — SỐ 53

Mưa

Từ đâu trút xuống trận mưa to ?
Gió thổi, mây vần, nước chảy xô.
Mù-mịt đất trời đen sắc khói,
Lạnh-lùng sông núi trắng hơi thu.
Ai sầu vườn cảnh hoa rơi lệ,
Ta cảm nhà nông lúa được mùa.
Ừ, được mưa rào hơn được cửa,
Bao người áo ấm với cơm no !!

1960

TRIỆU-ẤN

Những tập VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

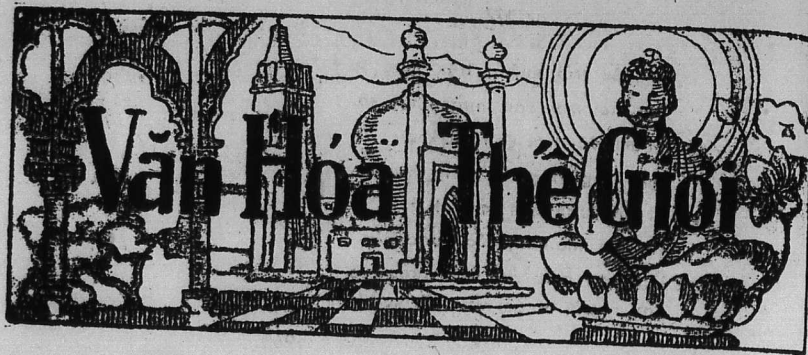
đã xuất-bản

- **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM**
Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn 25\$
- **ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ**
(LỤC-TÍNH NAM-VIỆT)
Tú-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tập thượng 20\$
Tập hạ 15\$

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành **THỐNG-NHẤT** (329, Đường Trần-hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại **NHA VĂN-HÓA** (266, Đường Công-Lý, Sài-gòn)

VĂN-HÓA — SỐ 53

1007



Giáo-dục căn-bản và Giáo-dục tráng-niên (Unesco)

CÁC MỤC-TIÊU VÀ CÁCH TÒ-CHỨC GIÁO-DỤC TRÁNG-NIÊN

*Bài của CHARLES MCCARTHY
Dịch-giá: THIÊN-PHƯỚC*

KHI nói đến giáo-dục tráng-niên, thiết tưởng chúng ta đừng quên rằng chúng ta rất dễ bị hiểu lầm và lỗi thường ở chúng ta.

Sự hiểu lầm là điều tất nhiên trong các hoạt-dộng quốc-tế ; vậy chúng ta không lấy làm lạ đối với giáo-dục tráng-niên, vì địa-hạt của nó quá rộng mà cách tổ-chức thì hết sức phức-tạp, và lại các mục-tiêu không được định-nghĩa rõ ràng.

Giáo-dục ở giai-đoạn tiền tráng-niên có thể chia ra làm nhiều cấp, căn cứ theo hạng tuổi của học-sinh cũng như theo trình-độ học-vấn của chúng. Trái lại, giáo-dục tráng-niên thì khác hẳn. Thật vậy, nếu giáo-dục cấp tiểu-học ở mọi nơi đều giống nhau và nếu giáo-dục cấp trung-học đều tương-tự như nhau, thì ngược lại, giáo-dục tráng-niên có thiên hình vạn trạng cũng như những sắc-thái riêng biệt của các nhóm dân chúng thụ hưởng.

1008

VĂN-HÓA — SỐ 58

Nơi đây chúng tôi chỉ đề cập một khía cạnh của giáo-dục tráng-niên, và tuy nó có quan-trọng thật, nhưng nó cũng chỉ là một khía cạnh mà thôi.

Giáo-dục tráng-niên, theo nghĩa thông thường, không phải là thứ giáo-dục mà hết thầy tráng-niên đều hưởng thụ. Thật thế, cách tổng-quát thì người ta để giáo dục tráng-niên ra ngoài các loại giáo-dục phổ-biến ở những trường bách-khoa, những trường đại-học, ra ngoài sự đào tạo nghề-nghiệp trực-tiếp cho các tráng-niên trẻ tuổi và các hoạt-dộng cùng loại này.

Chúng tôi sẽ theo quan-diểm ấy để viết bài này. Vậy phạm-vi nghiên-cứu của chúng tôi đã quá rõ ràng và thường khi trùng với phạm-vi hoạt-dộng của các tổ-chức tư lập quan-tâm đến các tiến-bộ của con người một cách tổng-quát. Chúng ta nhận thấy giáo-dục tráng-niên thường được tổ-chức trong các nghiệp-đoàn, các hiệp-hội nông-dân và các cơ-quan xã-hội. Đẳng-nào cũng tổ-hợp các tráng-niên có quyền lợi giống nhau ; đó là một căn-bản chung vậy.

Tất nhiên chúng ta có thể phân tráng-niên ra nhiều hạng. Thông thường thì người ta phân như sau : tráng-niên hoàn toàn mù chữ, tráng-niên có đi học một thời-gian và tráng-niên có đi học đầy đủ.

Hạng thứ nhất, hầu như không còn tồn tại ở xứ tôi (Ireland) mà dân chúng đều sáng chữ, ngoại trừ những người bất khả giáo-dục. Về diểm này, chúng tôi chỉ cần nhấn mạnh rằng hiện nay ngót phân-nửa dân-chúng trên thế-giới còn mù chữ.

Còn về hai hạng tráng-niên có hưởng-thụ giáo-dục học-đường một phần hoặc trọn vẹn thì tôi lấy làm bối rối vô cùng vì không thể biết rõ một phần hay trọn vẹn là như thế nào. Vậy theo tôi thì tráng-niên có hai hạng định-nghĩa như sau : — hạng người mà giáo-dục đáp-ứng được một cái gì thâm trầm, vì họ hiểu được tầm quan trọng và ích lợi bao la của giáo-dục đối với đời sống hằng ngày của họ, — và một hạng người chỉ học hỏi cầm chừng mà thôi. Chốc nữa tôi sẽ trở lại hạng thứ nhất và giờ đây xin nói đến hạng thứ nhì trước đã. Chúng tôi xếp vào hạng này các người như luật-sư chẳng hạn, tuy công việc đa đoan mà còn bỏ công theo học một lớp ngoại-ngữ hoặc mỗi tuần lễ, nhân ra vài buổi tối để học cách đóng một bàn trà hay một chiếc thuyền con. Ở Ai-nhĩ-lan, hạng người này rất đông và ở các xứ khác chắc cũng như thế. Tuy không có ý nào xem thường giá-trị của loại giáo-dục ấy, tôi chỉ đề cập sau đây hạng tráng-niên mà, như tôi đã nói, giáo-dục đáp-ứng được một cái gì thâm trầm. Chính vì họ, mà xã-hội đã lo lắng nhiều nhất để cung-ứng phương-tiện giáo-dục và chính ở họ mà xã-hội mong

VĂN-HÓA — SỐ 58

1009

đội nhiều như để sửa đổi nền tảng và cơ-cấu, để bồi đắp cho nền kinh-tế thêm thịnh-vượng và để làm nảy nở trọn vẹn bản-chất sâu-xa của mình.

Mục-tiêu tiên khởi và rõ rệt nhất của giáo-dục tráng-niên hẳn là mục-tiêu kinh-tế; đối với tráng-niên, điều quan-trọng là trau-giồi nghề chuyên-môn mà họ đã có sẵn, rồi học thêm nghề mới nữa, tựu trung là phát-triển các khả-năng của họ hầu kiếm được nhiều tiền hơn. Quả nhiên, không chỉ mỗi một mình họ được hưởng lợi trong sự học hỏi này, mà cả cộng-đồng của họ cũng thêm phần sung-túc. Tuy nhiên, nếu ta nhìn xa hơn chút nữa, ta sẽ thấy dần dần hiện ra một mục-tiêu khác quan-trọng hơn bội phần, và cũng bội phần khó đạt hơn nữa. Đó là sự giáo-dục tinh-thần con người, nhằm làm nảy nở một khối óc thông-minh phong-phú hơn, một trí xét đoán chính-xác hơn, một lòng vị-thị rộng rãi hơn.

Các tráng-niên nào đã hấp-thụ được nền giáo-dục căn-bản ấy không những có một giá-trị cá-nhân (tất nhiên tối cần) mà còn quan-trọng đặc biệt đối với xã-hội, bởi vì có thể chính họ sẽ trở thành những phần-tử trụ-tú của cấp lãnh-đạo, và ở đây tôi không tin rằng người ta có thể tách được giáo-dục tráng-niên ra ngoài sự đào-tạo cán-bộ để khích-lệ quần chúng, cán-bộ mà tài ăn nói có một sức mạnh phi-thường không phải nhờ khéo gọt giũa câu văn mà nhờ nhân-phẩm có đảm-bảo của họ. Chúng ta há quên rằng quần chúng dễ bị lôi cuốn bởi một người có tư-cách lãnh-đạo dù người ấy khôn-ngoan hay xảo-quyệt, sáng suốt hay lầm-lạc hơn là hăng hái nghe theo một triết-gia dù tài đức lỗi-lạc. Hơn thế nữa, chúng ta đều biết rằng nền dân-chủ nào cũng đề mặc các lãnh-tự tự-do phát-lộ, nhưng trái lại nó không khi nào cho phép bắt cần đến họ.

Đức-tính đầu tiên của nhà lãnh-đạo là có tư-tưởng đúng, tôi muốn nói là thâm-định đúng mức các yếu-tố nhân-bản và xã-hội của mọi hoạt-động. Nhưng ta phải nhận thức rằng, dân chúng trên thế-giới hiện nay đang tìm cách dung-hòa ý-kiến lẫn nhau, qua ảnh-hưởng của báo-chí, phim ảnh, vô-tuyến truyền thanh và vô-tuyến truyền hình. Các phương-tiện này vay mượn tài-liệu lẫn nhau, đến nỗi có khi sai lầm giống nhau thậm tệ.

Những xứ vừa thoát khỏi nạn mù chữ thì phải đương đầu ngay với một nạn khác, do đó mà nảy sanh; đó là nạn sáng chữ mà hậu quả bao-quát là thấp trình-độ của văn-tự. Thành thật mà nói, tôi không thể trách suông các cơ-quan thông-tin quảng-đại. Nhưng các cơ-quan này quá ham mê đuổi theo tốc-độ, nên dù có thực tâm chú trọng cách-mạng, ta cũng không thể trông cậy ở các cơ-quan ấy được. Hãy lấy khái-niệm tiến-bộ làm thí-dụ: khái-niệm này muốn rằng mọi

việc càng ngày trở nên hoàn hảo. Đối với các khoa vật-lý thì điều này rất dễ thực hiện; chính vì lẽ đó mà người ta không ngần ngại đặt nó thành nguyên-tắc cho các hoạt-động khác của con người. Tuy nhiên làm sao chứng-minh được rằng con người ngày nay tư-tưởng và xét-đoán đúng hơn năm hoặc mười thế-kỷ về trước? Quả thật không có gì chắc chắn để đảm-bảo sự phê-bình ấy. Trái lại, tuyên-truyền và quảng cáo thì cho rằng cái gì mới mẻ là tiến-bộ. Các cơ-quan thông-tin lúc nào cũng muốn thành công trước quần-chúng. Phải ngày ngò lắm mới chờ nghe họ nói những câu như thế này: tư-tưởng của chúng tôi mới lắm đấy; nhưng chưa ất nó hay hơn một ý tưởng-tự mà các bạn đã nghe thấy từ mấy năm về trước. Thực tế thì các cơ-quan thông-tin thường hay thả trôi theo thị-hiệu của quần-chúng, mà thị-hiệu của quần-chúng thì càng ngày xuống dốc hăng thêm. Như vậy, mỗi khi dư-luận bám sát vào một ý-kiến gì thì các cơ-quan thông-tin cũng lấy ý-kiến đó làm chân tựa cho xã-hội của chúng ta. Và đến lúc phù khí của quần-chúng đã hạ xuống rồi thì hậu quả vô bổ của ý-kiến đó vẫn tồn tại mãi.

Chúng ta đã đi đến tình-trạng sau này: ở tất cả cộng-đồng các nhà lãnh-đạo thiên-nhiên vẫn còn hướng-dẫn hành-động; nhưng trong địa-hạt tư-tưởng thì họ đã bị các phương-tiện thông-tin đoạt hết quyền hành. Họ đâu phải lúc nào cũng thúc-giục làm điều nguy-hiêm trái lại là đàng khác. Nhưng người ta cứ tưởng-tự họ là một ông không-lò nhảy múa, mắt mở to, miệng cười rộng, như muốn làm đẹp lòng cả mọi người. Yếu-điểm lớn nhất của ông ta là muốn chiều dư-luận, nhưng then chốt của vấn-đề là, mỗi khi dư-luận đổi hướng thì ông không lờ cũng xoay theo, mà nụ cười vẫn tươi như trước.

Vậy, mục-dịch của giáo-dục tráng-niên là trước hết phải trang-trí đầu óc của con người cho đúng cách. Do đó ta thấy ngay những điểm chánh của chương-trình giáo-dục tráng-niên mà công cuộc quan-trọng nhất là làm sáng tỏ nghĩa-vụ và quyền-lợi của con người đối với xã-hội, cùng các nguyên-tắc hành-động của họ.

Cần phải bắt tay vào việc ngay vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất là các tráng-niên thông-minh hiện đang chán ghét cái gọi là giáo-dục quần-chúng mà họ lại không có gì khác để thay thế. Lẽ thứ hai là số người quan-tâm đến công việc trí não cứ tăng mãi. Điều đáng khen nhất của thời-dại cơ-khí này là giúp cho con người càng ngày càng có rộng thì giờ và cơ-hội để phát-huy hữu-ích trí-não của họ; như thật quá sai lầm nếu tin rằng kỹ-thuật có thể tự nó cung-cấp đủ thức ăn tinh-thần cho con người. Há chúng ta để quên những cớ lệ cao quý của nền giáo-dục

tự-do? Rất có thể là kỹ-thuật, vì đã vô tình làm lu mờ nền giáo-dục ấy, nên đang chuẩn-bị cho nó phục-sinh toàn thắng không chừng.

Bước sang tổ-chức của giáo-dục tráng-niên, tôi thiết-tưởng khó mà trình-bày một cách tổng-quát được, vì rằng tổ-chức nào cũng là một công cuộc thực-tế và phải căn-cứ trên những dữ-kiện rõ rệt. Vậy tôi sẽ lấy tình-trạng giáo-dục tráng-niên ở xứ tôi làm thí-dụ cho chính-xác. Nên nhớ là tôi không có ý gì phê-bình hệ-thống đó cả. Xứ Ai-nhĩ-lan đã phải và còn đang giải-quyết các vấn-đề do công cuộc di dân tạo ra và phải đương đầu với mối lãnh đạm xã-hội trầm trọng, nhưt là ở thôn quê. Thế nên, giáo-dục tráng-niên đã đặt mục-tiêu là làm sao cho xã-hội sống dậy. Vấn-đề này hiện ra dưới hai khía cạnh kinh-tế và xã-hội. Cách đây chừng 30 năm người ta có thành lập những trường dạy nghề, song song với những trường trung-học cổ-diên mà nó vẫn còn phân biệt. Những trường nào dành cho các trẻ từ 14 đến 16 tuổi, các học-sinh chuẩn bị vào ngành thương-mại và kỹ-nghệ, và cho cả tráng-niên. Thầy giáo ban ngày tiếp-xúc với học-sinh, tối lại thì thảo-luận với cho mẹ của chúng. Muốn có kết-quả tốt, số giáo-sư không thể xuống thấp quá một mức nào; thế nên ta thấy ở phần đông ở các trường nói trên rất nhiều giáo-sư chuyên môn các khoa đồng áng, các khoa làm mộc, làm nguội, cất nhà, chữa máy, thương mại, kỹ-nghệ, kinh-tế gia-đình, cùng các khoa sinh-ngữ và văn-hoa đại-cương. Trong mỗi trường, các giáo-sư hợp thành một ban, hoạt-động trong một khu-vực rộng chừng mười sáu cây số đường bán-kính ở những vùng đồng-quê. Người ta nhằm những mục-tiêu sau đây:

— Đối với trẻ từ 14 đến 16 tuổi thì cung cấp một nền học-vấn đầy đủ nhờ các phương-tiện kỹ-thuật;

— Đối với học-sinh chuẩn-bị vào nghề chú trọng luyện nghề;

— Còn đối với tráng-niên thì huy-động họ góp phần kinh-tế và đánh thức tư-tưởng xã-hội của họ..

Nhờ những nhận-xét bao-quát đó, tôi muốn nêu ra sau đây những đặc-điểm của hệ-thống giáo-dục tráng-niên thích-ứng với giới-hạn kinh-tế của xã-hội mà nó tác-động.

Trong mọi hệ-thống giáo-dục tráng-niên, vấn-đề tiên khởi là vấn-đề thầy giáo và lớp học. Trong hệ-thống phác-họa bên trên, người ta đào tạo các thầy có đủ năng-lực để dạy vừa thanh-niên, vừa tráng-niên. Ấy là đặc-điểm của nó. Thầy giáo dạy tráng-niên, ngoài kiến-thức chuyên-môn, cần phải tinh tường đời sống của vùng mà họ phụ-trách; đó là một điều không phải dễ làm, nếu vùng ấy quá rộng. Mỗi trạng-thái của đời sống trong vùng cần được phản chiếu lại trong các buổi

học dành cho tráng-niên, và muốn thành đạt, lớp học tráng-niên phải là cái trung-tâm xã-hội của đời sống trong vùng. Như vậy, những huấn-điều của các điển-giả lưu-động, nếu có đôi chút bổ-ích thì không thể dùng làm căn-bản được. Chuyên-viên giáo-dục tráng-niên phải là người sinh sống trong vùng và dân chúng phải có thể tiếp-xúc với họ dễ dàng. Các cộng-đồng quá nhỏ không mấy khi nhận được chuyên-viên về giáo-dục tráng-niên, mặc dù dân chúng đã ý-thức được sự cần-thiết. Thật vậy, cần phải bổ-đụng các chuyên-viên ấy thế nào có lợi. Nếu họ có nhiệm-vụ giảng-dạy cho các thanh thiếu-niên thì trường-học của chúng có thể nơi rộng ảnh-hưởng tới cha mẹ của chúng.

Đáng ghi nhớ là điểm sau này. Giáo-dục tráng-niên phải kêu gọi sự hưởng ứng hoàn-toàn của đương-sự vì giáo-sư không có quyền cưỡng ép tráng-niên như ở học-đường cưỡng-bách. Nếu luật-lệ có cho phép đi nữa thì cũng không thể tin cậy ở sự cưỡng bách đó được. Trái lại là đằng khác, vì giáo-sư vấp phải nhiều sự lãnh-đạm mà cả thẳng được tinh-thần lãnh-đạm đó có lẽ là một công-tác nặng-nề nhưt vậy. Một cách gây cảm-tình dễ-dàng có lẽ là làm sao cho các học-sinh có thể mách với cha mẹ của chúng điều gì có lợi cho họ, chẳng hạn báo tin kịp thời cho họ biết hiện đang xuất-hiện một thứ sâu rầy phá hại mùa-màng của họ.

Như tôi đã nói ở phần trên, tôi tin rằng giáo-dục tráng-niên thường bắt đầu bằng một mục-tiêu kinh-tế như xây nhà chắc chắn và rẽ tiền, trang bị nông-cụ kiến hiệu, tăng năng-suất mùa gặt v.v... Tuy nhiên ta có thể nhờ các cố-ý để hướng-dẫn tráng-niên đến một địa-hạt giáo-dục rộng lớn hơn, như chú trọng phát-huy các đức-tính của con người lãnh-đạo, giảng huấn các nguyên-tắc xử thế đứng-dẫn, kêu gọi ý-thức nghĩa-vụ và trách-nhiệm của cá-nhân đối với xã-hội.

Đó là mục-tiêu cuối cùng, nhưng người ta khó nghĩ cách làm cho mục-tiêu ấy tách khỏi các lý-do kinh-tế thiết-thực, ngoại trừ ở những cộng-đồng mà mực sống của dân chúng đã lên khá cao.

Mỗi khi tổ-chức và trường-học đã hoàn thành, giáo-dục tráng-niên rất dễ bề phát-triển. Trong hệ-thống mà tôi vừa kể, chính tay các ông giáo đã lập ra các cơ-quan từ-thiện trong nước để hoạt-động giúp giáo-dục tráng-niên. Đó là thí-dụ về khuynh-hướng lo cung-ứng cho tráng-niên một nền giáo-dục đầy đủ nhưt và sâu rộng nhưt, theo đúng nghĩa của danh-từ.

Khi tôi nói đến tổ-chức, phần lớn tôi chỉ nhắm vào các vùng nông-thôn. Không phải vì ở đô-thị, giáo-dục tráng-niên có tính cách kém khàn-trương (thật sai lầm mà nghĩ như vậy), nhưng vì bởi thành phần cấu-tạo của nó, một cộng-đồng đô-thị ít gặp khó khản hơn trong việc thành lập một cơ-sở để đáp-ứng nhu-

cầu của nó. Nói đúng ra thì dân chúng ở các đô-thị lớn còn cần phải tư-tưởng minh bạch hơn là ở thôn-quê, vì ở đô-thị, ảnh-hưởng quần chúng quá nặng-nề.

Một hệ-thống như vừa phác-họa, đòi hỏi thật nhiều thầy giáo. Tìm cho được người có đủ đức-tính cần-thiết không phải là việc khó làm ; nhưng nguy-là ở cái quan-niệm quá cứng rắn của tổ-chức, cơ hồ làm chết nghẹt hết sáng-kiến của nhà giáo. Một hệ-thống như vậy phải hết sức linh-dộng, và muốn như thế, nhà giáo phải có khả-năng và quyền-hạn để thực hiện sáng-kiến cá-nhân. Bởi vì, nếu các nguyên-tắc căn-bản vẫn không thay đổi các phương-pháp thực-hành không thể nào giống nhau được.

Để kết thúc, tôi muốn hướng về tất cả các nhà giáo và nhân-nhũ với các bạn điều này : công-lao của các bạn đối với giáo-dục tráng-niên rất lớn nếu các bạn chịu khó giải-thích cho học-sinh thấy được các mục-tiêu của nó, trước khi chúng rời khỏi ghế nhà trường. Đó là một việc rất dễ làm, nhưng nếu thành-tựu, sẽ đem lại nhiều ảnh-hưởng tốt đẹp vô cùng. Thêm vài khái-niệm về khả-năng và phương-tiện hiện-hữu của giáo-dục tráng-niên đâu đến nỗi làm kiệt quệ khối óc còn lỏng-lẻo của những trẻ sắp bước ra ngưỡng-cửa nhà trường ?

UNESCO



ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	Xin đọc là :
Số 52		
714	23	tức là sáu mươi năm trên năm 1804...
769	25	quên mất rằng cha của Lạc-Long-Quân ..

MỘT THU-VIÊN ĐẸP NHẤT THẾ-GIỚI*

VÕ-LANG

dịch

L UÔN luôn ta sẽ được hoan-nghinh và tiếp đón rất nồng-hậu tại Thư-viện Trung-ương Thành-phố Nữu-Uớc (Mỹ) ; hoặc là ta đến đây tra-cứu một tấm bài-vị bằng đất sét của dân Assyriens (một nước cổ xưa ở Á-đông), tìm cuốn xuất-bản nguyên-thủy về tác-phẩm Divine Comédie, kiểm số áp chót một tờ tuần-báo Thổ-nhĩ-kỳ, hoặc là ta chỉ việc đến đề thử tri kiên-nhẫn của nhơa-viên phòng chỉ-dẫn đề hỏi xem trong dịp lễ này, ta nên đi nghỉ mát ở đâu... ? Dù thuộc vấn-đề gì chăng nữa, ta vẫn được hài lòng vì mục-đích chính-yếu của tổ-chức quý báu này là làm để dang sự gặp gỡ giữa độc-giả và các sách báo.

Thư-viện này lát toàn đá hoa, ở góc hai đại lộ thứ 5 và 42, giữa lùm cây tươi xanh rờn, có một cái thềm rất rộng và chim bồ câu trắng (trượng-trung cho Hòa-bình) bay lượn suốt ngày : đây là một ý-niệm khá đúng về thanh-phố Nữu-Uớc. Cũng như trên các đại-lộ hay đường ngang ngõ hẻm của thanh-phố, ta sẽ gặp ở trong phòng đọc sách của Thư-viện đủ mọi tầng lớp người trong xã-hội. Một bạn tôi đã được hân hạnh ngồi giữa Somerset Maugham, nhà văn-sĩ trứ-danh của Anh và một ông già đầu râu tóc bạc đang viết một cái đơn tràng giang đại hải để khiếu-nại Chánh-Phủ. Bạn khác, tôi lại ngồi giữa một ông râu xồm, chít khăn đỏ và một bà

* Dịch theo Marchette Chute trong Holiday

nội-trợ mặc áo vải bông kẻ ô vuông. Tôi lại nhớ rõ có một hôm, tôi ngồi bên cạnh một thanh-niên có một con chim kim-tước đậu trên vai...

Tuy phòng đọc sách khổng-lò đã chứa được 2 triệu 100 cuốn, chia ra làm 80 loại khác nhau nhưng Thư-viện cũng còn sưu-tầm được 4 triệu cuốn sách tham-khảo nữa : những loại sách quý này không hề bao giờ rời khỏi bốn bức tường của Thư-viện để lúc nào cũng sẵn sàng phục-vụ các bạn độc-giả. Không hề ai có quyền mang một cuốn sách nào ra ngoài ; duy chỉ có một biệt-lệ duy nhất đối với cơ-quan Liên-Hiệp-Quốc : một tổ-chức quốc-tế, trong khi làm việc cần tham-khảo nhiều điều trong các sách báo thế-giới. Theo các điều-khoản của một thỏa-hiệp đặc-biệt, mỗi khi muốn mượn sách của Thư-viện, L.H.Q. sẽ phái nhiều người mặc quân-phục đi hộ tống các sách từ đại-lộ thứ 5 về đến trụ-sở của mình ở East River.

Hàng ngày, trung bình các nhơn-viên của Thư-viện phải trả lời độ 1.500 lần điện-thoại và xem các thư từ giấy má ở 4 phương trời gửi về, đây nhóc 20 bao bố! Van-phòng cố-vấn các Kỹ-sư ở quần-đảo Bermudes (ở Đại-tây-dương, thuộc Anh) muốn biết những tin-tức cuối cùng về sự phỏng ngừa quang tuyến X ; một giáo-sư Gia-nã-dại hỏi cách thức dạy tiếng Anh cho một thiếu-nữ Trung-hoa để đạt được kết-quả mau lẹ ; một sanh-viên ở Luân-đôn muốn biết đầy đủ chi-tiết về Davy Crockett... Hàng ngàn vạn lá thư tương tự đều nhận được những câu trả lời đầy đủ mà không phải trả phí-tiền chi cả. Không một câu hỏi nào được coi là ngây thơ, ngờ ngẩn mà không đang trả lời cần-thận, tỉ-mỉ. Một hôm, người ta thấy một thanh-niên, nét mặt đăm chiêu đầy tin tưởng, mang một con trần gió đến Thư-viện để tra cứu hòng tìm được một thứ ăn phù hợp cho nó nhứt : thanh-niên này cũng được tiếp đãi niềm nở không kém gì nhà ngôn-ngữ học Do-thái Eliezer Ben Yehuda đã đi lại Thư-viện luôn trong 3 năm để soạn thảo một pho tự-diễn gồm 16 cuốn.

Phòng thẻ trung-ương gồm hơn 9 triệu thẻ là phản-ảnh rõ rệt nhứt và đầy đủ nhứt về các sách của Thư-viện để lúc nào muốn tìm đến cuốn gì cũng có ngay tức khắc. Khi ai muốn xem một cuốn sách nào thời ghi tên cuốn sách đó vào một phiếu có đánh số sẵn rồi bỏ phiếu đó vào trong một ống hơi ép dẫn đến phòng đọc sách ; ở đây, phiếu

lại được hướng-dẫn theo ý muốn đến một cái học tủ trong hàng 130 cây số ngắn tủ phân chia ra làm 7 tầng kệ khác nhau. Một nhân-viên phụ trách các kệ sách, coi số phiếu, lấy cuốn sách để lên trên một cái thăm lẫn rồi thăm lẫn cuốn sách đó ra phòng đọc sách và người hỏi mượn sách sẽ trông thấy một ngọn đèn có số nhấp nháy báo hiệu là sách đã đến nơi. Từ lúc ghi phiếu mượn đến khi có sách, công việc thực hiện hoàn toàn mất độ 7, 8 phút.

Thư-viện của thành-phố Nữu-Uớc sở dĩ thành hình là do sự phối hợp của 3 yếu-tố chánh : sự tận-tâm phục-vụ quần-chúng, sự say mê học hỏi và sự may mắn bất ngờ !

Ý-kiến đầu tiên nảy ra cách đây hơn một thế-kỷ, trong trí óc Joseph tCogswell, một nhà giáo-dục ở tiểu-bang Tân-Anh cát lợi, tha thiết muốn hành lập một thư-viện cho các nhà học-giả uyên thâm. Ông thuyết phục được nhà triệu-phủ John Jacob Astor chịu bỏ tiền ra thành lập một cơ-sở lấy tên là Thư-viện Astor và Cogswell giữ chân quản-thủ thư-viện đầu tiên.

Cùng trong thời-gian đó, một thư-viện kiểu khác được tạo nên ở Nữu-Uớc và cũng dành cho các nhà văn-hào. Đó là công-trình của một cựv thương-gia : James Lenox đã để ý sưu-tầm các sách quý một cách rất cuồng-nhiệt. Tự tay ông kê lấy thứ tự số sách, lập bản mục-lục, xếp sách vào trong các phòng trống, khi nào sách đầy ăm-ập đến trần thì khóa lại. Ông không bao giờ chịu để cho một người khác săn sóc đến việc sưu-tầm, xếp loại các sách của ông và như thế cũng có lý-do... Vì ngoài các sách quý giá, ông lại còn tích-trữ được một bộ Thánh Kinh của nhà in Gutenberg, là cuốn Thánh Kinh đầu tiên đã vượt qua Đại-tây-dương sang Mỹ-châu, bút-tích bản-thảo bài diễn-văn của cố Tổng-Thống George Washington đọc khi ông từ già quốc dân đồng-bào về di-dưỡng tuổi già, bức thư của ông Christophe Colomb báo cho thân-nhân biết đã tìm ra Tân lục-địa. Ngay sau khi Lenox chết rồi, thư-viện này cũng vẫn nổi danh là bất khả xâm-phạm.

Samuel Tilden, một người dân Nữu-Uớc thứ ba lại có một ý-kiến khác lạ : hạm chuộng khoa-học và giáo-hóa đại-chúng. Ông lập di-chức « giám-hộ » tất cả tài-sản để thành-lập một thư-viện và một phòng đọc

sách miễn phí. Nhưng gia-đình ông không tôn-trọng ý muốn cuối cùng của người quá-cổ nên các người thi hình chúc-thư chỉ « hải » được có 2 triệu Mỹ-kim nghĩa là tạm đủ để sưu-tầm các loại sách nhưng quá ít để kiến thiết một thư-viện chứa sách và phòng đọc sách.

Chính do sự vi-phạm chúc-thư ấy nên Thư-viện Thành-phố Nữ-Uớc mới ra đời vì viên Thừa-phạt lại của Tilden tự nhủ thăm rằng chỉ còn một cách đem hợp nhứt với cơ-sở Astor là chân diêu-kế. Sau cùng cơ-sở Lenox cũng tình-nguyện tham-gia vào sự hợp nhứt. Thế là cả 3 thư-viện Astor, Lenox, Tilden đều đoàn-kết chặt-chẽ để tạo thành một thư-viện duy nhứt ! Ý-kiến căn-bản của Cogswell đã thành hình và được thực hiện : đây là một thư-viện mà tất cả mọi người, — nghèo nàn nhứt hay giàu sang nhứt, — đều có thể đến để sưu-tầm, tra-cứu, học hỏi thêm..

Thành phố Nữ-Uớc vui lòng tặng một ngôi nhà để làm trụ-sở và dự-định xây cất một ngôi nhà lát toàn đá hoa đẹp như nước Mỹ.

Trong bản-đồ phác-họa trụ-sở của Thư-viện, trung-tâm ngôi nhà sẽ là phòng đọc sách, rất rộng, hình chữ nhật, ở trên lầu hai ; trong một phòng tiếp giáp là chỗ xếp tất cả các thẻ phiếu ghi tên các loại sách ; ở các phòng nhỏ hơn chạy dọc theo hành lang lát đá hoa là chỗ dành cho các công việc về chuyên-môn.

Cách tổ-chức đó rất là tốt đẹp và thích-nghi vì hiện nay, hàng năm Thư-viện phải thỏa-mãn nhu-cầu cho 3 triệu du-khách và độc-giả.

Thư-viện chỉ đứng vững được là do tiền tặng hảo của tư-nhơn hay khi nào muốn hô-hào sự giúp đỡ về tài-chánh thì được các giới nhiệt-liệt hoan-ngênh và ủng-hộ một cách rộng rãi. Bất cứ một người nào khi đã cần đến Thư-viện chỉ hay giúp đỡ rồi, cũng không thể nào trả ơn Thư-viện một cách đích đáng được ! Cũng không thể nào ước lượng được cái giá-trị tuyệt-đối của Thư-viện vì ngay sự hiểu biết ở đây cũng đã có tính-chất quốc-tế : đã phải dùng tới 170 người thông thạo 33 thứ ngoại ngữ để trông-nom chu-đáo các phiếu thẻ ghi tên sách để khỏi bị tràn ngập đủ các thứ sách, truyện và tạp-chí các loại tới tấp bay đến như bướm bướm..

Nên ta không lấy làm lạ khi thấy Hội-đồng Bảo-An của Liên-Hiệp-Quốc, trước khi quyết-định một điều gì quan-trọng đã phải tìm tòi,

nghiên-cứu : tham-khảo hàng tháng giới trong các sách báo, tạp-chí của Thư-viện. Trong thời-kỳ chiến-tranh, Thư-viện đã góp phần rất đặc-lực cho cơ-quan Tình-báo của Quân-đội Mỹ trong việc nghiên-cứu các bản-đồ hay tìm tòi những tính-chất, chi-tiết đặc-biệt liên-quan đến một nước nào hay bờ biển của nước đó. Các tài-liệu căn-bản về khoa-học và kỹ-thuật đã giúp ích rất nhiều cho các nhà hóa-học nghiên-cứu phương-pháp trừ-khử nước trong các thức ăn. Cơ-quan Cảnh-Sát Liên-Bang (F.B.I.) hay các sở Cảnh-sát địa-phương đều đến Thư-viện để chấp-nối các mẫu chứng-cớ trích trong những cuốn niên-giám điện-thoại cũ rích, những sổ sách của các họ Đạo hay danh sách các chuyến tàu chạy biển... Các phòng thí-nghiệm của Công ty điện-thoại Bell đã chụp phim 1760 cuốn tài-liệu khoa-học của các nước theo một chương-trình mà hiện nay vẫn còn đang tiếp-tục..

Ban Âm-nhạc của Thư-viện có thể cung-phụng đủ mọi tài-liệu quý báu từ những bản nguyên-văn trong tập nhạc của Beethoven đến những bài hát dân-ca ở quần đảo Fidji (ở Úc-châu, thuộc Anh).

Phòng chuyên về gia-hệ (Phở-hệ) sưu-tầm được những tài-liệu rất quý giá không thể nào tưởng-tượng được : nhờ có sổ sách của các Giáo-khu ở Anh, người ta có thể thiết-lập lại thành-phố Luân-Đôn hồi thế-kỷ thứ XVI, rõ ràng từng phố một và có khi từng nhà một.

Cũng có những ban đặc-biệt, ở ngoài cửa có treo biển đề rõ : « Sách Hiếm ». Nếu ta tò muốn vào, chỉ việc nhận chuông, một nhơn-viên sẽ mở cửa ra để tiếp đón ta nhưng sau khi ta đã vào rồi thì người ấy vội khóa ngay cửa lại. Tôi nhớ có một hôm đã vào hồi tập thơ xuất-bản đầu tiên của nhà đại thi-hào Anh Shakespeare. Tôi tưởng rằng sẽ chỉ được coi bản ảnh chụp, nào ngờ đầu tôi lại được đọc nguyên-văn cả bản chính !

Một khách hàng quen thuộc của Thư-viện đã nhận xét rằng trong bầu không khí thuận tiện như thế, chắc các sách báo phải được sung-sướng lắm. Tôi cũng tin-tưởng mãnh-liệt như thế vì không có gì trở ngại giữa các sách và các bạn yêu sách. Các tài-liệu phong phú của một cơ-sở đồ-sộ và đáng yêu quý này chỉ nhằm có mục-đích duy nhứt làm dễ dàng sự gặp-gỡ giữa sách và độc-giả vì đôi bên đều có liên-quan mật thiết với nhau.

VĂN-HÀO

JACK LONDON

(Tiếp theo V.H.N.S. số 52)

THANH-TÂM

NỖI TIẾNG

Nợ như chúa Chôm, lại thêm Bessie có thai, Jack đang chờ một cơ hội để nổi bật lên, mới hòng làm vững lại tình-hình tài-chính gia-đình và nhất là cho danh chàng khỏi mai một.

Mùa xuân năm 1902, dịp may có đến, nhưng không như chàng tưởng. Nguyên hãng thông-tin American Press cần một ký-giả để gửi sang lấy tin tức về trận chiến-tranh đang diễn tại Transvaal (Nam-Phi). Hãng đề-nghị mời Jack, chàng nhận lời liền.

Một khi sang tới nước Anh, thì hãng thông-tin đổi ý, đánh điện hủy bỏ giao-kèo đã ký với chàng.

Một thân một mình tại Londres, trong túi không còn một xu nhỏ và cách xa tỉnh nhà 1/4 vòng trái đất, tình-trạng của Jack thật là nguy-ngập. Nhưng có bao giờ Jack London chịu nước bí?

Chàng liền ở lại, nghiên-cứu phong-tục vùng Est End, khu phố bần thiú và hung-bạo nhất của kinh-dô Anh-Cát-Lợi. Các xuất-bản gia của chàng xôn-xao e ngại cho chàng chuyển này đến bỏ mạng giữa bọn côn-đồ của Est End chứ không chơi.

Lời dự-đoán của họ rất có thể thành sự thật nếu Jack vẫn đóng vai ký-giả đến moi móc tìm hiểu đời sống của hạng người ấy. Nhưng chàng đã rời bỏ y-phục lịch-sự để khoác lên mình một bộ quần áo cũ mua lại, rách tả, rách toi, thêm vào đó một đôi giày vệt gót, và một chiếc mũ cát-két dầy ghét, bụi,

Jack lại nghiêm-nhiên trở nên chàng Thủy-thủ vong mạng. Bọn người cùng khò vùng East End chỉ thấy ở nơi chàng một kẻ bị đời bạc đãi, một kẻ « không may » như bọn họ, nên đã tiếp đón chàng niềm nở như một người trong bọn.

Tháng 9 năm ấy, Jack trở về đến Nữ-Uớc, mang theo trong túi bần-thảo tác-phẩm nhan-đề « *Những kẻ trong vực sâu* », tả tỉ-mỉ cuộc sống đau khổ của những người bị liệt vào hạng căn-bã xã-hội, một tác-phẩm cực-kỳ cảm-động mà hãng xuất-bản Macmillan chụp lấy cho xuất-bản. Georges Brett, Giám-đốc hãng, điều-đinh trả cho Jack London mỗi tháng 150 đô-la, trong 2 năm liền, để dành độc-quyền xuất-bản tất cả các tác-phẩm mới của chàng trong thời-gian đó.

Thực là một dịp may cho chàng, nhưng thiếu chút nữa thì dịp may đó không đem lại kết-quả, vì đũa còn thứ hai mà Bessie cho ra đời lại cũng là con gái khiến chàng cụt hứng và kìm-hãm khả-năng sáng-tác của chàng. May cuộc khủng-hoảng sau một thời-gian thì chấm dứt.

Jack dự-tính viết một câu truyện về loài chó, khoảng 4.000 tiếng, sau khi miệt-mài viết 4 hôm liền, 4.000 tiếng đã đủ, mà câu truyện chỉ mới bắt đầu. Chàng phóng bút viết tiếp suốt một tháng trời, quên hết mọi nỗi u-phiền về gia-cảnh.

Viết xong, chàng gửi liền tác-phẩm, dưới nhan-đề: « *Tiếng gọi của rừng thẳm* » cho tờ Saturday Evening Post. Họ vui mừng tiếp nhận và trả cho chàng 2.000 đô-la. George Brett còn trả cho chàng 2.000 đô-la nữa để xuất-bản tác-phẩm ấy thành sách. Jack nhận liền, để có tiền mua chiếc tàu Spray mà chàng hằng ao ước.

Chiếc tàu nhỏ này, với một căn phòng chỉ đủ cho hai người, không những gọi lại chàng những kỷ-niệm đã qua mà còn đem lại cho chàng những hứng về biển cả. Sau khi một mình một con tàu vùng vẫy hàng tuần giữa cảnh nước trời lồng lộng, chàng trở về đất liền, hơi còn mẫn vị nước biển, vùi đầu vào viết truyện « *Sói Biển* » (Sói biển là hỗn danh của loại hải-báo (phoque) và cũng dùng để chỉ những tay thủy-thủ từng trải). Những khi rảnh rang, chàng lại một mình lái chiếc tàu ra khơi, nhưng không quên mỗi buổi sáng đều đặn viết 1.500 tiếng.

Truyện « *Sói Biển* » đã cắm chân-chàng lại ở Piedmont, trong khi Bessie, và hồi cuối tháng 6, đưa con đến nghỉ tại Vọng-Nguyệt-Thung, nơi có nhiều người đến cắm trại nghỉ qua mùa hè.

Một hôm Jack đánh xe lên đồi, xe lật xuống vực làm chàng bị trọng thương ở chân. May có cô bạn gái Charmian Kittredge người chàng đã từng quen khi được biết Bessie và vẫn lui tới giao-thiệp với gia-đình chàng, săn sóc chu đáo nên ít lâu sau chàng bình phục. Rồi chàng tìm đến chung sống với gia-đình tại Vọng-Nguyệt-Thung.

Tuy chia sẻ cuộc sống của những người cắm trại, mỗi buổi sáng chàng vẫn tìm nơi hẻo lánh tiếp tục viết. Cuối tháng 7 bản thảo đoạn 1 hoàn tất, chàng đem đọc cho cả trại nghe. Đêm hôm đó, tất cả mọi người tề tựu nghe chàng trình bày tác-phẩm, kể cả bọn trẻ con quấn trong chăn. Họ mãi mê nghe truyện đến hùng dũng thì vừa vặn đến trang cuối, và tất cả về sau vẫn còn nhớ mãi cái giây phút cảm-động được thưởng thức đầu tiên danh phẩm « Sói Biền » của Jack.

GIA-ĐÌNH TAN VỠ

Thế rồi, một buổi chiều, Jack đột-ngột vào ngõ lời với Bessie : « Anh sắp từ biệt em đây ».

Bessie tưởng chồng trở lại Piedmont, nhưng Jack cho biết là chàng rời bỏ hẳn gia-đình và không chịu nói vì duyên-cớ gì hết.

Nào ai có ngờ, con người làm tan vỡ gia-đình của Bessie chính là cô bạn Charmian Kittredge, một người hơn Jack đến mấy tuổi, chàng chút duyên dáng, mà chính Jack cũng thường chế nhạo. Nàng đã quyến rũ Jack đến mực chàng từ bỏ cả vợ lẫn con. Jack về Piedmont thu thập ít đồ dùng rồi thuê một căn phòng sống biệt lập ở tỉnh. Các báo đăng tải vụ tan vỡ đó.

Tuy nhiên, trong hai năm liền, vì sợ tai tiếng, Jack chỉ dám gặp Charmian Kittredge một cách thăm vụng thưa thớt, mỗi tuần độ hai lần.

Bessie thì đau đớn nhưng kiêu hãnh không chịu tranh đấu. Trong cơn buồn tủi nàng gặp niềm an-ủi của bà mẹ chồng. Flora London giận con nên quay lại làm lành với nàng dâu.

Bị người thân chê ghét, Jack hoang-mang không làm việc được nữa và đã có lúc người ta tưởng chàng đành bỏ dở không hoàn-thành được tập truyện « Sói Biền » Sau cùng chàng lên chiếc Spray dong ra biển, trốn những nỗi ưu phiền và tiếp tục cuộc sáng-tác.

Trong khi ấy « Tiếng gọi của rừng thẳm » được độc-giả cực-lực hoan-nghênh. Nếu bản-quyển cuốn sách không bán đứt thì chỉ trong vài năm có lẽ đem lại cho chàng hàng 100.000 đô-la. Nhưng Jack không hối tiếc, vì chàng

biết rõ Brett đã tung ra hàng đồng tiền đề quảng-cáo cho tên tuổi chàng, và như thế cũng đã lợi cho chàng nhiều lắm.

Jack gửi cho Brett tập đầu truyện « Sói Biền », Brett giới-thiệu với Giám-Đốc tờ Century Magazine và vị này điều đình trả cho Jack 4.000 đô-la đề được đăng dần trên báo. Jack mừng rỡ nhận liền. Chỉ trong một tháng chàng viết xong một tập cuối.

TRỞ LẠI CUỘC ĐỜI PHIÊU-LƯU...

Năm 1904, cuộc chiến-tranh Nga Nhật bùng nổ. Năm tờ-hợp báo-chí mời chàng đi làm phóng-viên chiến-tranh cho họ. Jack nhận lời với Hearst vì ông này trả tiền chàng hậu nhất, và lên đường phiêu-lưu mấy tháng liền trên chiến-trường.

Chính-phủ Nhật-Bản làm đủ mọi cách ngăn không cho phóng-viên các nước theo dõi cuộc chiến-tranh nên các đồng-nghệ của Jack đành phải ở lại Tokyo để thu thập tin tức. Riêng Jack, với sự cứng đầu ta đã biết, đã dùng mưu thuê được chiếc thuyền vẫy vùng ngang dọc trên sóng cả của Hoàng-Hải. Nhiều lần chàng suýt bỏ mạng vì men đến quá gần nơi tác-chiến, nhưng nhờ đấy mà sẵn được nhiều tin đến nỗi một mình chàng gửi về nhiều hơn tất cả các bạn đồng-nghệ của chàng cộng lại. Những tin chàng gửi về đăng tải trên rất nhiều tờ báo, làm chấn động dư-luận, và tên chàng nhờ đấy nổi lên như sóng cồn.

Nhưng khi về đến Mỹ-Quốc, chàng được tin Bessie đầu đơn xin ly dị. Chàng choang-váng trước tin đau đớn ấy, chàng khổ sở vì bị mất hai đứa con, vì thấy Bessie không còn hạnh-phúc và vì chính chàng cũng đâm hoang-mang không suy nghĩ gì hết. Jack qua một thời kỳ trống-trái nhất đời.

(Còn tiếp)

THANH-TÂM





A - TIN TRONG NƯỚC

1. - TÔNG-THÔNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA KINH-LÝ TỈNH THỪA-THIÊN

Tông-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã rời Sài-Gòn sáng 1-7-1960 để đi kinh-lý tỉnh Thừa-Thiên.

Tông-Thống đã thăm viếng các địa-diểm dinh điền và các công-tác nhằm mục-dịch cải-thiện hệ-thống giao thông và phát-triển du lịch trong tỉnh Thừa-Thiên. Sau đó, Tông-Thống đã đi Huế, còn các vị tùy-tùng trở về Sài-Gòn.

2. - LỄ KHAI-GIẢNG TRƯỜNG QUỐC-GIA SƯ-PHẠM (NIÊN - HỌC 1960-1961)

Sáng 19-7-1960, Ông Trần-Hữu-Thế, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục cùng Ông Trần-Bá-Chức, Tổng Giám-Đốc Trung, Tiểu-học và Bình-Dân Giáo-Dục đến dự lễ khai-giảng niên-học 1960-1961 trong vòng thân-mật tại Trường Quốc-Gia Sư-Phạm. Ông Bộ-Trưởng lần-lượt đến viếng các lớp học.

1024

VĂN HÓA - SỐ 58

Nhân dịp này, đề cho giáo-sinh hiểu rõ bản-phận trong thời-gian học tập tại trường, và những quyền lợi được hưởng khi tốt-nghệp, Ông Bộ-Trưởng nói đại khái :

« Là những người sẽ lãnh thiên-chức diu dắt các thế-hệ thanh-niên sau này, ngay từ bây giờ, giáo-sinh nên cố-gắng học tập trong kỷ-luật, và nhất là suốt đời giáo-chức, cần trau-giồi mãi hạnh-kiềm, đạo-đức đúng theo chủ-trương và lý-tưởng Nhân-vị của Chánh-Phủ.

« Vì Bộ Giáo-Dục cần cung ứng đầy đủ giáo-chức cho các trường-sở hiện nay đang bành-trướng mau lẹ, nên Bộ quyết-định hạ giá biểu học-bổng để có thể thêm nhiều giáo-sinh.

« Học bổng sẽ được cấp cho những giáo-sinh học-giỏi, hạnh-kiềm tốt hoặc nghèo »

Ông Bộ-Trưởng vui-vẻ giải đáp tất cả những thắc-mắc của giáo-sinh về vấn-đề học tập, nhất là về đời sống vật-chất tại trường.

3 - CUỘC VIỄN THĂM CỦA BÀ PHƯỚC MARY GRELL TẠI VIỆT-NAM

Bà Phước Mary Grell cùng với 2 vị nữ tu-sĩ và một y-sĩ sang viếng thăm Việt-Nam từ ngày 24 đến 28-7-1960 để tiếp-xúc với các nhà khoa-học trí-danh ở nước ta để nghiên-cứu về nhiệm-vụ của Khoa-học (nhất là ngành Sinh-vật-học), nhằm mục-dịch tiến tới sự thông-cảm hữu-hiệu hơn giữa Đông và Tây.

Ông Nguyễn-Khắc-Kham, Giám-Đốc Nha Văn-Hóa, đã hướng-dẫn bà Phước Mary Grell đi thăm các cơ-quan khoa-học tại Sài-Gòn.

4 - MÀY CUỘC TRIỂN-LÂM TẠI SÀI-GÒN

★ Cuộc triển-lâm các dự-án thiết-kế Đô-thị, kiến-trúc và hội-họa của Kiến-trúc sư Ngô-viết-Thụ giải nhất La-Mã do, Tòa Đô-chính Sài-Gòn tổ-chức, đã khai-mạc vào lúc 17 giờ chiều ngày 7-7-1960 tại Tòa Đô-chính. Ông Nguyễn-Đình-Thuần, Bộ-trưởng tại Phủ Tổng-Thống chủ-tọa lễ khai-mạc.

Trước đó, vào lúc 15 giờ, Kiến-trúc-sư Ngô-viết-Thụ có mở cuộc họp báo tại Phòng Khánh-Tiết Tòa Đô-chánh để trình-bày một dự-án chính trang Thủ-đô.

VĂN HÓA - SỐ 58

1025

★ Hôm 28-7-1960, ông Lê-Văn-Lãm, Giám-Đốc Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ đã đến chủ-tọa lễ khai-mạc cuộc triển-lãm họa-phẩm của ông Nguyễn-Khắc-Vinh tại số 165 đường Tự-Do Sài-Gòn.

Lối 60 họa-phẩm, phần lớn là sơn dầu, đã được trưng-bày tại cuộc triển-lãm này. Các bức « *Trung thu* », « *Vũ khúc* », « *Ngựa hoang* » với bố-cục chặt chẽ và cách xử-dụng màu đặc-sắc đã được quan khách đặc-biệt chú ý, cũng như họa-phẩm « *Giấc mơ tâm-sự* ».

Một trong số tác-phẩm của ông đã được lựa chọn hồi tháng Tư 1960 cùng với các họa-phẩm khác đã đem đi triển-lãm ở ngoại quốc.

5 — MÂY CUỘC DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN

✱ Hôm 21-7-1960, hội Việt-Nam Liên-lạc Văn-Hóa Á-Châu đã tổ-chức buổi nói chuyện tại Giảng-đường trường Đại-học Văn-Khoa (Sài-Gòn), về đề-tài « *Thanh-niên và vấn-đề du-học* ». Ông Lê-thành-Trị, diễn-giả và là sáng-lập hội-viên đã trình bày trước một số đông thính-giả một đề-tài rất hấp-dẫn và rất hữu-ích cho các phụ-huynh nam-nữ thanh-niên sắp có con em đi du học.

☆ Chiều 22-7-1960 tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ, Linh-mục Bửu-Dương đã nói chuyện về đề-tài « *Hạnh-phúc người Mỹ* » trước một số đông thính-giả.

Linh-mục Bửu-Dương đã trình-bày mạch-lạc vấn-đề nói trên, và nhận xét những yếu-tố đã tạo thành hạnh-phúc của dân-tộc Mỹ ngày nay.

Với những thí-dụ hết sức cụ-thể và hấp-dẫn mà Linh-mục đã được chứng-kiến trong thời-gian 90 ngày thăm viếng Mỹ-Quốc, Linh-mục đã chứng-minh rằng có nhiều điều mà người ta thường ngộ-nhận về người Mỹ đều là những điều sai lầm cả và thực ra dân-tộc Mỹ phần đông có đủ những yếu-tố để tự tạo lấy hạnh-phúc.

Sau cuộc nói chuyện có cuộc thảo-luận rất linh-hoạt và tất cả thính-giả đều hoan-ngheh Hội Việt-Mỹ đã tổ-chức một buổi diễn-thuyết hết sức hấp-dẫn và sâu-sắc.

★ Hôm 27-7-1960 tại Bộ Canh-Nông, Bác-sĩ Thú-y Tôn-Thất-Ngư đã nói chuyện về đề-tài « *Sự quan-trọng của việc thiết-lập đồng cỏ tại Việt-Nam.* »

Diễn-giả nhấn mạnh vào sự cần-thiết phải thiết-lập những đồng cỏ vì

người ta không thể đề-cập đến vấn-đề chăn nuôi mà không nói đến cỏ, cũng như không thể đề-cập đến vấn-đề vận-chuyên bằng xe hơi mà không nói đến dầu xăng.

Ngoài ra diễn-giả nói đến tầm quan-trọng của vấn-đề trong các nước khác, nhấn rõ rằng qua súc vật, qua chăn nuôi, cỏ là nguyên-liệu rẻ tiền nhất để biến hóa thành sữa, thịt, len và cũng từ đó là đầu giầy mối nhợ cho những kỹ-thuật phụ thuộc thú sản.

6. — GIỚI-THIỆU SÁCH BÁO MỚI

Văn-Hóa Nguyệt-san đã nhận được những sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản gửi tặng. Xin cảm-tạ nồng-hậu và ân cần giới-thiệu với bạn đọc thân mến.

— *Việt-Nam khảo-cò tập san* (số 1) do Viện Khảo-cò Bộ Quốc-gia Giáo-Dục xuất-bản. Viện này phụ trách việc nghiên-cứu văn-hóa cò-kim của Việt-Nam, khảo-cứu các nền văn-minh lịch-sử của chủng-tộc trong nước và các nước lân-cận, đã hết sức hoạt-động trong mấy năm nay và trong tập-san số đầu này, đã có một số bài khảo-cứu và những tài-liệu cò rất quý giá có liên-quan đến sử-học, cổ-vật-học, nhân-chủng-học v.v. .. Tập san gồm có 4 mục :

1) *Khảo-luận* (Mấy điều nhận-xét về Minh-hương xã và các cò-tích tại Hội-An ; — Vài nhận-xét về thời hiện-đại trong Việt-sử ; — Ưu-điểm và khuyết-điểm của chữ Nôm ; — Đi tìm địa-điểm và di-tích hai thành cò Quảng-Nam và Phú-Yên đầu thế-kỷ XVII. — 2) *Tài-liệu* (Hoại-Ngọc-Hầu ; — Nguyễn-văn, phiên-âm và dịch-nghĩa bài văn bia tại lăng vua Gia-Long. — 3) *Ký-sự* (Sưu-tầm tài-liệu cổ tại Âu-châu ; — Sơ-lược về các kho tàng chứa bảo-vật của các vua Chăm ; v.v...) — 4) *Diềm sách*.

Tất cả những bài đăng trong tập-san đều có kèm theo một sơ-lược bằng ngoại-ngữ (Pháp-văn hay Anh-văn) để phổ-biến trong giới học-giả không đọc được Việt-ngữ mà quan-tâm đến sinh-hoạt văn-hóa của Việt-Nam.

Tập-san dày ngót 200 trang, gồm có nhiều tranh ảnh quý-giá, do Viện Khảo-cò (7, Đường Nguyễn-bình-Khiêm, Sài-Gòn) phát-hành.

— *Công-thương Việt-Nam niên-giám* «Trịnh-Hưng» năm 1960, do nhà Trịnh-Hưng (9 Đường Cao-Thắng, Sài-Gòn) ấn-hành. Trong quyển niên-giám này có in đầy đủ danh-sách thị-trường quốc-tế (xếp theo thứ tự từng nước và từng ngành hoạt-động) cùng danh sách thị-trường Việt-Nam (Sài-Gòn và phụ-cận, các

ting miền Nam-Việt và Trung-Việt. Sách này rất hữu ích cho các nhà Công-nghệ và thương-mại Việt-Nam muốn liên-lạc trực tiếp với các nhà sản-xuất và các thương-gia trên thị-trường Quốc-tế hay Việt-Nam — Sách dày hơn 700 trang khổ lớn, giá bán 300\$.

— *Chiều sống đời*, tiểu-thuyết cách-mạng do Ô. Trần-đồng-Vọng sáng-tác đề «ghi một thời-đại điển-hình của nếp sống Việt qua 10 năm khói lửa và đề đánh dấu một đoạn lịch-sử đen tối nhất, trong đó người chiến-sĩ quốc-gia đã tranh-đấu cho Tộc-quốc trong trận thế-chiến thứ II. Sách dày hơn 140 trang, giá bán 40\$, do tác-gia xuất-bản.

— *Mưa gió sông Tương* là một thi-phẩm gồm 64 bài thi tuyển do nữ-sĩ Trương-Phổ đã sáng-tác trong 34 năm (1915-1939), viết theo các thể-cô (phần nhiều là lục-bát và song-thất lục-bát, điển-tả tâm-sự chua xót não nùng của một quả-phụ đã chịu đựng trong đời nhiều nỗi tang tóc đắng cay. Sách in rất mỹ-thuật, dày một 120 trang, khổ lớn, giá bán 80\$.

— *Ác-mộng*, tiểu-thuyết của Ô. Ngô-xuân-Phụng do Cơ-sở Báo-chí và Xuất-bản Tự-do (Sài-Gòn) ấn-hành. Sách dày 126 trang, giá bán 25\$.

— *Trong lũy tre xanh*, tập truyện ngắn về phong-tục tập-quán. Do nhà văn Toan-Ánh trưóc-tác. Tập truyện này viết từ năm 1944, mô-tả nhưng truyện xảy ra ở thôn-quê Việt-Nam, nhất là ở vùng Bắc-Việt. Sách dày 178 trang, in lần thứ hai tại Vạn-Lợi ấn-quán (Sài-Gòn), giá bán 36\$.

o o o

Ngoài ra, V. H. N. S. còn tiếp nhận được những báo mới phát-hành sau đây :

— *Trái tim Đức Mẹ* số 1 tục bản, do L.M. Minh-Đặng làm Giám-đốc, tòa-soạn tại đất Đổng-Công, Thủ-Đức và phát-hành tại 673, Đ. Trương-Minh-Giang, Sài-Gòn.

— *Quê-hương*, số 13 tháng 7 n. 1960, do Ô. Trần-văn-Minh đứng làm Tổng Thư-Ký biên-khảo : Tập-chí dày hơn 400 trang giá bán 20\$, phát hành tại 55, Cư-xá Kiến-thiết, đường Công-Lý, Sài-Gòn.

— *Thế-Kỷ hai mươi*, số 2 tháng 8 năm 1960 do Ô. Nguyễn-Khắc-Hoạch chủ-trương biên tập. Tập này dày ngót 100 trang (khổ lớn), giá bán 15\$.

— *Tin sách* phát hành về tháng 7 năm 1960, do Ông Nguyễn-ngọc-Phách đứng chủ-trương biên-khảo. Tập này dày 16 trang (khổ nhỏ, giá bán 2\$.

— *Văn-Hóa Á-Châu*, số 5 (tập III) tháng 7 năm 1960 do Giáo-sư Nguyễn-Đặng-Thục đứng chủ-nhiệm. Tập này dày 100 trang, giá bán 20\$.

— *Bách-Khoa* số 86 ngày 1-8-1960 do Ô. Huỳnh-văn-Lang đứng chủ-nhiệm. Tập này dày hơn 100 trang, giá bán 10\$.

— *Traugười Anh-ngữ* số 42 do Ô. Lê-bá-Kông đứng Giám-đốc. Tập này dày hơn 40 trang, giá bán 7\$.

— *Văn-Hữu* số 7 tháng 7 năm 1960, do Ô. Nguyễn-duy-Miến đứng Giám-đốc. Tập này dày 200 trang, đặc biệt đề-cập đến vấn-đề «mê-tín dị-doan», giá bán 15\$.

— *Sáng đời miền Nam* số 6 (12) năm 1960 do Ô. Võ-đức-Diễn đứng chủ-nhiệm kiêm chủ-bút. Tập này dày 34 trang (khổ lớn), giá bán 12\$.

B — TIN NGOÀI NƯỚC

I.— VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NHỊ QUỐC-TÊ

HỌC-CHÁNH LẦN THỨ 23 TẠI GENÈVE

Một Phái-đoàn Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục gồm có các ông Huỳnh-văn-Đạo, Tổng Thư-ký và Lý-Chánh-Trung, Chánh Văn-phòng, rời Sài-Gòn tối ngày 2-7-1960 qua Genève tham-dự Hội-nghị Quốc-tế Học-chánh lần thứ 23, nhóm họp từ ngày 6 đến 15-7-1960.

Trong thời-gian Hội-nghị, Ô. Huỳnh-văn-Đạo đã được bầu làm Phó-Chủ-tịch Hội-đồng Giáo-dục quốc-tế ở Genève.

2 — THAM-DỰ HỘI-NHỊ QUỐC-TÊ CÁC BÁC-SI

CÔNG-GIAO TẠI MUNICH

Hôm 20-7-1960, Phái-đoàn Bác-sĩ Công-Giao Việt-Nam đã rời Sài-Gòn đi Munich để dự Hội-nghị thứ 9 của Liên-Đoàn Thế-Giới các Bác-Sĩ Công-Giao. Phái-đoàn Việt-Nam do Bác-sĩ Lý-Trung-Dung, Tổng Thư-Ký Hội Bác-sĩ Công-Giao làm Trưởng Phái-đoàn và gồm có hai nhân-viên nữa là các Bác-sĩ Nguyễn-Bá-Hậu và Đỗ-Văn-Minh.

Sau khi dự Hội-nghị các Bác-sĩ Công-Giao nhóm-họp từ 25 đến 30-7. Phái-đoàn Việt-Nam lưu lại Munich để tham-dự Đại-Hội Thánh-Thê thế-giới tổ-chức tại thành-phố này từ 1-8 đến 8-8-60.

3.— TÔNG HỘI GIÁO-GIỚI VIỆT-NAM THAM-DỰ

HAI ĐẠI-HỘI QUỐC-TÊ

Ông Viện-trưởng Đại-Học Nguyễn-Quang-Trình, Chủ-tịch và các ông Trương-Văn-Chôm, Phó Chủ-tịch, Nguyễn-Hữu-Chính, Tổng Thư-Ký Tổng Hội Giáo-Giới Việt-Nam, đã rời Sài-Gòn tối ngày 12-7-1960, đáp máy bay qua Âu-Châu để tham-dự một khóa hội-thảo về đề-tài « Sự gặp gỡ giữa Âu và Á tại học-đường », nhóm họp từ ngày 16 đến 26-7-60 tại Herrsching, gần Munich (Đức quốc).

Sau đó, các vị nói trên cũng tham-dự đại-hội của « Tổng Liên-đoàn Thế-giới các Tờ-chức Giáo-giới » nhóm tại Amsterdam (Hà-Lan) từ 31-7 đến 8-8-1960.

4 — VIỆT-NAM CHIÊM GIẢI NHẬT VỀ CUỘC TRIỀN-LÂM NHIỆP-ẢNH QUỐC-TÊ TẠI MONTEPELLIER

Hội nhiếp-ảnh Montpellier đã tổ-chức một cuộc Triển-Lãm Nhiếp-Ảnh Quốc-Tế từ ngày 26-3 đến 10-4-60.

Sáu quốc-gia Việt-Nam, Nhật-Bản, Tân-Gia-Ba, Nga-Sô, Ba-Lan và Hung-Gia-Lợi đã được mời tham-dự cuộc Triển-Lãm Nhiếp-Ảnh Quốc-Tế Montpellier.

Việt-Nam gửi 80 tác-phẩm của 22 nghệ-sĩ tham-dự cuộc Triển-lãm nói trên.

Với một kỹ-thuật vững chắc, Việt-Nam đã chiếm giải nhất và được tặng một chiếc cúp bạc.

